

## **Tác Giả và Tác Phẩm**

### **Tưởng Năng Tiến**

#### **Tiểu sử**

Sinh năm 1952 tại Sài Gòn Hiện ngụ cư tại California, Hoa Kỳ.

#### **Tác phẩm**

Mục sở tay thường dân, Cuộc chiến chưa tàn, Măng đầu mùa.



### **Mục Lục**

- Nhà có hoa anh đào – 2**
- Cuối năm nghe chơi một CD nhạc Tết - 7**
- Thằng lính bạc tình – 12**
- Trận cuối – 18**
- Mì Quảng – 23**

#### **Phụ đính I :**

- Gãy súng rồi gãy viết (Cao Xuân Huy) – Sao Khuê (Tô Hoài)**
- Phùng Cung giữa trăng sao và mộ chí**
- Trần Đăng Khoa & thơ văn thời bỏ mả**
- Ký túc xá - Đọc Đại Vệ Chí Dị của Người Buôn Gió**

#### **Phụ đính II :**

- Mùa xuân (chợt) nhớ chuyện mai sau**
- Cá hồi đỏ - Cuối năm về Galang**
- Số bao cuối cùng – Đám Bắc kỳ - Ký túc xá**

*(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)*

## Nhà có hoa anh đào

Khi mở cửa bước ra sân sau, cả hai bố con tôi đều đứng sững, mở lớn mắt nhìn.

- Có cây hoa đào con ơi! Bố tôi kêu khẽ ngạc nhiên.

- Dạ, hoa đào.

Tôi đáp nhỏ rồi đứng lặng ngắm bày ong bé tí đang lượn quanh những bông hoa vừa hé nở. Đạo ấy vào khoảng tháng Hai, đúng lúc mận đào ở Mỹ đang độ khai hoa. Những cánh hoa hồng thắm mong manh rung nhẹ trong nắng sớm gây trong tôi một niềm xúc cảm thật êm đềm nhẹ nhàng nhưng sâu đậm. Lâu lắm tôi mới lại nhìn thấy hoa đào.

Trí tưởng của tôi bỗng quay nhanh về một thành phố cũ, nơi mà tôi đã lớn lên và đã ướp đắm tuổi thơ của mình bằng hàng trăm loại hương hoa: hoa hồng, hoa ngũ sắc, hoa rế quạt, hoa bìm bìm, hoa dạ lý, hoa mận... ; và tất nhiên là phải có hoa đào. Nói một cách hơi quá ướt át, người ta vẫn gọi đó là "xứ hoa đào" ma.

Tôi thấy rõ ràng là mình đang lơn tơn hớn hờ trên đường đến trường vào một buổi sáng tinh mơ. Con đường Thủ Khoa Huân nhỏ hẹp, thoai thoải dốc, cần cặn những viên đá bạc đầu dưới mỗi bước chân đi. Hai bên đường, chen lẫn giữa những bụi hoa quỳ man dại, là những cành mai mềm mại ẻo là vươn cao lấm tấm điểm những cánh hoa còn ướt đắm sương đêm.

Cùng lúc, bố tôi - không chừng - cũng đang đi lại trên một con đường nào đó của riêng ông. Có thể đó là một con đường rừng rục rờ mai vàng, giữa vùng biên giới Hoa - Việt, khi mà ông chưa gặp mẹ tôi, và vào lúc mà chuyện đánh đuổi thực dân còn là điều làm say lòng cả một thế hệ người.

Mẹ tôi, không hiểu đã lặng lẽ đến đứng sau lưng chúng tôi tự lúc nào, bà kêu lên thích thú:

- Có cả cây hoa đào và cây chanh nữa hả con!

- Vâng...

Tôi nói "vâng" lí nhí mà lòng thì sung sướng hãnh diện như thể chính mình là kẻ đã gieo trồng vun sỏi hai cây đào và cây chanh đó vậy. Sự thực, trước đó một tuần, khi đi xem nhà vào ban đêm tôi không hề biết rằng vườn sau có cây trái gì cả. Tìm được một căn nhà ở khu yên tĩnh, giá thuê vừa phải, và người ta không để ý đến sự dị biệt màu da hay màu tóc đã đủ làm tôi mừng quýnh đi rồi.

Bữa cơm đầu tiên nơi căn nhà mới chúng tôi ăn với thịt gà luộc chấm muối tiêu và lá chanh thái chị. Mẹ tôi xuýt xoa khen ngon và quên bẵng đi cái tội "mềm nhũn" của những con gà Mỹ. Như thường lệ, bố tôi vẫn giữ im lặng nhưng chỉ cần nhìn ánh mắt của ông là tôi đã nhận thấy có sự hài lòng. Cả ngày hôm ấy, và nhiều ngày tháng kế tiếp nữa, chúng tôi đều rất bận và vui - sự vui thích mà đã có lúc tôi ngỡ rằng sẽ không bao giờ còn tìm lại được trên nét mặt của bố mẹ già nữa. Trước đó một năm, cũng đã có lúc gia đình tôi sống rất an vui. Đó là thời gian tôi vừa đón bố mẹ từ quê nhà sang, theo chương trình đoàn tụ gia đình. Nhưng rồi sau đó không lâu là những ngày tháng buồn bã tẻ nhạt khiến tôi vô cùng bối rối và khổ sở.

Vì không lường trước, và cũng vì sự giới hạn của tiền bạc, tôi đã "nhốt" bố mẹ già gần cả năm

dài, sau bốn bức tường, trong một chung cư ở thành phố San Jose, California. Khi niềm vui đoàn tụ đã qua đi, và khi mà cả hai người đều bắt đầu có triệu chứng chết héo giữa đất lạ xứ người thì tôi đâm hoảng.

Việc đầu tiên là tôi vội vàng đưa bố mẹ đi chùa. Trời Phật ời, chùa ở Mỹ sao mà nhỏ xíu và vắng ngắt vậy nè. Vào ngày lễ lớn chùa có đông người thì bên ngoài không còn chỗ đậu xe, và bên trong thì không đủ chỗ ngồi.

- Sao chùa chiền ở đây giống y như nhà ở thế hả con ?

Sự thực thì đó đúng là cái nhà chứ còn "giống như" gì nữa. Tôi không hiểu, và cũng không dám hỏi xem, căn nhà đó thuê hay mua trả góp. Và dù mua hay thuê, bằng cách nào mà vị sự trụ trì trả nổi một số tiền cho căn nhà bốn phòng - đối với riêng tôi - đúng là một điều "màu nhiệm".

Sau đó, tôi đưa bố mẹ đi phố Tàu, với lời giải thích ba hoa rằng "vào đây bố mẹ sẽ thấy thoải mái y như thể là mình đang đi trong Chợ Lớn ở Sài Gòn vậy". Kể cả vào mùa Hè, thời tiết của thành phố San Francisco dường như vẫn cứ hơi quá lạnh đối với sức khỏe mong manh của bố mẹ tôi. Nhìn hai ông bà già co ro, ngơ ngác giữa những hè phố luôn luôn chen chúc người đi mà không dưng ruột tôi muốn... đứt. Rõ ràng là bố mẹ tôi không thấy "thoải mái" một tí nào cả. Không bao lâu cả hai người đều than là nhức đầu và chóng mặt. Chính tôi, tôi cũng cảm thấy... y như vậy!

Vì thiếu đất nên Chinatown chỉ có thể phát triển theo chiều cao. Cùng với cái lối kiến trúc theo chiều dọc này là cái tính hay bày biện lộn xộn và hay chưng hoa kết đèn của người Trung Hoa khiến cho đôi mắt của du khách lạc vào khu phố của họ phải điều tiết quá nhiều; do đó, ai mà không chóng mặt. Và nếu bố mẹ tôi biết được rằng trong một phạm vi chỉ có hai mươi bốn lốc đường mà chứa lúc nhúc đến bốn chục ngàn người (một mật độ cao nhất thế giới) - lúc nào cũng nói năng xì xạo - thì hẳn là ông bà còn nhức đầu hơn nhiều lắm.

Chúng tôi vội vã chạy ra khỏi khu rừng người vô duyên độ Loanh quanh một lát, tôi đưa bố mẹ đi khoe cầu treo Golden Gate, mà vẫn theo lời tôi là "to và dài nhất hoàn cầu." Bố tôi nhìn cái cầu với đôi mắt lãnh đạm như thể là người ta nhìn thấy cây viết hay cục tẩy trên bàn vậy. Mẹ tôi thì quan sát trầm ngâm một lúc rồi lẩm bẩm:

- Theo mẹ thì mình cứ xây độ một trăm cái cột chống cho nó an toàn, con a Chả tội gì phải để nó chông chênh như thế.

- Vâng, mẹ dạy như thế là phải!

Tôi đáp cho qua chuyện rồi lặng lẽ đưa hai người ra vệ Trên đường về tôi cảm như hén vì buồn quạ. Bố mẹ tôi thì mệt quá nên cũng chả ai nói năng gì. Trong xe tôi đã mua sẵn mấy băng nhạc cải lương. Điều đáng tiếc là tuy hai ông bà cũng thích nghe cổ nhạc miền Nam nhưng không thích lắm. Hai người có vẻ ưa nghe cô Hồ Điệp ngâm thơ hơn. Tôi lại chỉ tìm được mỗi một cuốn băng của Hồ Điệp thôi nên đã có lúc "đành" phải vào phòng, đóng kín cửa lại, vừa dạo đàn, vừa ngâm một số những bài thơ - mà phần lớn do chính tôi sáng tác - để "cống hiến" cho bố mẹ già, vào lúc mà không khí gia đình buồn tẻ hay nhạt nhẽo.

Khi còn trẻ, mỗi lần uống rượu say, ở bất cứ nơi đâu tôi cũng đều bắt mọi người "phải" im lặng nghe tôi ngâm thơ. Dù chưa bao giờ bị ai đánh vì chuyện này, không hiểu sao, từ khi qua tuổi ba mươi tôi "bỗng" trở nên biết điều hơn. Tôi vẫn say rượu, thỉnh thoảng, nhưng cái vụ ngâm

thơ hay ca hát thì bỏ hẳn.

Tuy thế, tôi vẫn không từ bỏ niềm tin vào "làn hơi thiên phú" của mình. Nếu nó không giúp tôi hái ra tiền thì ít nhất nó cũng đủ làm cho bố mẹ tôi vui. Tôi đã tưởng thế vì cũng như bao nhiêu bà mẹ "điên khùng" khác trên cuộc đời này, mẹ tôi rất thích bất cứ cái gì do con mình làm ra. Bà cụ cứ nghe đi nghe lại mãi cuộn băng do chính tôi ngâm thơ.

Điều không may là bố tôi thì khác. Ông tỉnh táo và khách quan hơn. Đợi vào lúc mẹ tôi không có mặt, ông nhỏ nhẹ nói:

- Con ngâm thơ bố thấy cũng hay, nhưng giá con đừng làm như vậy nữa thì không chừng lại hay hơn nhiều.

Vậy là những cuộn băng "đặc biệt" ấy phải chìm vào quên lãng.

Sau vụ đó, tôi chuyển sang băng nhựa video. Không phải là tôi làm hề rồi tự thu băng để chiếu lại cho bố mẹ già giải trí như Lão Lai bên Tàu đã làm hồi xưa đâu. Thiệt tình là tôi dở hơi không tới cỡ đạo Chi vì thấy chuyện chường Kim Dung được quay thành phim video và chuyển âm sang tiếng Việt nên tôi vội vàng đi mua máy, mượn phim về để cả đống ở nhà.

Những tác giả ngoại quốc tôi ít khi để ý, trừ Kim Dung. Nếu không tình cờ gặp ông vào năm mười tuổi có lẽ tôi cũng đã thi đậu vào đệ thất của một trường công lập ngay keo đầu rồi.

Tôi hy vọng không khí trong gia đình sẽ đỡ tệ nhạt hơn nếu bố mẹ tôi chịu ngồi xem phim chường suốt ngày. Tối đến, tôi sẽ ba hoa liếng thoắng bàn thêm cảnh Tạ Tốn cướp đao trên Bàn Sơn Đảo. Nếu bố mẹ tôi chưa hiểu rõ về công phu Sư Tử Hồng hay về sự khác biệt giữa phe Kiếm Tông và Khí Tông trong phái Hoa Sơn thì đúng là những cơ hội bằng vàng để tôi có dịp khoe khoang về kiến thức trời biển của mình. Tiếc thay, bố mẹ tôi chả hề để mắt đến những cuộn phim thổ tả đạo Theo lời ông cụ thì "chúng nó nói một thứ tiếng Việt không phải của người Việt". Còn mẹ tôi thì chỉ sau một show ác đấu ngắn ngủi của Kiều Phong ở Tụ Hiền Trang là bà cụ đã vội vã chạy ngay vào phòng đọc... kinh cầu siêu.

Dù vẫn bị mang tiếng là hơi chậm hiểu, cuối cùng, tôi cũng nhận ra được sự thiếu thốn mất mát lớn lao trong đời sống của bố mẹ tôi nơi xứ lạ quê người. Họ cần một miếng đất. Họ phải sống trên đất, gần đất và với đất. Trái thảm, trảng xi măng, lót nhựa đường để che hết đất là giết chết con người, Giờ a

Tôi nhớ đến hôm đi San Francisco về, mẹ tôi đã nhìn những đồi cỏ xanh bát ngát và chép miệng:

- Đất bỏ hoang nhiều quá, hoài của thật con nhỉ ?

Tôi vội vàng cải chính:

- Đâu có, me Nông trại cả đấy chứ Mẹ không thấy người ta nuôi bò và ngựa trên đó sao ?

- Ừ nhỉ! Thế mà mẹ cứ tưởng... Sao người ta làm đất thế...

Thế là tôi xin việc làm thêm, cố gắng dành dụm một số tiền đủ để đặt cọc thuê được một căn nhà duplex. Nhà mới tuy bé nhỏ nhưng vẫn có đủ sân trước, vườn sau, nằm ở khu an ninh và toàn người láng giềng da trắng đàn ông sạch sẽ Đã thế, chúng tôi còn có sẵn cả cây chanh

và cây hoa anh đào nữa.

Thời gian sau đó, gia đình tôi sống rất yên vui và ổn thỏa. Vào mùa Hè, khi tôi từ sở làm về trời vẫn còn nắng chói chang. Mở cửa vào nhà xong là tôi bước ngay ra sau vườn. Bao giờ bố tôi cũng đang ngồi uống trà dưới gốc cây đào; và mẹ tôi thì lui hui bận rộn với những luống rau bé bỏng của bạ Gần như từ sáng sớm cho mãi đến khi chiều tối, lúc nào bố mẹ tôi cũng sống ở ngoài vườn.

Chúng tôi phân định mảnh đất tí teo vừa thuê được ra làm nhiều phần rất là rõ rệt. Bố tôi chăm sóc cây đào, cây chanh và giàn hoa giấy màu xác pháo ở cổng vào. Rẻo đất phía trước cũng là nơi để ông giồng hoa cúc.

Phần tôi, tôi chỉ xin một góc cồn con, vô cùng khiêm tốn để gieo một ít poppy và trồng mấy cụm pensee thôi. Chẳng hiểu bố tôi có kỷ niệm gì với loài hoa cúc đại đóa hay không; riêng tôi, hai loài hoa vừa kể là hai hoài niệm về hai mối tình te tua của đời mình. Cho mãi đến bây giờ, tôi vẫn không hiểu sao, đường tình duyên của mình lại ít may mắn thế.

Nguyên cả mảnh vườn sau là giang sơn riêng của mẹ tôi, một giang sơn nhỏ hẹp nhưng vô cùng phong phú Tôi cuốc một luống đất dài để mẹ giồng đủ loại rau thơm: rau húng quế, húng nhũi, tía tô, rau răm, kinh giới, mề ôm... ; và tất nhiên phải có hành ngò và cả sả nữa.

Người ta không mấy khi có dịp làm được một thức ăn với sả ở Hoa Kỳ Nhưng có hề chị Dậu ai cố gây và giữ cho được một bụi sả chỉ vì nó cần cho nồi cà ry hay cho món thịt bò kho Điều cần là thỉnh thoảng, khi buồn buồn mình có thể ngắt một lá sả vò nhẹ trong tay, rồi đưa lên mũi để hít thở được hương vị của cá quê hương thoảng thoảng nhẹ nhàng trong đó.

Mẹ tôi còn thích có một hàng cải bẹ xanh, xanh thật là xanh, để vào những lúc nắng nhạt bà có dịp nhìn thấy vài đôi bướm trắng chờn vờn trên những luống hoa vàng. Luống đất còn lại chúng tôi gieo hạt rau dền, rau tần ô, và rau muống - những thứ rau mà tôi biết rằng nếu thiếu đi thì cuộc đời mẹ tôi kể như là vô nghĩa. Phần đất sát với bờ rào của nhà bên cạnh thì tôi làm giàn cây để cho khổ qua, bầu, và mướp có chỗ leo.

Tôi không ưa hoa bầu và hoa mướp đâu. Coi vô duyên thấy mẹ Nhưng với giàn khổ qua thâm thấp, lá xanh sắc, nhỏ nhắn, xinh xinh, điểm những hoa vàng nhỏ li ti thì trông thương lắm.

Tôi "dạ" mẹ rằng:

- Bầu ở Mỹ tốt lắm mẹ nhạ Quả nào cũng dài lê thê đến chấm đất luôn.

- Hay quá, hả con.

- Da

Tôi "dạ" ngọt như đường cát, mát như đường phèn. Thế là bữa cơm tối nào gia đình tôi cũng có chuyện để nói. Và toàn những chuyện vui. Mẹ tôi có lúc xuýt xoa:

- Bắp của Mỹ lạ lắm con nhạ Mẹ mới gieo có hai hôm mà đã lên cao cả gang tay.

- Da

Tôi lại "dạ" dịu dàng rồi vội vã thêm:

- Ở đây nó thế mẹ a

- Hay nhi.

Tôi thấy hãnh diện cho giàn bầu và mấy cây bắp con con quạ Sau hơn một năm ở Mỹ, mọi thứ đều bị mẹ tôi coi thường, kể cả "cái cầu treo dài nhất thế giới"; chỉ riêng có hai giống thực vật vừa kể là nhận được hai câu khen tặng "hay quá" và "hay nhi" ngắn ngủi hiếm hoi thôi.

Có hôm đang bữa cơm bỗng mẹ tôi buông đũa, thản thốt kêu:

- Thôi chết rồi, con ơi!

- Sao hả mẹ ?

- Mẹ quên nói với con là mấy cây rau mồng tơi và rau răm vừa mới nhú lên thì đã bị Ốc sên cắn mất mấy cái lá rồi.

Trời, chuyện nhân quyền bị vi phạm ở Tàu, ở Cuba, ở Việt Nam hay ở đâu đó thì tôi đành bỏ qua, chứ còn cái thứ ốc sên mà cũng bày đặt hoành hành ngay sau sân sau nhà tôi thì đâu có được. Tôi bỏ dở bữa cơm, hùng hổ lái xe ngay đến Kmart vác mấy hộp thuốc trừ sên về rải khắp vườn. Thỉnh thoảng còn có dịp chứng tỏ cho mẹ thấy là mình chưa hoàn toàn vô dụng khiến tôi thấy nhẹ người hết sức.

Bố tôi vẫn thường giữ im lặng như bản tính xưa nay của ông; tuy thế, khi nhìn thấy rau thơm giồng ở ngoài vườn đã được ông cụ chiếu cố làm cho tôi thực sự thấy rất yên lòng.

Tôi nhớ mãi ngày đầu tiên đưa bố mẹ đi ăn phở ở hiệu Đắc Phúc. Ông cứ cầm cọng rau húng quế mãi trên tay, ngắm nghía thật lâu, vò nát một góc lá, đưa lên mũi ngửi rồi vứt xuống bàn. Tôi đã thấy nhiều người tỏ sự thất vọng và khó chịu vì mùi vị nhạt nhẽo của những cây rau thơm giồng ở Mỹ, nhưng chưa thấy ai biểu lộ một thái độ chán chường đến thế.

Chao ơi, ngay cái giây phút đó sao tôi khổ quạ Tôi chỉ muốn chết cho rồi. Tôi thương bố tôi đến chảy nước mắt và thấy ái ngại cho những cây rau thơm mọc ở xứ người. Lá của chúng cứ mỗi ngày một lớn và hương thơm thì cứ theo thời gian mà nhạt dần đi.

Rau thơm mẹ tôi giồng ở sau vườn cũng chẳng thơm gì mấy, nhưng khi nhìn thấy bố tôi nhẩn nại ngắt từng lá bỏ vào chén khiến tôi thấy được an ủi vô cùng.

Tôi đã nghĩ là phải tìm cách mua cho được căn nhà đó, phải mua bằng được một nơi trú thân an ổn cho bố mẹ già. Chỉ cần cố gắng thêm một thời gian nữa, thời gian đủ cho chúng tôi để dành được một số tiền thế chân chừng mười phần trăm là có thể nói chuyện mua bán được rồi.

Tôi cũng đã mừng tượng trước là sẽ giồng thêm cho mẹ một cây bơ, và một hàng anh đào che kín vườn sau cho bộ Rồi ra, căn nhà của chúng tôi sẽ rực rỡ hoa đào mỗi độ xuân về.

Cái mùa xuân rực rỡ đó, tiếc thay, đã không bao giờ đến. Biền cố đến trước mùa hoa đào nở Có hôm, người quản lý khu phố điện thoại vào tận chỗ tôi làm việc, với giọng gắt gỏng:

- Ê, dađy của mày sao kỳ quá hà ?

- Kỳ làm sao ?

- Ông cứ mặc đồ ngủ đi vòng vòng hoài hạ Hàng xóm họ nghi ông điên. Mà ông có "bị sao" không vậy ?

Tôi ngọng. Sự thực là bố tôi rất hay mặc một bộ quần áo pyjama trắng, đội cái nón nỉ, khoác thêm chiếc áo bành, và cầm một cây gậy đi dạo mỗi sáng "cho nó khỏe người". Hình ảnh này đối với tôi bình thường và quen mắt quá Tôi quen với nó ngay từ ngày bố tôi chưa phải cầm gậy, và thay vào đó là ông cầm bàn tay bé bỏng của tôi kìa. Tôi thấy như vậy "có sao" đâu ?

Sau đó đến chuyện của mẹ tôi. Bà cụ có hàm răng đen. Và cũng cứ theo lời thằng cha quản lý khu phố thì lúc bà cười "khiến nhiều người sợ hãi." Hấn làm tôi nghĩ ngay đến một bà cụ quê mùa, nhỏ bé loắt choắt, lúc nào cũng đội xùm xụp chiếc khăn mỏ quạ, thỉnh thoảng đi lại ngoài đường... Hình ảnh này đối với một số người Hoa Kỳ quả là "khó coi", đó là chưa kể đến hàm răng đen. Tôi không hề nghĩ đến điều đó vì đối với riêng tôi - trong những năm dài xa cách - mỗi khi nhớ đến mẹ là tôi chỉ thấy hình ảnh của bà khi tôi còn bé tí, đi đâu cũng nắm chặt chéo áo của mẹ thôi; thườ ấy, răng của mẹ tôi đen huyền, môi hồng cắn chặt Dù có thêm bao nhiêu ngàn năm nữa qua đi thì mẹ tôi vẫn cứ mãi mãi đẹp tươi như thế và vĩnh viễn chẳng bao giờ có gì "khó coi" ca. Cuối cùng là chuyện mấy con gà . Đàn gà mà mẹ tôi vô cùng hãnh diện vì lúc khởi đầu nuôi chỉ có mấy con thôi mà chẳng bao lâu nhà tôi đã biến thành "trại gia cầm."

Hàng xóm than phiền là họ không ngủ được vì tiếng gà gáy sáng. Thế mà trong bao lâu cả hai mẹ con tôi vẫn cứ ngỡ là mình đã mang lại cho cả khu phố cái không khí thôn dã êm đềm nhờ vào tiếng gà gáy trong trẻo vào mỗi sáng. Tôi có thể thuyết phục bố tôi thôi đừng đi dạo với bộ quần áo ngủ, năn nỉ mẹ tôi đừng tiếp tục nuôi gà nhưng tôi không biết làm thế nào ngăn được ác cảm và thành kiến của người dân bản xứ Và rồi chuyện phải đến, đã đến.

Người quản lý báo cho tôi biết họ cần lấy lại nhà để sửa. Tôi hiểu đó chỉ là một cái cớ nên năn nỉ xin ở lại và đề nghị trả tiền thêm. Tôi cũng cố giải thích cho hấn hiểu là bố mẹ tôi sẽ chết nếu sống không có đất. Cuối cùng hấn đành nói thực:

- Từ khi tụi mày tới đây khu phố ngó bộ muốn xuống gia. Chủ nhà chủ đất nó đâu muốn như vậy. Tao chỉ là thằng làm mướn cho tụi nó thôi. Nó biểu sao là tao làm vậy ha.

Thế là thôi. Thôi giã từ căn nhà có hoa anh đào, có hương hoa chanh thoang thoang mỗi sáng, có bầy ong nhỏ loanh quanh bên giàn khổ qua xanh lá mỗi trưa, có đôi bướm trắng chờn vờn trên những luống cải lấm tấm điểm bông vàng vào những buổi chiều nhạt nắng. Người ta không thể mướn một mảnh đất để làm quê hương dù chỉ là mướn tạm để cho bố mẹ già nương náu cho hết những ngày tàn ngắn ngủi còn lại.

## Cuối năm nghe chơi một băng nhạc Tết

Xuân vừa về trên bãi cỏ non  
Gió xuân đưa lá vàng xuôi nguồn  
Hoa cười cùng tia nắng vàng son  
Lũ ong lên đường cánh tung tròn...

Nếu thực sự có một mùa xuân êm đềm và tươi thắm quá cỡ như vậy mà bạn vẫn chưa hài lòng thì xin nghe thêm vài câu nhạc nữa:

Có một chàng thi sĩ miền quê  
Hái bông hoa trao người xuân thì  
Có một bầy em bé ngoài đê  
Hát câu i tờ đón xuân về...

Tôi dám cá là suốt Thời Trung Cổ, không nơi nào trên trái đất này, có một mùa xuân tươi thắm và êm đềm hơn là mùa xuân mà Phạm Duy vừa mô tả - qua bản nhạc Hoa Xuân, như vừa dẫn. Nhưng Phạm Duy không phải là người thuộc Thời Trung Cổ. Ông cùng thời với tôi và bạn mà. Vậy chớ ông ta viết về mùa xuân nào (vào thời đại chúng ta) mà thái hòa và an lạc dữ vậy kia? Thiệt nó đẹp như mơ vậy đó nha. Và sao tui nghi là ông đã nằm mơ quá hà. Chớ giữa chúng ta, nhất là những kẻ sinh trưởng ở miền Nam Việt Nam, có mấy ai đã từng nhìn thấy một bờ đê. Cái đê trần trụi vắng hoe cũng khỏi có luôn, nói chi đến 'một bầy em bé... hát câu i tờ đón xuân về', vào một buổi chiều xuân nào đó, đã xa lắc xa lơ, trên bờ đê lộng gió.

Còn chuyện 'có một chàng thi sĩ miền quê, ngắt bông hoa trao người xuân thì' (thì...ôi thôi) nhắc làm gì cho nó thêm buồn. Tui nói vậy bạn dám cãi lắm à nha, dám bạn sẽ đưa Nguyễn Bính ra làm bia đỡ đạn, với lý do 'ông là thi sĩ miền quê cuối cùng' của thời đại chúng ta. Tệ hơn nữa, bạn còn dám mang Nguyễn Duy ra để hù tui, bằng những bài thơ lục bát làm 'phóng ảnh treo tường' (để bán) của ông.

Xin lỗi bạn chớ, cỡ Tú Xương đây mà cũng đã có lúc phải ứa lệ - rầm rứt khóc thảm (dám bằng tiếng Pháp) vì nạn đô thị hóa, đây nè:

Sông [kia](#) giờ đã nên đồng  
Chỗ làm nhà cửa, chỗ giồng ngô khoai  
Đêm nghe tiếng ếch bên tai  
Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi ò...

Xàú gì Nguyễn Bính, nói chi đến cỡ Nguyễn Duy. Nói gọn lại, tui tin rằng chỉ có Nguyễn Khuyến mới là nhà thơ miền quê cuối cùng của dân tộc Việt Nam:

Tháng Giêng hai mươi mốt chợ Đồng  
Năm nay chợ họp có đông không  
Giờ giờ mưa bụi còn hơi rét...

Chớ còn mấy trụ thi sĩ lóc nhóc sau này đều đã bị đô thị hóa và đã 'phong sương mấy độ qua đường phố' hết trơn rồi - theo như cách nói của Sơn Nam. Và tôi ngại nhất là cái kiểu bụi đời ướt át của ông Thế Lữ :

Rũ áo phong sương trên gác trọ  
Ngắm nhìn thiên hạ đón xuân sang

Cái gác trọ này - tôi bảo đảm - nằm ở Hà Thành, vào cuối thập niên ba mươi hay đầu bốn mươi gì đó. Thêm cái kiểu cách 'rũ áo phong sương' đủ khiến chúng ta hình dung ra được cả đám Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng, Xuân Diệu, Huy Cận... đã sống cái lương chết mẹ đi rồi. Đâu còn 'thi sĩ miền quê' nào nữa.

Đô thị hóa, tất nhiên, không phải là chuyện chỉ xảy ra ở Hà Nội Ba Mươi Sáu Phố Phường.



Không tin, cứ đọc tiếp Nguyễn Bính mà xem:

Đôi ta lưu lạc phương Nam này  
Đã mấy mùa xuân én nhận bay  
Xuân đến khắp trời hoa phượng nở  
Riêng ta với người buồn lắm thay

Bạn thấy chưa: lại thêm hai ông nhô con bỏ nhà 'dzô' Nam, thuê gác trọ, sống giữa Sài Thành Hoa Lệ. Mà đi giang hồ chút đỉnh như vậy là phải chó. Chính quê hương của Nguyễn Bính cũng đã nhiễm bụi thị thành từ lâu rồi, còn nấn ná ở đó làm chi cho nó mụ người ra:

Hoa chanh mọc ở vườn chanh  
Thầy u mình với chúng mình chân quê  
Hôm qua em đi tỉnh về  
Hoa đồng cỏ nội bay đi ít nhiều

Coi: nàng mới ra tỉnh có chút xíu hà mà hoa đồng cỏ nội đã bay đi mất liền một mớ. Lỡ mà 'èm' ghé chơi Hà Nội hay Hải Phòng (chậm lắm) ba đêm là kể như rồi, còn gì là 'người xuân thì' theo tiêu chuẩn 'chân quê' nữa ?

Bạn hết cãi chưa? Dù bạn đã tắt đài, tôi biết bạn vẫn còn ám ức vì cái giọng điệu hoài cổ cực đoan và quá khích của tui từ khi đặt bút xuống cho tới bây giờ - đúng không ?

Đừng có nghĩ bậy bạ như vậy, mang tội chết à nha. Coi: cuộc tình dấm dớ của một anh thi sĩ miền quê với một người con gái xuân thì, hay hình ảnh một bờ đê lộng gió - với một bầy em bé tung tăng, hát câu i tờ, vào một chiều xuân mà nắng vàng hanh ... - hoàn toàn và tuyệt đối có liên quan, dính dáng gì tới tui đâu. Cớ sao tôi lại phải hoài cổ chó? Đây là chuyện riêng của... Bà Huyện Thanh Quan hay (cùng lắm) là của ông nội hay ông già tôi thôi à.

Mà hoài cổ, theo tôi, là thứ tình cảm hơi khó hiểu. Làm sao chúng ta có thể yêu mến hay ngưỡng mộ một thời đại mà mình tuyệt đối không có dính dáng gì tới nó? Hoài vọng hay hoài cảm, có lẽ, dễ hiểu và phổ biến hơn. Mọi người, khi bắt đầu luống tuổi, hẳn đều thấy tiếc nuối ít nhiều khoảng ấu thơ hay niên thiếu của mình - dù chúng ta sinh ra và trưởng thành ở bất cứ đâu.

Dù vậy, tôi vẫn lấy Trời cho bạn đừng xui tới cỡ là sinh ra ở miền Bắc - vào khoảng thập niên 1940, 50 hay 60... - và cứ phải sống mãi ở nơi đó cho đến bây giờ. Tuổi thơ và tuổi trẻ của bạn - tất nhiên - cũng đẹp, cũng thơ mộng vậy; tuy nhiên, tôi tin là nó sẽ đẹp hơn, mộng mơ hơn chút đỉnh nếu Bác và Đảng đừng xía vô cuộc đời bạn quá nhiều - như họ đã và vẫn thường làm, từ nửa thế kỷ qua.

Còn nếu bạn sinh trưởng ở miền Nam thì đỡ mệt biết chừng nào. Sẽ không ai bắt bạn phải đeo khăn quàng đỏ và đi nhặt rác để hoàn thành kế hoạch nhỏ. Bạn cũng được miễn cái vụ 'thay trời làm mưa' hay 'nghiêng đồng cho nước chảy ra ngoài', và bạn được tự do đi biểu tình 'đả đảo' bất thẳng cha hay con mẹ nào mà mình không thích.

Trong một hoàn cảnh sống tương đối dễ thở như thế (và nếu bạn lại sinh trưởng ở một thành phố cao nguyên) thì nhìn thấy mùa 'xuân về trên bãi cỏ non' là chuyện thường thôi. Điều đáng tiếc là những ngày tháng an lành, phẳng lặng đó không kéo dài lâu. Đến khoảng cuối thập niên năm mươi, theo trí nhớ non nớt của tôi, trong không khí an bình của miền Nam thoang thoang đã có mùi vị chiến tranh - qua những bản nhạc tâm lý chiến (thường được hát ở phòng trà và nghe hơi điệu cợt), của những ông nhạc sĩ quân đội, như bản Phiến Gác Đêm Xuân của Nguyễn

Văn Đông:

Đón giao thừa một phiên gác đêm  
Chờ xuân đến súng xa vang rền  
Xác hoa tàn rơi trên bóng súng  
Ngỡ rằng pháo tung bay  
Nào ngờ đâu hoa lá rơi...

Trời đất, đơn vị bạn đặng địch, 'súng xa vang rền' mà đại tá Nguyễn Văn Đông vẫn đang mơ ngủ. Không hề nghe ông ban lệnh ứng chiến hay có kế hoạch cứu viện gì hết trơn hết trọi; đã vậy, sau khi tỉnh giấc, ông bắt đầu... mơ mộng:

Ngồi ngắm mấy nóc chòi canh  
Mơ rằng đây mái nhà tranh  
Và ước chiếc bánh ngày xuân...

Thiệt tình, ông làm đảo ngược binh pháp hết trơn. Người ta thì cư an tư nguy còn ông thì cư nguy tư an. Những sĩ quan cao cấp trong quân đội miền Nam, như đại tá Nguyễn Văn Đông, chắc có hơi nhiều; bởi vậy - chỉ chừng mười năm sau - năm 1968 thì súng AK của Trung Cộng và Tiệp Khắc nổ thiệt, và nổ khắp bốn mươi bốn tỉnh lỵ và thành phố của miền Nam (kể luôn thủ đô Sài Gòn).

Cũng từ đây, chiến tranh lan vô thành phố. Nay, 'plastic' đặt nổ chỗ này; mai, hoả tiễn 122 ly rơi 'lộn' vô chỗ khác. Và dù vậy, xã hội miền Nam vẫn cứ vui như tết - khi Tết đến. Nếu so với miền Bắc - nơi mà vì 'hoàn cảnh đất nước khó khăn' nên chỉ có quý vị ủy viên trung ương đảng CSVN uống rượu mừng xuân thay cho cả nước - người dân miền Nam hoàn toàn bình đẳng trong chuyện đón xuân. Cứ nghe bản Ly Rượu Mừng của Phạm Đình Chương là đủ biết:

Ngày xuân nâng chén ta chúc nơi nơi  
Mừng anh nông phu vui lúa thơm hơi  
Người thương gia lợi tức  
Người công nhân ấm no  
Thoát ly đời gian lao nghèo khó  
Á...a...a...a  
Nhấp chén đầy vui chúc người người vui  
Á...a...a...a  
Nhấp chén đầy vui chúc người người vui  
Á...a...a...a  
Muôn lòng xao xuyến duyên đời  
Rót thêm tràn đây chén quan san  
Chúc người binh sĩ lên đường  
Chiến đấu công thành  
Sống cuộc đời lành  
Mừng người vì nước quên thân mình  
Kìa nơi xa xa có người mẹ già  
Từ lâu mong con mắt vương lệ nhoà  
Chúc bà một sớm quê hương  
Bước con về hoà nổi yêu thương  
Á...a...a...a...  
Hát khúc hoan ca thắm tươi đời lính  
...  
Rượu hân hoan mừng đôi uyên ương

Nào cạn ly mừng người nghệ sĩ  
Tiếng thi ca nét chấm phá tô nên đời mới  
Bạn hơi vang lên lời hứa thiêng liêng  
Chúc non sông hoà bình hoà bình  
Ngày máu xương trôi tuôn rơi  
Ngày ấy quê hương yên vui  
Đợi anh về trong chén tình đầy vơi  
Nhắc cao ly này  
Hãy chúc ngày mai sáng trời tự do  
Nước non thanh bình  
Muôn người hạnh phúc chan hoà  
Ước mơ hạnh phúc nơi nơi  
Hương thanh bình dâng phôi phới  
Nãy giờ đâu mới chừng mười phút mà mỗi người đã uống đâu cỡ chục ly: ly tặng anh nông phu, ly chào anh công nhân, ly mừng ông thương gia, ly mừng người nghệ sĩ... Chưa đã, còn thêm vài 'chén quan san' để 'chúc người binh sĩ lên đường' nữa. Vui còn hơn Tết và cả nước, chắc chắn, 'xin' thấy mẹ luôn!  
Cũng có những chiến sĩ, say mê chiến đấu (hay đăng trí) đến độ quên luôn cả nhậu:

Đồn anh đóng ven rừng mai  
Nếu mai không nở  
Anh đâu biết xuân về hay chưa

Nghe thiệt khó tin. Lĩnh miền Nam tháng tháng được lãnh lương đảng hoàng mà, nhìn số lương là biết năm cùng tháng tận chó cần gì tới hoa mai với hoa đào - như ông nhạc sĩ kính kiếng Trần Thiện Thanh, qua bản Đồn Vắng Chiều Xuân.

Lâu lâu mới thấy những người lính nhất định Xuân Này Con Không Về:

Con biết không về mẹ chờ em trông  
Nhưng nếu con về bạn bè thương mong  
Bao lớp trai hùng chào xuân chiến trường  
Không lẽ riêng mình êm ấm  
Mẹ ơi con xuân này không về...

Những chàng trai hùng cỡ này, tiếc thay, thường không giữ những chức vụ cao trong quân đội. Điều đáng tiếc hơn nữa, trong cuộc chiến tự vệ vừa qua, quân dân miền Nam đã áp dụng một chiến lược sai lầm. Thay vì 'vui nhiệm vụ không quên xuân' thì họ đã làm ngược lại là 'vui xuân nhưng không quên nhiệm vụ'. Nói cách khác 'vui xuân' mới là chuyện chính, còn 'nhiệm vụ' chỉ là chuyện phụ (và là chuyện nhỏ thôi)!

Cùng lúc - ở miền Bắc Việt Nam - khi Tết đến (sau khi nghe bác Hồ, chủ tịch nước, chủ tịch quốc hội, tổng bí thư, thủ trưởng ban ngành, đơn vị... chúc Tết xong) là mọi người lại đâm bỏ đi 'tranh thủ làm việc gấp hai' để 'thi đua lập chiến công dân đảng'. (Đ...mẹ, chơi vậy ai chơi cho lại!)

Cuộc chiến Bắc Nam chấm dứt ra sao, vào mùa Xuân năm 1975, mọi người đều biết (và đều tiên đoán được). Từ đó, nhân dân hai miền đều chỉ còn được nghe một bản nhạc xuân duy nhất: Mùa xuân trên thành phố Hồ Chí Minh quang vinh, ôi đẹp biết bao, biết mấy tự hào. Sài Gòn ơi cả nước vẫy chào...

Cũng như bạn, tôi chịu không nổi cái loại nhạc thổ tả này nên đã vẫy chào 'thành phố Hồ Chí Minh quang vinh' để... ra đi - và đi hơi sớm. Từ đó đến nay đã gần một phần tư thế kỷ. Hai mươi

lăm năm qua - Trời đất (thiên địa, quỷ thần, mềng đét) ơi - biết bao nhiêu là nước sông, nước suối, nước mương, nước rãnh ... đã ào ào chảy qua cầu (và qua cống) ?

Chiều nay, chiều cuối năm, ở một góc trời xa, tôi ngồi ghi lại những ý nghĩ lan man vụn vặt để gửi bạn đọc chơi - sau khi nghe hết một băng nhạc trong quán vắng, bắt đầu từ bản Hoa Xuân của Phạm Duy, đến bản cuối cùng (Xuân Nay Con Không Về) của Trịnh Lâm Ngân.

Nhạc xuân gì mà nghe buồn quá, má ơi!

## Thằng lính bạc tình

Nếu cấp số của đại đội là hai trăm thằng hoặc ít hơn thì bốn trung đội sẽ được chia gọn vào bốn phòng: I, II, III và IV. Vì một lý do không dễ hiểu, quân số đại đội của tôi có đến hai trăm mười mấy mạng, và theo danh sách thì tôi nằm cuối cùng; do đó, tôi và mười ba thằng [kia](#) bị đẩy vô phòng V.

Cái được gọi là phòng V, trước kia, có lẽ được dùng làm nhà kho. Người ta kê đủ bầy cái giường đôi trong đó rồi ẩn đại chúng tôi vào. Tôi không ưa nơi cư trú bất đắc dĩ này và ghét thậm tệ những thằng ở chung phòng với mình.

Hai chữ 'chúng tôi', trong trường hợp này, có lẽ cũng cần có đôi điều minh định. Mười ba thằng kia dứt khoát không phải là những sinh viên sĩ quan đang hoàng tử tể. Phần lớn tụi nó đều là giáo sư, kỹ sư, hay cán sự gì đó và tất cả đều đã có vợ con hay đào kép lang chạ tùm lum hết trơn rồi. Trong tương lai chúng sẽ trở thành những sĩ quan biệt phái, hoặc lính ngành lính nghề vớ vẩn gì đó thôi. Còn tôi, tôi mới là sinh viên sĩ quan thứ thiệt. Với học lực được ghi trong hồ sơ là 'sinh viên văn khoa năm thứ hai' thì chắc chắn tôi sẽ ra trường với ám số tác chiến, và đương nhiên sẽ trở thành loại lính 'bóp cò'.

Tất nhiên, tôi đủ khôn ngoan và lịch sự để không bao giờ nói ra những ý nghĩ 'thảm kín' này. Tôi cũng cố không tỏ ra khó chịu hay bực bội gì cả. Nói cách khác là tôi ăn ở cư xử hết sức biết điều; thế mà, vẫn không xong, vẫn chưa vừa lòng người - những thằng người... khốn nạn! Tụi nó kỳ thị tuổi tác ra mặt. Tất cả đồng lòng gọi tôi là 'lính sữa'.

Điều khổ tâm là tôi không thể nào chối cãi được rằng mình không... 'sữa'. Bằng tên cùng số quân bắt đầu bằng hai số '72' gắn chình ình trên đầu giường ngủ là bằng chứng hùng hồn về số tuổi đời hơi yếu của tôi. Có thằng còn tuyên bố khơi khơi là nó sẽ gả con gái út cho tôi, nếu như tôi 'ăn ở và cư xử... người lớn hơn chút đỉnh!'

Cái trò chơi mất dậy làm tụi nó vô cùng thích thú là thỉnh thoảng lại có đũa nằm hát ông ổng cho cả phòng nghe: '...năm hai mươi mốt tuổi, tôi đi vào quân đội mà lòng chưa hề yêu ai.' Nó hát dở như cứt mà cả đám vẫn cứ nhao nhao vỗ tay, và thế nào cũng có một thằng chó chết nào đó xía miệng vào :

- Mà nó còn lâu mới tới hai mươi mốt tuổi. Thằng này vô 'động' đâu có em nào dám tiếp.

- Ủa, sao vậy ?

- Mấy em sợ bị bắt thì ngoài tội mãi dâm ra còn dám bị ghép thêm tội dụ dỗ trai vị thành niên lăm.

- Đ...mẹ, vậy mà bữa trước xuống câu lạc bộ tao thấy nó cũng bày đặt mua dao cạo râu.

- Chắc nó mua để cạo lông.

- Lông nó cũng cóc có.

- Có, tao xác nhận. Bữa trước tắm chung tao thấy rõ ràng nó có mấy sợi lông, lông măng !

Tụi chớ để cứ tung hứng như vậy hết chuyện này sang chuyện khác rồi cười rử rươi với nhau. Thật ra, không ai bắt tôi phải nằm chịu trận mãi trong phòng với những thằng mắt dậu này. Vào giờ nghỉ tôi có quyền đi xem phim, mượn truyện, hay la cà tán tỉnh mấy em bán cà phê ở khu gia binh...Điều phiền là cứ mười lần bước chân ra khỏi sân đại đội là có đến chín lần tôi... mắc nạn, những tai nạn lằng xẹt mà tôi vẫn cứ bị hoài hoài.

Tôi rất hay quên đội nón, quên gài nút áo, quên gôm ống quần. Toàn là những thứ quên lãng hợp lý nhưng lại không được chấp nhận ở đời sống quân trường. Tôi thích nhìn nắng chiều hay nắng sớm lao xao trên những hàng cây nên đôi khi còn quên luôn cả chào huynh trưởng nữa.

Có lần tôi quên không chào một thằng huynh trưởng thuộc tiểu đoàn 6, đại đội 61, trung đội 612. Nó móc cái nón sắt trên cột hàng rào và bắt tôi phải chào cái nón thổ tả đó 612 lần trong khi nó ung dung ngồi hút thuốc

chờ tôi thi hành lệnh phạt. Nó đúng là một thằng...chó đẻ!

Lần khác, vào lúc trời vừa chạng vạng tối, tôi lạng quạng sao đó nên nhìn lầm một thằng siêu huynh trưởng ra một thằng cùng khóa. Nó đang đi tôi gọi giật lại để xin mời thuốc. Khi ánh lửa que diêm vừa lóe lên thì nó chột nhìn ra màu khăn và màu bảng tên trên ngực áo của tôi, một thằng 'siêu đàn em'. Nó gầm lên như một con hổ bị thương và bắt tôi phải 'đột kích' xuống cái giao thông hào lũng bống nước ngay trước mặt...bốn chục lần.

Sau những lần bị tai họa như trời giáng như thế tôi phải thu hết tàn lực mới lết được về phòng, nằm vật ra giường, trông thảm hại như một cái mèn bông ngấm nước. Tụi mắt dậu ở phòng V lại có dịp rú lên cười đùa châm chọc:

- Mẹ ơi, sao con khổ thế này!

- Đã bảo rồi, đi đâu phải có người lớn đi kèm, không bỏ được cái tật 'để mèn phiêu lưu ký' thì còn khổ nhiều con ạ.

Tôi thề có đất trời chứng giám là nếu còn sức tôi sẽ vùng dậy đấm vỡ mặt tất cả những thằng khốn nạn ở chung phòng này. Tiếc thay, tôi lại mệt gần chết. Thể chất tôi không mạnh bằng người. Tôi phải đau buồn mà công nhận như vậy.

Tôi sinh ra trong một gia đình có đến chín anh chị em, và là đứa con ra đời ngoài dự liệu. Lúc tám tuổi, khi không khi không, thằng anh kế của tôi lăn đùng ra chết. Khi đó, dù đã ngoài năm mươi nhưng bố tôi vẫn còn muốn ráng có thêm một đứa con để nuôi chơi trong lúc tuổi già. 'ng' 'ráng' không tới mức. Nếu người ta cần phải có cỡ một muỗm tinh trùng để tạo ra một thai nhi bình thường khỏe mạnh thì bố tôi, có lẽ, chỉ còn sản xuất được cỡ chừng vài ba giọt gi thôi.

Tôi gầy yếu là phải. Tôi chịu không nổi mấy chục lần đột kích hay vài trăm cái chào tay Tôi buồn bố mẹ tôi và giận mấy thằng bạn ở chung phòng. Tôi hay hình dung ra những màn phục thù lâm

li, gay cần.

Tôi tưởng tượng khi mình vừa ra trường đã may mắn bắn trúng ngay đầu 'đồng chí' Trần Văn Trà hay Nguyễn Chí Thanh gì đó nên được đặc cách vinh thăng lên... đại úy và được chỉ huy nguyên cả một tiểu đoàn. Cùng lúc thế nào cũng có vài thằng, trong số mười ba thằng khốn nạn ở phòng V, bị xếp tụi nó 'đi' đi tác chiến và vô phúc lọt ngay vào đơn vị của tôi.

Coi : tôi đang ngồi ở văn phòng tiểu đoàn, ve cổ áo thêu ba cái bông mai đen thui, miệng ngậm ống tẩu, mặt nghiêm và buồn. Tụi nó khép nép bước vô, kính cần đưa tay chào trình diện. Với tất cả uể oải và lơ đãng, tôi sẽ đưa tay lên chào lại, mắt hơi nheo nheo, và miệng thì hình như có vẻ mỉm cười ...Chỉ một 'show' này thôi cũng đủ làm tôi thích chết đi được và yên tâm đi vào giấc ngủ. Tôi sẽ còn khổ lâu, không chừng là vĩnh viễn, nếu không lanh trí chụp lấy cơ hội 'vùng lên làm cách mạng.' Có chiều mới đi phép vào, vừa bước vô phòng, tôi đã nghe tụi nó cười như một lũ điên. Một thằng chọt hỏi:

- Ê, bộ mày đăng báo tìm bạn bốn phương hả ?

- Cái gì ?

Tôi giật thót người như bị điện giật. Tôi có thể làm hàng ngàn tỉ chuyện điên rồ nhưng 'đăng báo tìm bạn bốn phương' thì không, không bao giờ, Giời ạ!

- Tao thấy có tên mày trên báo nè.

Nói rồi nó thản nhiên cầm tờ Văn Nghệ Tiền Phong đọc lớn cho cả phòng nghe: ' Sinh viên sĩ quan Thủ Đức hai mươi một tuổi đời, một phần ba tuổi lính, yêu màu tím hoa sim, thích nhạc họ Trịnh và giọng ca Chế Linh, cần tìm một em gái tuổi đôi tám...Nếu hợp sẽ đi xa trong tương lai. Thư về...' Tôi ước ao ngay lúc đó có một quả bom nguyên tử nổ hay ít nhất thì cũng có được một con rắn cực độc ở đâu đó nhào ra cắn một phát cho tôi toi mạng. Làm sao tôi có thể tiếp tục sống được nữa sau một chuyện lố bịch và nhục nhã đến thế này. Cách đùa giỡn ngu xuẩn của một thằng mả mẹ nào đó đã làm bầm dập quả tim vốn đã te tua tan nát của tôi từ mấy tháng nay.

Tôi hay quên cài nút quần, nút áo và hay quên chào huynh trưởng chỉ vì tôi đang... thất tình - thế thôi! Tôi mới vào Thủ Đức có hai tháng thì nhận được thư của một thằng bạn. Nó long trọng buồn bã báo cho tôi biết là 'tao thấy Ngọc Quế đi với một thằng sinh viên chính trị kinh doanh.' Trời đất, 'tôi đi chinh chiến để nước yên vui', đâu phải chuyện chơi, sao lại có một thằng sinh viên vô lương tâm nào đó bỏ ngay vô mừng của người yêu tôi như vậy.

Tôi cố nghĩ rằng thằng bạn tôi đã trông lầm một con 'khốn nạn' nào đó chứ không phải là Ngọc Quế; hoặc 'lỡ' phải thì thằng sinh viên thổ tả nào đó chắc chắn chỉ là một người bà con xa gần gì đó thôi. Thiệt tình, tôi muốn viết thư hỏi thăm nàng về 'người bà con' đó hết sức nhưng chỉ muốn vậy thôi chớ nhứt định không làm. Tôi ghen, giận, hận, buồn và - tất nhiên - tự ái. Tôi chỉ làm hai câu thơ ngắn gửi về Đà Lạt thôi:

Ngày xưa chán ngấy giảng đường.

Bây giờ lê bước quân trường, chán hơn!

Thư hỏi âm chưa thấy đâu thì đã có chuyện 'tìm bạn bốn phương' vô cùng tai hại này. Tôi có cái tên nghe 'ba tàu' chết mẹ, tàu hơn bất cứ một anh Tàu lai hay Tàu thiệt nào đã từng hiện hữu trên cuộc đời này, không thể nhầm hay lộn với bất cứ ai; đã vậy, chị em Ngọc Quế lại chuyên môn đọc báo Văn Nghệ Tiền Phong. Trời ơi, nếu mà nàng hiểu lầm rằng tôi đang 'cần tìm một người bạn gái tuổi đôi tám' và 'nếu hợp có thể sẽ đi xa hơn trong tương lai' thì sự nghiệp ái tình

của tôi coi như là...chấm hết!

Bất thần tôi chộp cây M16 gần nhất trên giá súng, rút lẹ một băng đạn trong ba lô, nạp đạn, lên đạn rồi dí súng vô đầu thằng đang cầm tờ báo:

- Mày xé nát tờ báo tao coi.

Thằng em còn hơi có vẻ do dự thì tôi mở khóa an toàn nghe cái 'cốp':

- Chạm tay là óc mày sẽ biến thành đậu hũ tức thì...

Mặt nó đổi màu chàm, mồ hôi trán rịn ra thành giọt, nó run run xé tờ báo ra từng mảnh nhỏ. Tôi đảo mắt một vòng, mọi thằng đều lấm lét. Tôi bỏ súng trở lại giá, lững thững trở lại giường nằm. Cả phòng im phăng phắc. từ đó, mấy thằng em ngán tôi thấy rõ.

\* \* \*

Cũng kể từ đó cho đến chiều nay, khi tôi ngồi viết những giòng chữ này, đã hơn hai chục năm qua. Hai mươi năm: biết bao nhiêu là nước sông, nước suối, nước cống, nước rãnh...đã ào ào chảy qua cầu qua cống rồi ? Thời gian chứng minh cho tôi thấy là 'những thằng già khôn nạn' ở phòng V đều chịu chơi và chơi được. Chính tụi nó đã dạy cho tôi những bài học để đời về tình huynh đệ chi binh.

Khi mới ra trường tôi lãnh gần trọn một mùa mưa thối rùng thối đất. Có lúc thời tiết xấu đến độ đơn vị chúng tôi bị bỏ đói cả tháng trời chỉ vì chuyện tiếp vận vô phương thực hiện. Chúng tôi ăn rau bí và rau tàu bay chấm muối thay cơm. Cho đến khi muối cũng hết luôn thì tôi bắt đầu phát ... sáng. Tôi chửi rửa lung tung qua hệ thống máy truyền tin. Bộ chỉ huy không đưa nào thềm trả lời tôi. Tụi nó còn dọa đưa tôi ra tòa án quân sự về tội phát ngôn bừa bãi. Tôi cóc sợ. thỉnh thoảng tôi vẫn lên máy gào thét một cách vô vọng. Có hôm, bắt chợt tôi nghe tiếng hỏi:

- Phải mày đang lái nhải như một con đĩ già ế khách đó không Lê Lai - Sơn Tây ?

Lê Lai - Sơn Tây có nghĩa là 'lính sữa' và đây là danh hiệu truyền tin không máy để nghe mà tụi phòng V đã 'gắn' cho tôi kể từ khi thực tập bài học truyền tin ở quân trường. Tôi mừng quỳnh:

- Phải Lê Lai - Sơn Tây đây. Xin lỗi thẩm quyền nào đầu máy vậy ?

- Thẩm quyền cái con...mả mẹ mày ! Tango - Tư Tưởng phòng V đây, nghe rõ trả lời ?

À ! thằng Tám Tàng, thằng mất dạy này sau khi ra trường về quân nhu hay quân vận gì đó. Nó thương tôi lắm. Nó 'chuyên môn' lau súng giùm tôi mà.

- Ông đang ở đâu vậy Tango - Tư Tưởng ?

- Tao mới về làm sĩ quan tiếp liệu cho đơn vị nè.

- Đ...mẹ, vậy thì ông phải cứu tôi tức khắc. Lính của tôi sắp chết đói hết rồi.

- Bộ mày không đói chắc ?

- Ờ thì cũng đói thấy mẹ đây .

- Uống rượu được chưa con ?

Thử ấy tôi uống rượu chưa được mấy nhưng vẫn cứ nói bừa:

- Được, dư được, nhưng lúc này nếu có cái gì để ăn thì có lý hơn.

Nó cười sảng sặc chế giễu:

- Nằm im đó đi, cỡ chiều là tao vô tới.

- Thiệt không ?

- Sao không ! Tao chơi chưa để thằng nào nói mà, tin đi.

Thiệt tình tôi 'không tin' gì mấy. Tôi biết rõ hoàn cảnh của mình hơn bất cứ ai. Chỉ có trời mới gỡ được cho tôi cú này thôi. Con đường duy nhất xe có thể chạy đến nơi tôi đóng quân được làm dở dang kể từ hồi còn Pháp, và đã bị bỏ hoang mấy chục năm rồi. Tụi công binh mới 'clear' đâu chừng được một phần ba và chưa đổ đá. Mưa khiến con đường hóa lầy và có những đoạn nước từ trên núi đổ xuống y như thác vậy. Xe nào mà vô nổi, trừ khi Tám Tàng kiếm được một cái xe ...tăng !

Tôi lại chui vào túi ngủ, lòng buồn, dạ đói, bụng hoang mang. Tôi ngủ với nhiều giấc mơ ngắn và đều có liên quan đến chuyện ăn. Tôi mơ thấy mình đi ăn với Ngọc Quế ở tiệm Tân Khánh Hoàn. Nắng chiều Đà Lạt vàng ươm, rực rỡ. Tôi gọi bao tử xào dầu hào với rau bó xôi, cơm bò xào bông cải, và chim mía rô ti ...Rồi tôi thấy mình cùng với những thằng bạn ấu thời đi bắt dế ở phi trường Cam Ly. Trên đường về chúng tôi bị mắc mưa nên chạy vào buôn Thượng. Bà mẹ người Thượng già cà răng móm mém chỉ chúng tôi

ngồi quanh bếp lửa rồi lấy thật nhiều khoai lùi vào tro. Khoai chín thơm lừng và thật ngọt. Có lúc tôi lại mơ thấy một bầy heo rừng vờng mìn Claymore bị nổ thịt văng khắp nơi. Cả đơn vị hờn hờ vùi vàng chum lửa. Thịt heo nướng chầy mỡ xèo xèo bốc khói làm cay mắt và ứa nước bọt đến tận răng...

Rồi tôi bỗng nghe tiếng máy truyền tin rè rè cùng với tiếng Tám Tàng yếu ớt:

- Lê Lai - Sơn Tây, Lê Lai - Sơn Tây ... đây Tango - Tư Tưởng ...

Tôi và người lính truyền tin cùng chồm dậy, anh ta vội vàng chuyền ống liên hợp cho tôi:

- Lê Lai - Sơn Tây nghe, ông đang ở đâu vậy ?

- Tao thua rồi!

Lần này thì giọng nói của nó nghe rõ vẻ thì thào. Tôi hoảng:

- Cái gì ? Ông đang ở đâu mới được chớ ?

- Mày đi theo con rắn lớn (con đường), qua giây ba chạc (ngã ba) một khúc xa, có thể cũng gần tới ...Tao không biết chắc ...Tao lên bộ trưởng (bị thương) rồi .

- Cái gì ? Đ... mẹ, đừng có giễu dờ chớ Tango...



- ....

- Tango, Tango ...nghe không, trả lời ?

- Nghe ..mà đ...mẹ tao mệt quá rồi. Mà ẹ lên...

- Tango ...Tango ...

Nó im luôn. Tức tốc tôi khều thêm mấy thằng em làm lủi đi ngược trở ra. Tôi cảm cú làm lủi dưới mưa mà lòng dạ rối bời. Chừng ba tiếng đồng hồ sau, theo vết trượt của bánh xe, tôi thấy một cái Dodge nằm lật nhào dưới lũng. Thực phẩm rơi đổ tung tóe theo sườn núi.

Chúng tôi chạy vội xuống nhưng đã muộn. Tám Tầng bò được ra khỏi xe, nằm ngoẹo đầu trên máy, xác đã lạnh từ lâu. Tài xế và binh sĩ đi cùng chết kẹt trong ca bin. Chúng tôi cố mang xác họ ra cùng với cà phê, thuốc lá và cả can rượu đế.

Trời vẫn tầm tã mưa và lẫn trong nước mưa tôi biết có nước mắt của mình. Tôi thật sự bắt đầu uống rượu từ chiều hôm đó và uống luôn cho đến chiều nay. Đã một phần tư thế kỷ qua mà mỗi lần thoáng thấy hơi men tôi vẫn nhớ đến Tám Tầng. Tôi uống rượu hoài hoài, phần lỗi, không chừng là do ...nó. Tôi muốn hành xác tôi chơi để Tám Tầng ...vui lòng nơi chín suối.

Sau Tám Tầng, tôi gặp lại một nhân vật nữa của phòng V - ở trại tù binh. Ngày xưa, nó chính là thằng đã tuyên bố sẽ gả con gái út của nó cho tôi nếu như tôi 'ăn ở và cư xử người lớn hơn chút đỉnh.' Thằng này ra trường về làm sĩ quan thảo chương viên cho Bộ Tổng Tham Mưu. Nói cách khác nó chỉ là một thứ chuyên viên xử dụng máy vi tính cho quân đội. Chỉ có vậy thôi mà đảng và nhà nước phải đẩy nó tuốt ra miền Bắc mới yên tâm.

Lúc chia tay nó dấm dúi hết cho tôi những thứ quà vừa nhận được của gia đình, kể cả chút tiền và ít thuốc tây. Tất nhiên, tôi từ chối:

- Ông cần mấy thứ này hơn tôi chứ.

Nó cầm tay tôi, nghiêm nghị y như là cảnh Nguyễn Phi Khanh dặn dò Nguyễn Trãi ở Ải Nam Quan vậy:

- Tao cần mẹ gì nữa. Chuyến này kể như là tao đi đứt rồi. Mà còn trẻ, lại không bị tội nó đi ra Bắc. Thủ mấy thứ này cho ấm thân và cố giữ lấy mạng để còn có lúc trở về. Phải về lo lấy lại đất nước và trả thù cho tội tao, nhớ chưa ?

- Nhớ !

Xui cho nó, tôi không thuộc tip người Nguyễn Trãi. Tôi chỉ nói đại mẹ là 'nhớ' để nó yên tâm đi vào chỗ chết. Thiệt tình thì tôi không nhớ gì hết ráo. Sau vài năm tù, tôi được thả về y như nó dự đoán. Có điều tôi tuyệt nhiên không hề lo chuyện 'lấy lại đất nước' như đồng đội đã dặn dò ; đã vậy, tôi còn bỏ nước để chạy tháo thân và lập tâm chuyến này là ...đông tuốt!

Cái thứ người như tôi cứ mỗi lần nhậu xỉn mới chợt nhớ ra mình đã từng là lính, mới ba hoa về những năm tháng tù đầy, mới khề khà luận bàn về tình chiến hữu, về chuyện đấu tranh...này nọ. Tỉnh ra tôi lại lút cút đi làm, lại sống như mình chưa hề là lính, chưa từng có thằng vì tôi mà bỏ

mạng, chưa có đĩa đã chí tình dặn dò tôi lo chuyện quang phục quê hương. Lính có năm bảy đường, năm bảy thứ. Cái thứ như tôi ngó bộ có hơi kỳ và cũng hơi nhiều.

## Trận cuối

Một nhát dao bay ngàn thuở đẹp  
Dù sai hay trúng cũng là dư  
VHC

"Từ máy thu thanh cô nàng hát nhanh, trọn kiếp thương anh lính trẻ xa nhà; tôi là người đi lính miền xa, nhưng giữa rừng già tôi có thấy gì đâu... nhưng giữ rừng già tôi có thấy gì đâu." Sáu Mù hát hai lần trước khi kết thúc bản nhạc và lần nào y cũng nhắm mắt lại thiệt chặt. Bấy què khoái chí cười sằng sặc, bỏ đờn xuống bàn:

- Bản này mà mày ca "tới" hơn bản Xuân nẩy con không về, mà đều mày đừng có nhắm mắt lại ở khúc "nhưng giữ rừng già tôi có thấy gì đâu..."

- Sao vậy ?

- Mày đui, mắt toàn trông trắng không hà, mày mở ra hay nhắm lại thì cũng "có thấy gì đâu". Mày có nhắm mắt lại mất công và làm tao mắc cười chết mẹ.

- Ờ.

Sáu mù ờ rất yếu và mặt thoáng trầm ngâm. Y bị tật nguyên đã mười năm mà vết thương - đôi lúc - tưởng chừng như vẫn chưa kéo da non. Một va chạm nhẹ vẫn có thể gây ra cái cảm giác đau đờn khó chịu. Bấy què đang cười bỗng khựng. Nhìn mặt bạn nó biết liền là mình vừa giểu dở nên vội bàng biện bạch, khỏa lấp :

- Cũng như tao vậy, mày thấy có khi nào tao ca bản "đường còn dài nhưng chân cứng đá mềm" mà hồi tụi mình học ở Vương Mộng Hồng đâu. Còn có một giò mà cứ ắc ê đếm nhịp "một, hai, ba, bốn; một, hai, ba, bốn" hoài coi nó kỳ thấy mẹ !

- Vậy bữa nào rảnh mày dợt cho tao bài Người Nghệ sĩ Mù đi. Bản đó tao hát mà không hay tao làm con mày.

- Bản đó hát làm sao cà ? Bấy què bần khoản đưa tay lướt nhanh trên phím đàn mò nốt.

- Tự nhiên tao cũng quên mất tiêu. Tao nhớ là hồi đó mình hay nghe ở cái quán cà phê gì ngoài Đà Nẵng đó. Lúc mới vô đầu in tuồng có tiếng đờn, rồi tiếng tiền cắc thầy vô lon nghe keng, keng...

- Thôi tao nhớ rồi,. Bản này của Hoàng Thi Thơ, Hùng Cường ca chớ đâu. Rồi Bấy Què lấy giọng vô luôn: "Ai dùng chân nơi đây buông lòng theo câu ca. Tôi ngồi trong bóng tối nghe đời đi ra xa..."

- Nó đó...

- Mà không được đâu...

- Sao vậy ?

- Mà chơi bản đó nghe giống như hai thằng mình đi ăn xin vậy. Tụi mình đâu có đi hát dạo kiếm ăn. Mình có trách nhiệm đi hát nhạc mình cho đồng bào thưởng thức mà, phải không ?

- Ờ

Lần này Sáu Mù " ờ" mạnh hơn nhiều và nghiêng đầu nở một nụ cười rạng rỡ. Y luôn luôn thấy thích thú, phấn khởi khi nghe Bảy Què nhắc đến chuyện " trách nhiệm " của hai thằng.

Sáu Mù không nói ra được những điều mình biết và mình nghĩ trong lòng rành mạch như Bảy Què. Y khoái nghe bạn nhắc đi nhắc lại " nhiệm vụ " và " ý nghĩa " này nọ. Có bữa cao hứng Bảy Què còn nói lung tung về tác dụng của chiến tranh tâm lý, tác dụng của nhạc trong tâm hồn quần chúng...

Sáu Mù thiết tha được nghe cũng như Bảy Què khát khao được nói. Cả hai không bỏ lỡ cơ hội nào để bồi đắp niềm tin về cái ý nghĩa xa xôi, mơ hồ nhưng cao đẹp cho phần đời thân tàn ma dại còn lại của hai thằng.

Thường ngày hai thằng ngồi lên ngoài chợ trời. Bảy Què bày đồ nghề trên một cái bàn xếp chỉ lớn bằng bề mặt hai cuốn tập và cái bảng nhỏ cạnh bên: "Vô Mực Ruột Viết Bic và Sửa Hộp Quẹt Zippo Giá Rẻ". Sáu Mù thì không làm được chuyện này. Y vừa ngồi thối sáo vừa. Cái nghề này kiếm ăn không khá. Sáu Mù sống lây lất được là nhờ sự đáp đổi của bạn. Điều này vẫn thương làm cho y buồn và mang nhiều mặc cảm. Bảy Què cứ phải an ủi hoài hoài :

- Mà kiếm tiền không nhiều được bằng tao nhưng mày có dịp thối sáo cả ngày. Cái lợi là mình làm cho những người khách qua đường được nghe tới nghe lui bản Lòng Mẹ, Con Thuyền Không Bến...

Lợi làm sao ? Bảy Què đã nói cả trăm lần như vậy rồi mà lần nào Sáu Mù cũng ráng hỏi lại.

- ... thì đụ mẹ người ta nghe mấy bản nhạc đó thấy đã tai hơn là nghe mấy bản nhạc chương tãi của tụi nó. Từ đó người ta nhớ thời cũ và càng chán cái thời chó đẻ này. Làm được như vậy là kể như tụi mình đang chiến đấu rồi. Cái này kêu bằng chiến tranh tâm lý mà Sáu.

Thiệt ra cái kêu bằng "Chiến Tranh Tâm Lý" này không phải là ý kiến của Bảy Què. Y chỉ lặp lại những điều mà anh Hai hay nói cho tụi nó nghe thôi. Hai thằng quen anh Hai lâu rồi. Bữa đó, chợ trời bị bố ráp, rượt bắt một trận toại bời. Bảy Què mất hết đồ nghề, mất luôn cây nạng. Sáu Mù cũng quờ quạng sao đó để mất luôn hết lạng vốn của mình, hai chục cái ống sáo. Sáu Mù cống bạn chạy mà mệt muốn đứt hơi. May mắn gặp được anh Hai. Aính bỏ hai thằng lên xe chở tuốt về xóm. Từ đó anh Hai trở thành người anh kết nghĩa và ân nhân của hai thằng. Sáng, anh bốc hai thằng bỏ lên xe chở ra chợ. Chiều, anh cho hai thằng về. Lâu lâu còn có bữa anh "vớt" hai thằng về sớm hơn giờ đã định, đưa ra đường Hàm Nghi uống rum Lebon và nhậu củ kiệu với hột vịt bấp thảo.

Anh Hai không bị đui, cũng không bị què. Anh chỉ bị chột mắt thôi. Cái kính đen gắn liền trên gương mặt làm ảnh coi càng thêm dễ nể. Anh Hai không bao giờ nói cho Bảy Què và Sáu Mù nghe về dĩ vãng của mình. Thường ảnh hay trầm ngâm và buồn. Lâu lâu anh Hai mới nhỏ giọng, nghiêm trang nói chuyện với hai thằng với giọng nói rất chân tình và thuyết phục. Từ anh Hai mới ra cái chuyện chiến tranh tâm lý: " Cuộc chiến của mình vẫn đang âm thầm tiếp diễn trên mọi mặt trận. Hai em phải thấy, tụi nó chiếm được thành mà không chiếm được lòng

người thì chưa dễ được là thắng; hiện tại tụi nó không những đã làm mất lòng người mà còn mất luôn cả lòng sĩ tốt của nó nữa. Chung cuộc tụi nó sẽ thua. Vấn đề của anh em mình bây giờ là phải chiến đấu, đóng góp toàn lực trong khả năng riêng của từng thằng để rút ngắn con đường đưa đến chiến thắng càng sớm càng tốt..."

Đã nhất là anh Hai làm cho Sáu Mù và Bảy Què thấy rằng tụi nó không phải là kẻ tàn tật đứng bên lề cuộc đời. Tụi nó vẫn có thừa khả năng, không những chỉ để sinh tồn mà còn để chiến đấu chống lại kẻ thù chung của dân tộc. Từ đó, mỗi buổi chiều trở về nhà thay vì chỉ nằm hát nghêu ngao chơi cho đỡ buồn thì Sáu Mù và Bảy Què tập dượt nhạc ráo riết. Mỗi tuần hai thằng được bà con vỗ tay tán thưởng, chia sẻ với niềm tin chung mãnh liệt của tất cả mọi người: cuộc chiến vẫn cứ đang tiếp diễn.

Lúc anh Hai tới thì Bảy Què và Sáu Mù đang cãi cọ về bản Sài Gòn Vĩnh Biệt. Sáu Mù thích chơi bản đó nhưng bị Bảy Què chê:

- Người ta chán nghe hát tới hát lui "Sài Gòn ơi anh xin hứa rằng anh trở về" rồi! Nghe láu cá chết mẹ. Có thấy ai về đâu nào?

- Nhưng mà - Sáu Mù nhỏ nhẹ - bà con vẫn cứ mong chớ đâu có chán. Có mình ênh mà không thích rồi mà nghĩ ai cũng như mà đâu có được.

Anh Hai can thiệp:

- Thôi trể rồi nha hai đứa. Thì cứ để cho thằng Sáu nó ca; bản nào bà con vỗ tay nhiều thì hát tiếp không thì tuần sau bỏ.

Bốc hai thằng lên xe, đạp ra khỏi con hẻm rồi anh Hai mới hỏi:

- Chiều nay tụi mày tính "hành quân" ở đâu đây ?

- Cho tụi em xuống trạm xe buýt ở góc Trương Công Định và Nguyễn An Ninh đi.

- Hát ở ngay đó tụi công an phường nó đá cho dập mặt à.

- Đâu có, tụi em đón xe lên Tân Cảng mà. Thì cũng làm y chang như mấy lần trước vậy. Đi xe đường dài, khúc nào khách không chen chúc quá đông thì mình làm vài bản. Lần quần chiều nay mà tụi em chơi chừng hai chục bài là coi như tạm đủ để trả nợ núi sông rồi.

- Được - anh Hai tán thành - kế hoạch hành quân vậy là tạm ổn. Nhớ đừng chơi "Giã Từ Vũ Khí" nha. Cái gì mà "trả súng đạn này anh sạch nợ sông núi rồi," nghe rầu quá hà. Sáu Mù bắt liền:

- ... anh chẳng còn chi, chẳng còn chi ngoài con tim héo em ơi. Xin trả lại đây, trả lại đây...

- Thôi mà sáu - Bảy Què dấm dẩn - sao mà toàn thích mấy cái bản nhạc yếu xìu không vậy ?

Cụt hứng, Sáu Mù tắt đài, chống chế bâng quơ :

- Bị nó làm tao nhớ cha Thượng Sĩ Tâm, chả già rồi mà chả hay ca: "rồi anh sẽ qua thăm nhà em, với miếng cau với miếng trâu ta làm lại từ đầu," nghe thấy đã.

Tới trạm vừa kịp lúc xe đến. Anh Hai đẩy Bảy Què lên trước rồi dắt Sáu Mù lên sau. Trước khi quay đi anh không quên dặn:

- Chừng bảy giờ tào chờ tụi mày ở đây nha.

Ở ngay trạm chính xe chạt ních người. Bảy Què đút gọn cái nạng dưới gầm ghế, ôm sát cây đèn ghi ta để đứng trước ngực, ngồi che một khoảng nhỏ vừa đủ cho Sáu Mù dựa lưng vào thành xe và bó chặt hai đầu gối. Xe ngừng ở trạm Nguyễn du rồi Pasteur. Người xuống nhiều hơn người lên. Sàn xe bắt đầu có khoảng trống đủ rộng có thể di chuyển dễ dàng. Bảy Què đẩy bạn lết ra giữa đường đi và bắt đầu dạo đờn nhè nhè làm cho mọi người chú ý. Theo đúng chương trình hai thằng sẽ mở đầu bằng bản Trên Đầu Súng:

Trên đầu súng què hương tổ quốc đã vượn mình  
Trên lưới lê cầm hờn, hờn cầm như triều sóng  
Oái xôn xao chiêm trống hồi thúc đã giục giã khắp chốn rộn ràng  
Oái lửa thiêng dậy bập bùng tay lửa tay vung kiếm  
Trên đầu súng xâm lăng xiềng xích với bạo tàn  
Trên lưới lê nô lệ cùm gông phải đổ nát...

Người nghe không những chỉ chú ý mà còn hơi sửng sốt. Hát dạo trên xe buýt không phải là một hiện tượng xa lạ nhưng nô lệ, cùm gông... thì quả thực lạ tai và đã tai! Nhắm thấy có bộ được, Bảy Què và Sáu Mù tiếp luôn bản Cờ Bay:

Cờ bay, cờ bay oai hùng trên tổ quốc thân yêu thề chiếm lại nay mai bằng máu.

Cờ bay, cờ bay tung trời ta về với quê hương đang ngóng đợi quân ta tiến về... Đón nhau về anh đưa em về Gio Linh, Cam Lộ, Đông Hà. Sach bóng thù, đồng ta xanh với nắng mới, vang câu hát tự do.

Bản nhạc chấm dứt nhưng không ai vỗ tay. Bảy Què ngược nhìn lên và bắt gặp một hai người đang lấy tay chùi nước mắt. Y xúc động đến bối rối và cũng muốn khóc theo luôn. Y vừa đờn, vừa nói thầm với chính mình nhiều lần "Nhảy Dù Cố Gắng" để ngăn cho nước mắt khỏi chảy. Sáu Mù thì chưa cảm nhận được kịp phản ứng của thính giả, vẫn tiếp tục say mê ngồi hát. Chương trình tiếp nối bằng một bản nhạc đơn ca Trên Bốn Vùng Chiến Thuật:

- ... Năm hai mươi mốt tuổi, tôi đi vào quân đội mà lòng chưa hề yêu ai. Người yêu tôi mới quen mà thôi...

Năm hai mươi mốt tuổi, Sáu Mù cũng đi vào quân đội. Tiểu Đoàn Chín Nhảy Dù. Và người con gái y mới quen mà thôi ở quận Thượng Đức - cách đây đã mười năm - mãi mãi vẫn còn trong tâm tưởng như một chiếc bóng đậm màu. Lúc đơn vị đang tiến chiếm đồi 1062 thì Sáu Mù bị thương ở mắt. Y được trực thăng đưa thẳng về Tổng Y Viện Cộng Hoà. Giữa cái lúc năm đau xót, mê man trên máy bay, Sáu Mù vẫn cứ nhớ và tiếc một điều: y đã không có dịp để nói với người ta một câu từ tạ, dù là "tạ từ trong đêm !"

Mắt Sáu Mù được giải phẫu xong đúng bốn giờ đồng hồ thì quân cộng sản kéo vào Sài Gòn. Y bị đẩy ra khỏi bệnh viện để dành cho phe thương binh thắng trận. Sáu Mù vĩnh viễn "giã từ ánh sáng" kể từ lúc đó. Cũng từ đó không có thêm một người con gái nào lọt được vào đôi mắt trắng giả của Sáu Mù nữa. Trong cái bóng đêm dài hết một đời của Sáu Mù, thỉnh thoảng vẫn lóe sáng hình ảnh của hai người đàn bà: người mẹ và người con gái tóc thè mà y chưa kịp hỏi tên ở quận Thượng Đức.

Những lúc lặn dò, lê la ngoài hè phố hay trên xe buýt như thế này, tự thâm tâm Sáu Mù vẫn vừa mong mỏi, vừa lo sợ một điều: bất ngờ gặp lại được mẹ hay cố nhân trong cái phần đời bi thảm và chua xót này.

Khi bản nhạc chấm dứt thì Sáu Mù không còn thể nào ngăn được nước mắt đã lăn nhe trên đôi gò má gầy guộc đến tro xương của mình. Nhiều hành khách khác cũng khóc. Không khí trên xe trầm lắng đến nặng nề. Mọi người đều im lặng, thần thờ như họ đang bị thôi miên. Đứa bé bán chuối chiền cần trọng gói một trái chuối bự nhất, nhẹ nhàng mang đến đặt vào tay Sáu Mù. Cái cảm giác nóng nóng ở tay khiến y biết ngay là có một người nào đó đã động lòng trắc ẩn và dấp dúi cho mình một phần lương thực. Sáu Mù không cảm thấy bị xúc phạm, chỉ càng tủi thân thêm. Mãi đến lúc đó nhiều người mới nhìn thật kỹ Sáu Mù và Bảy Què. Họ chợt nhận ra trước mắt mình là hai người thương binh - dù quân phục đã cũ nát, tả tơi và phù hiệu đơn vị đã bạc màu - chứ không phải là những kẻ ăn xin hát dạo như thường thấy.

Sáu Mù đã cảm nhận được hết cái không khí thương yêu chia sẻ quanh mình. Y xúc động đến run người. May mắn là sự mù lòa giúp cho y đỡ bối rối hơn là Bảy Què trong lúc này. Bảy Què phải cúi gầm mặt xuống, tránh những ánh mắt chứa chan thiện cảm của những người xung quanh. Cảm tình của thính giả làm cho Bảy Què luống cuống. Bản thân một hồi y mới lấy lại được bình tĩnh. Y bội vàng chuyển nhịp, chơi bản Hội Nghị Diên Hồng:

Toàn dân nghe chăng, sơn hà nguy biến ?  
Hận thù đặng đặng, biên thùi rung chuyển...  
Toàn dân Tiên Long, sơn hà nguy biến !  
Hận thù đặng đặng nên hòa hay chiến ?

**QUYẾT CHIẾN !**

Có tiếng ho đáp bất ngờ của nhiều người trong xe. Bảy Què và Sáu Mù tưởng như có một luồng điện chạy qua tim. Không riêng gì hai thằng mà có lẽ là tất cả mọi hành khách đều xúc động mãnh liệt. Sau đó có đến hơn chục người cùng cất cao giọng hát chung với hai thằng.

Xe ngừng lại ở một vài trạm kế tiếp, không ai xuống! Lác đác chỉ có người lên. Mặc kệ cho những người mới bước lên xe ngơ ngác, Bảy Què, Sáu Mù và nhiều hành khách trên xe cứ hát. Sau khi "chiều" theo mọi người hát đi hát lại bản Hội Nghị Diên Hồng đến lần thứ ba, Bảy Què mới chuyển nhịp qua được bản mẹ Việt Nam Ôi Chúng Con Vẫn Còn Đây:

Nhưng mẹ ơi giờ đây sao mẹ khóc ?  
Hai vai gầy run rẩy nát tâm can.  
Lệ hồng pha Bến Hải nước tràn dâng.  
Áo nâu nghèo mẹ khóc để phơi thân.  
Một đàn con giờ quên ơn ẹ dưỡng.  
Súng đạn cây tan nát luống quê hương...  
Mẹ lòng đau thương xót cảnh lầm than,  
xót xa nhiều phương Bắc chiếm phương Nam.  
Nhưng mẹ ơi, mẹ đừng than khóc nữa.  
Vì chúng con của mẹ vẫn còn đây...

Xe đến tận Tân Cảng, trạm cuối . Bản nhạc cuối cùng cũng vừa vặn chấm dứt ở đó. Mọi người lục tục xuống xe. Họ đi qua chỗ hai thằng, không quên nhét vội vào túi tụi nó những đồng tiền lẻ. Có người lục tìm mãi túi mình rồi bối rối nhét vội vào áo Sáu Mù một bịch... thuốc rê! Hai

thằng ngồi sừng sừng đón nhận những câu nói "cảm ơn" nho nhỏ và những đồng tiền, những món quà rơi như mưa vào người mình. Riêng Bảy Què thì không dưng mà chợt nhớ đến cái lúc mà y ngược ngạt cúi đầu nhận vòng hao chiến thắng từ tay của em nữ sinh Trưng vương vào một buổi sáng nào đó đã xa lắc, xa lơ.

Trong đám hành khách, có hai người móc tiền, cũng không móc thuốc. Họ rút từ trong người ra khẩu K.54 dí vào ót của hai thằng. Cái cảm giác thép lạnh làm Sáu Mù điếng người. Hắn ứ ở lên tiếng hỏi :

- Làm cái gì vậy ?

- Về đồn rồi biết...

Bảy Què hốt hoảng :

- Tụi tui làm gì mà bắt chớ ?

- Làm việc cho CIA chống phá cách mạng chứ còn làm gì nữa.

Đám đông hiếu kỳ còn đang kinh ngạc tần ngần, nghe đến mấy chữ CIA liền bước nhanh xuống xe, bội bàng tản mát ra xa. Tay phải cầm súng, tay trái nắm cổ áo của Sáu Mù và Bảy Què, hai người đàn ông lực lưỡng lôi hai thằng xuống xe như lôi hai con chó !

Chuyến xe buýt cuối cùng Tân Cảng - Sài Gòn đã đỗ trạm từ hồi xẩm tối nhưng anh Hai vẫn neo xe chờ Sáu Mù và Bảy Què cho đến tận khuya. Anh biết chắc hai thằng em mình "thua" rồi nhưng vẫn cứ chờ. Làm sao mà bỏ đi liền cho đặng ? ngày xưa khi còn là một hoa tiêu trực thăng anh Hai cũng đã đi đón hụt nhiều chuyến như vậy rồi. Cái cảm giác mất mát lúc mang máy bay về không giữa đêm trường bao là sau khi đón hụt những toán biệt cách không làm cho anh thấy khổ sở và bứt rứt khủng khiếp như bây giờ.

Hút đến điếu thuốc cuối cùng rồi anh Hai leo lên xe làm lủi đạp ra hướng bờ sông. Sông Sài Gòn. Bờ sông vắng , nước đen, gió lạnh, "Sông đưa người rồi cũng mỗi mòn trôi!" Anh Hai lẩm nhẩm một mình và chưa bao giờ thấy mình cô đơn như lúc ấy. Anh chợt nghĩ đến những thằng bạn đồng ngũ còn lặn đạn ở tận những phương trời xa xôi nào đó và tiếp tục lẩm bẩm: "tụi nó đều còn nguyên vẹn hết mà sau mười năm rồi không thấy đứa nào quay trở lại. Bộ ở nơi xa tụi bây không biết rằng trận chiến này vẫn đang tiếp diễn sao ?"

## Mì Quảng

Rồi ngày California ngán lại. Nắng dịu vàng và sáng hẳn ra. Và vào lúc ngày đi dần vào tối, gió chiều đã bắt đầu có pha lẫn một chút hơi lạnh làm se se da thịt. Sáng có hôm dậy muộn vẫn chưa thấy nắng, bầu trời thoảng vẻ âm u và thành phố lãng đãng sương mù. Thế là mùa Thu đến. Mùa hè bỏ đi bất chợt vội vã như một người tình hối hả vượt biên. Mùa Thu xuất hiện bất ngờ như một mối tình muộn màng, vào lúc mà người ta đã tưởng chuyện tình là chuyện không còn... các gì xảy ra được nữa.

Từ đó mặt trời bắt đầu dậy muộn. Chiều mỗi lúc một ngắn thêm. Lá phong vàng xanh - vàng nhạt, vàng thắm, rồi hóa đỏ au - rơi bơ vơ trên những thảm cỏ nhạt xanh, chưa kịp đổi màu. Cảnh vật hoá hơi buồn nhưng đẹp.

Sáng trời mưa. Mưa mà loay hoay với món điểm tâm quen thuộc như mì gói hay bánh mì với trứng thì cuộc đời quả là không 9đáng sống. Sao không dừng mà thấy nhớ một tô mì quảng đến muốn rơi nước mắt. Mì quảng, Trời ơi, biết tìm nó ở đâu bây giờ ?

Trưa, trời vẫn cứ mưa, vội vã, co ro chạy từ lớp học đến phòng ăn đứng xếp hàng để chờ mua một cái... "cheese sandwich" ! Bất chợt bắt gặp một khuôn mặt quen quen, một "gã" đồng hương. Bèn gật đầu chào thật nhẹ với một nụ cười mím chi dè dặt.

- Chào cô.

- Dạ, chào anh.

- Năm nay mưa sớm.

- Dạ, hơi quá sớm.

- Trời như thế này được nằm nhà thì thích hơn.

- Dạ.

Lại "dạ" cho lịch sự chứ trời như thế nào thì nằm nhà cũng đều thích cả.

- Cô thích mưa ?

- Cũng không thích lắm.

- Tôi cũng vậy. Đứng ra thì có thích nhưng hơi sợ. Mưa dịu dàng hơn là nắng nhưng sao thấy nhớ nhà...

"Ý trời, có nhớ nhà nữa sao. Tình cảm dữ há" ? Sau một giây im lặng ngần ngừ bỗng người ta cảm thấy bị thôi thúc bởi nhu cầu tâm sự. Cái tâm sự mãi từ sáng tới giờ chưa trút được cho ai vì chưa gặp ai cùng là người Việt.

- Vâng, vừa nhớ nhà vừa thèm ăn mì quảng.

- Cô nói sao ?

- Tôi nói mì quảng.

- Xin lỗi cô, tôi nghe chưa rõ.

- Mì quảng, loại mì sợi vàng...

Người đối thoại bỗng im lặng, dăm chiêu như thể vừa nghe đề cập đến một món ăn lạ lùng và đặc biệt của ... thổ dân Samoa! Còn mình thì nín thở hồi hộp chờ đợi tha nhân lục lọi trí nhớ.

Ồ, cô thích ăn mì hả ? Mì thì người Tàu ở San Francisco nấu ăn cũng được. Cô có bao giờ thử mì ở tiệm Golden Dragon Restaurant chưa ?

Cổ lắm mới nén được một tiếng thở dài, với cái tâm cảm chua xót đắng cay của một thiếu nữ



chợt biết mình đã... trao duyên làm tướng cướp! Câu chuyện chấm dứt vĩnh viễn ở đó nhưng sự tằm tức, ám ức thì kéo dài suốt cả ngày.

Mẹ ơi, sao lại có một người đàn ông Việt Nam không biết đến mì quảng, và còn làm lẫn giữa mì quảng và mì hoành thánh nữa? Điều bất công khó chịu là từ lâu rồi mì quảng vẫn bị chịu thiệt thòi. Nó chưa bao giờ được chào đón nhìn nhận cho đúng với giá trị của mình.

Tệ hơn nữa là nơi nó xuất xứ - Quảng Nam, Việt Nam - người dân địa phương vốn được coi là thích chuyện tranh luận và họ có thể tranh cãi về hàng trăm thứ chuyện bà rần không cần thiết nhưng riêng với sự bất công mà mì quảng phải chịu đựng thì dường như chưa thấy ai lên tiếng?

Phở, chả hạn, thì có gì là xuất sắc đâu mà luôn luôn được đề cập đến một cách ồn ào quá đáng. Sợi phở trắng nhách trông thấy ghê. Nước phở trong veo coi thấy chán. Thịt để ăn với phở thì đòi hỏi điệu hạnh đủ thứ như nạm, gân, gân, sách...; mà chỉ cần vụng tay một chút là cả tô phở coi như là bỏ!

Bún bò Huế thì (chao ơi) cay quá. Nó cay như thể là trên đời này không còn có một thứ thức ăn nào cay hơn được nữa. Mà đã là bún bò sao còn có giò heo. Bò và heo không mấy khi đi chung với nhau một cách ổn thỏa. Đã thế, miếng giò heo vẫn thường làm cho tô bún bò bớt phần thanh nhã và khiến cho người đang nhòm nhào nó mất đi rất nhiều cái "phong thái tị nạn chính trị" của mình.

Tô bún riêu thì coi đỡ thấy ghét hơn một chút. Điều phiền là nó giản dị quá, giản dị tới mức... gần như là đạm bạc. Một chút cà chua và riêu cua thôi thì làm sao tô bún trông không lỏng bồng cho được? Hơn nữa, ăn bún riêu vào một buổi sáng trời mưa thì đến trưa chắc chết (chết chắc) vì đói.

Hủ tiếu, mì sợi, hoành thánh, sủi cảo... thì kể như là hết thuốc! Vậy chứ những thứ thức ăn "ngoại nhập" và vô duyên đến như thế vẫn được chấp nhận dễ dàng và phổ biến ở khắp mọi nơi. Chỉ có mì quảng là mãi mãi bị bỏ quên hoặc chưa bao giờ được chào đón đúng mức.

Mà mì quảng ngon tuyệt vời nha. Sợi mì làm bằng bột gạo rồi đem nhuộm vàng. Không phải cái màu vàng "đồng bóng" của nghệ, hay màu vàng thổ nhà quê đâu. Sợi mì quảng thường vàng tươi và chỉ đủ vàng để dung hợp với màu xanh của rau đi kèm với nó.

Rau sống ăn với mì quảng không bị đặt nằm một cách trơ vơ như một đĩa giá hay xà lách để ăn chung với phở. Nó cũng không bị thu vén một cách bần tiện trong những cái đĩa con con như rau để ăn chung với bún riêu hoặc bún bò. Tất cả những loại rau thơm để ăn chung với mì quảng, kể cả rau xà lách, đều được thái nhỏ mịn và bỏ chung gọn gàng trong tô mì.

Nước mì quảng không lênh láng như nước phở, không thừa thãi như nước bún bò, không nhạt nhẽo như nước mì hay hủ tiếu. Nó hơi sền sệt với thịt heo sốt vụn, với tôm khô giã nhuyễn nấu nhừ, và luôn luôn chỉ được chan vào tô ở mức hơi sấm sập.

Mà đừng tưởng như vậy sẽ khiến cho tô mì không đủ nóng nha. Nghĩ như vậy là làm à. Độ nóng của tô mì quảng không hoàn toàn do nước mà còn tùy thuộc phần nào vào số lượng ớt băm mà thực khách múc bỏ vào tô. Nhiều ớt quá tô mì hóa cay chết. Hổng. Mà ít ớt thì nó sẽ thiếu cái độ nóng và độ cay cần thiết. Hư. Mà nhớ là ớt băm à nha. Mì quảng dứt khoát và quyết liệt không dung thứ những loại ớt khác như ớt xanh, ớt sất, ớt khô, ớt ngâm dấm... hay bất cứ một loại ớt nào khác trên cuộc đời này.

Mô tả như vậy dễ gây ngộ nhận rằng mì quảng là một món ăn cầu kỳ, trường giả. Nghĩ như vậy là kể như trật thêm một lần nữa. Ráng chịu. Mì quảng không kiểu cách, lộn xộn, rườm rà như bún thang; không xuề xoà như bún ốc; không vô duyên như bún mọc. Mì quảng giản dị mà đậm đà và vô cùng đậm thắm.

Và mì quảng cứ ở miệt Quảng Nam. Nó không di cư ồ ạt rộn ràng như phở, không chen chân nơi những đô thị xa lạ như bún bò, không tỏ thái độ vô tình bạc bẽo theo kiểu "một đi không trở lại" như mì sợi hay hủ tíu.

Thản hoặc, người ta mới bắt gặp một tô mì quảng mon men đến một vài thành phố phụ cận như Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Tín, Quảng Bình, Bình Định... Nơi xa xôi nhất mà mì quảng trôi dạt đến nhưng vẫn giữ nguyên được bản sắc của mình có lẽ là Đà Lạt. Nơi đây mì quảng vẫn còn nguyên cái dáng vẻ trầm lặng và khép kín của mình. Mì quảng không trưng bảng hiệu, không ư a phở xá ồn ào. Nó thích hợp với không khí gia đình hơn bất cứ một thứ thức ăn nào khác. Có quá lắm thì mì quảng cũng chỉ hiện diện (với đôi chút ngõ ngàng tội nghiệp) nơi một quán ăn nhỏ hẹp, nghèo nàn.

Nơi bán mì quảng ở Đà Lạt không nhiều và thường nằm ẩn trong một con hẻm nhỏ. Thực khách, nếu không phải là khách quen, còn lâu mới tìm ra nhà. Cái nhà không phải là cái quán. Chủ nhà không phải là chủ quán. Đó thường là một bà mẹ Quảng Nam hay Đà Nẵng. Chủ khách chào nhau tương kính trang trọng.

Không ai đề giá hay hỏi giá một tô mì quảng. Nó vô giá mà. Cũng không ai phân chia mì quảng thành tô lớn, tô nhỏ, tô đặc biệt... Mọi tô mì quảng đều đặc biệt. Cũng rất ít người chỉ ăn một tô mì quảng. Thường người ta gọi một "tô ăn thêm." Phải ăn thêm, dù no, cho khỏi phụ lòng người nấu và cho bố công mình lặn lội đi ăn vào một buổi chiều Đà Lạt mưa dầm.

Nhân loại có thể đồ đi ba tỉ tô phở, hai tỉ tô bún, và một trăm tỉ tô mì hay hủ tíu nhưng không ai có thể bỏ dở một "tô mì quảng ăn thêm." Mì quảng không làm ai ngán. Ăn nhiều thì nó bớt ngon chút xíu thôi hà.

Ăn xong người ta tráng miệng bằng nước trà. Trong lúc khách nhỏ nhẹ kín đáo xĩa răng thì chủ thể nào cũng tìm dịp thỏ thẻ:

- Mì bữa ni nấu được không cô ?

- Dạ...ngon.

Trả lời như vậy là không được. "Ngon" là một hình dung từ mơ hồ, nếu không muốn nói là hàm hồ, không thể nào diễn tả được cái đặc sắc tuyệt vời của một tô mì quảng. Có vụng về lắm thì người ta cũng phải đưa ra được vài ba nhận xét "bâng quơ" như sau:

- Dạ thưa bác mì ngon lắm. Tôm đã vừa nhỏ và nấu vừa như. Rau chuối tươi mà không chát. Nước đậm đà vừa miệng.

Sau đó mới đến màn cảm ơn và từ tạ...

Coi, một thứ thức ăn nặng tình gia đình và văn hóa dân tộc như mì quảng mà bị bỏ vô "cửa hàng ăn uống quốc doanh" thì chịu đời sao thấu. Cỡ khoai mì, khoai lang mà đụng chuyện với người cộng sản còn bị te tua bầm dập nữa mà.

Càng khó chịu hơn nữa khi người ta gặp lại mì quảng trên bước đường lưu lạc. "Tha hương ngộ cố tri" không thiếu cảnh bề bàng. Nhưng đựng đầu mì quảng trong tiệm ăn ở thành phố San Francisco, Hoa kỳ thì quả là một chuyện bề bàng chết được.

Dù biết rằng tô mì quảng không thể nào được đặt trên bàn ăn trải khăn trắng, dưới ánh đèn màu, và bên cạnh một bình hoa daisy; mì quảng lại càng trông khổ sở ngượng ngịu trên tay người bồi bàn mặc áo "chemise" trắng, cổ thắt nơ đen... nhưng vẫn phải thử chứ, vẫn náo nức trông đợi coi sao chứ ?

Đến khi nhìn thấy mì quảng được đặt trong tô sứ, đĩa hoa, và đi chung với dưa gà thì người ta lại bắt gặp nơi mình một cảm giác đau đớn và chua xót khác - cái tâm cảm của một người bất chợt nhìn thấy "cố nhân" lái Mercedes với một vợ và tám đứa con trên xe.

Người ta xê nhẹ vài sợi mì vào muồm, gấp thêm một chút rau, ấn nhẹ muồm xuống tô để lấy thêm chút nước... rồi e ngại, rứt rứt đưa vào mồm. Và rồi sẽ hiểu thế nào là nỗi thất vọng đáng cay của kẻ "yêu lại một người yêu thất tiết".

Mì quảng ơi, thôi vĩnh biệt!

\*\*\*

**Phụ đính I :**

## Gãy súng rồi gãy viết

Một lời tử tế làm ấm lòng người suốt cả mùa Đông.  
(Ngạn ngữ Nhật Bản)

Tháng 3 năm 1975, lúc đang còn ở lứa tuổi đôi mươi, khi không khi không, ông Cao Xuân Huy - một cựu sĩ quan của binh chủng Thủy Quân Lục Chiến, thuộc Quân Đội Việt Nam Cộng Hoà - giã từ vũ khí. Bỏ súng đạn, dù ở vị thế của một kẻ chiến bại, để chấm dứt một cuộc chiến tranh đã triển miên tàn phá quê hương đất nước, không chừng, cũng là kỳ vọng hay ước mơ tiềm ẩn của trung úy Cao Xuân Huy (nói riêng) và của cả nước (nói chung). Sau đó ( theo như lệnh của những người thuộc phe thắng trận) ông Cao xuân Huy cầm cuốc, cuốc tới tấp, cuốc túi bụi, cuốc không ngừng, cuốc tưng bừng, và cuốc liên tục (rất nhiều năm) trên những thửa đất ... vô phương canh tác - ở nhiều trại cải tạo khác nhau. Điều này, dường như, không nằm trong " dự kiến " của cả nước (nói chung) và "học viên" Cao Xuân Huy (nói riêng).

Cây cuốc, một nông cụ rất hữu ích và phổ biến kể từ khi loài người bắt đầu đời sống định canh cho đến hết Thời Trung Cổ, nếu được tận dụng và thiện dụng, trong điều kiện đất đai và thời tiết lý tưởng - may ra - mới có thể mang lại vừa đủ cơm áo cho chính bản thân người sử dụng. Còn dùng thứ cuốc do tập thể làm chủ, bằng hình thức lao động cưỡng bách, trong điều kiện làm việc khắc nghiệt, trên những nông trường quốc doanh, theo những kế hoạch kinh tế cứng rắn và hoang tưởng, vào những thập niên cuối cùng của thế kỷ hai mươi... thì chỉ là một sự phí phạm nhân lực vô cùng tai hại và đáng tiếc— nếu nói một cách bao dung. Nói cách khác, chính xác hơn, đây là một phương cách trả thù hèn hạ đê tiện của những kẻ tiểu tâm.

Bởi vậy, sau khi rời trại cải tạo, ông Cao Xuân Huy đã không đến những vùng kinh tế mới để tiếp tục cuộc cày – theo ý muốn của những người thuộc phe thắng trận. Ông bỏ đất nước ra đi. Nơi những vùng đất tạm dung, ông Cao Xuân Huy (đương nhiên) được thừa nhận là một người tị nạn. Lý do : « Nơi ông rời bỏ, nếu cái cột đèn có chân nó cũng không thể ở » - và nơi đó, ngoài

lũ cột đèn, vẫn còn vài chục triệu người ngậm đắng nuốt cay ở lại để bảo đảm cho cái căn cước tị nạn chính trị của những kẻ ra đi!

Tháng 3 năm 1975, không phải chỉ có một mình trung úy Cao Xuân Huy bỏ súng. Sau đó, ông ta cũng không phải là kẻ duy nhất bỏ đi. Ông Huy chỉ là một trong hàng triệu triệu dân Việt, trong cơn quốc biến, hốt hoảng, ù té, bỏ chạy ; rất nhiều người đâm xăm ra biển, lênh đênh, tử tán, phiêu bạt khắp bốn phương trời.

Giữa ông Cao Xuân Huy và phần lớn những người Việt tị nạn cộng sản khác chỉ có một chút dị biệt nho nhỏ. Sau khi bỏ súng, bỏ cuộc - thay vì cầm kim, cầm búa hay một dụng cụ nhẹ nhàng nhưng thiết thực nào khác để kiếm sống nơi quê người đất khách - ông Cao Xuân Huy (thương ơi ! ) lại vớ ngay cây bút, một vật dụng mà hiệu quả trong việc mưu sinh vô cùng giới hạn và vẫn thường gây vô số chuyện phiền lòng (nếu không muốn nói là " tai nạn ") cho khổ chủ!

Ông Cao Xuân Huy trở thành một nhà văn lưu vong (đương đại), nếu nói một cách nghiêm trang, và nói theo kiểu...thời trang, của thời hiện đại. Ông ta chính là tác giả cuốn *Tháng Ba Gãy Súng* - một tác phẩm được nhiều người tìm đọc (và đã khiến không ít kẻ ngậm ngùi) vì nội dung giản dị nhưng chân thật và bi tráng của nó về cái chết oan ức, tức tưởi của một đạo quân thiện chiến. Cùng lúc, nhà văn Cao Xuân Huy còn tích cực góp phần vào nhiều sinh hoạt văn hoá khác nữa. Có thời ông đã từng là tổng thư ký của tạp chí *Văn Học*, một tạp chí được tiếng là uy tín và danh giá - dù chưa bao giờ nó có khả năng trả nhuận bút hay thù lao cho bất cứ ai, kể cả chủ bút và chủ nhiệm. Hiện tại, ông Huy đang cộng tác với nhật báo *Người Việt* (tờ báo bè thế nhất của người Việt tị nạn) và là Chủ Tịch Trung Tâm Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại - Nam California. Phần đời tị nạn của ông Cao Xuân Huy - xem ra và trông xa - có vẻ hiển đạt. Trong thực tế, dường như, ông ta không thành công gì cho lắm. Những chức tước hay địa vị (nhà văn, nhà báo, tổng thư ký, chủ tịch...gì gì đó mà ông Cao Xuân Huy đã có can đảm nhận lãnh) và những công việc liên quan đến chúng - như đã thừa - đều mang lại rất ít, hoặc chẳng có tí ti lợi nhuận nào. Theo như cách nói của đời thường, ông Cao Xuân Huy là một người ưa vác ngà voi - một việc làm chỉ có khả năng mang lại cho chủ thể sự phong phú thuần túy về phương diện...tinh thần, nếu mọi chuyện diễn biến bình thường hay tốt đẹp!

Còn nếu xét toàn thể, khách quan mà nói, cuộc đời của ông Cao Xuân Huy hoàn toàn không suôn sẻ . Ông cầm súng, súng gãy. Ông cầm cuộc, cuộc cong. Và sự nghiệp cầm bút của nhà văn Cao Xuân Huy, với tư cách là Chủ Tịch Trung Tâm Văn Bút - Nam California ( nếu nhích chút xíu vào chi tiết), cũng không ít chuyện não lòng.

Trung Tâm Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại mà ông Cao Xuân Huy là một thành viên có đến hai vị chủ tịch và chia làm hai hệ phái hay phe phái. Cả hai đều quyết liệt phủ nhận lẫn nhau, và đều không được Văn Bút Quốc Tế thừa nhận.

Nói cách khác, hiện tại, Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại có mà như không. Nó ở tình trạng tạm thời không hiện hữu (temporary non existence). Và nó sẽ biến mất vĩnh viễn, " nếu không có sự dàn xếp kịp thời - nghĩa là, nếu chúng tôi không thể thông báo một cách chắc chắn đến Hội nghị Đại biểu họp tại Moscow , vào tháng 5 năm 2000, là đã có giải pháp ổn thoả cho vấn đề (?) thì tôi tin chắc rằng Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại sẽ bị giải tán vào kỳ họp tới ở Manila vào năm 2001...' - theo như văn thư đề ngày 13 tháng 12 năm 1999 của ông Terry Carlbom, Tổng Thư Ký Văn Bút Quốc Tế, gửi đến nhị vị Chủ Tịch Của Văn Bút Việt Nam. (...if an early settlement is not reached - that is, if we can not reliably inform the Assembly of Delegates in Moscow, in May 2000, that the problem is well on the way to solution ? I am quite sure that the Centre will be dissolved at the Assembly of Delegates in Manila in 2001...).

Như thế, nhà văn Cao Xuân Huy (thành viên chủ lực của Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, Chủ tịch Trung Tâm Văn Bút – Miền Nam California) sẽ có nguy cơ bị gậy bút trong những ngày tháng tới. Một phần tư thế kỷ trước, trung úy Cao Xuân Huy (và đồng ngũ) vì gậy súng đã mang đến thảm họa cho nửa phần đất nước mà họ được “giao khoán” cho nhiệm vụ phải bảo vệ. Sau đó thêm nửa phần dân Việt phải chịu đọa đầy, và vài triệu người phải sống tha hương. Hậu quả cay đắng này vẫn đang là đề tài tranh cãi giữa những nạn nhân của nó.

Người ta vẫn cố tìm cho bằng được thủ phạm của sự thất bại thê thảm và nhục nhã này. Nó thê thảm và nhục nhã đến độ không ai muốn hoặc dám nhận lỗi (dù chỉ một phần) về phía mình. Mọi người đều tìm cách đổ lỗi cho tha nhân, cho phe nhóm khác, cho tôn giáo khác, cho đảng phái khác, cho người bạn đồng minh bất nghĩa, cho đám lãnh đạo bất tài... Chung cuộc, “thủ phạm” vẫn không được nhận diện nhưng không khí nghi kỵ và hận thù bao trùm khắp cả mọi nơi, và sự phân hoá trong cộng đồng thì kéo dài triền miên từ thế kỷ này sang thế kỷ khác.

Hai mươi lăm năm sau, sau khi gậy súng, nhà văn Cao xuân Huy (và đồng nghiệp) có nguy cơ sẽ làm gậy bút. Chuyện này, đã và đang được tiếp tục tranh cãi (giữa những người trong cuộc) với cùng một tinh thần và phương cách tương tự như về chuyện gậy súng hai mươi lăm năm trước - nghĩa là (theo như dư luận) sẽ có rất ít hy vọng nhìn thấy “ánh sáng cuối đường hầm”.

Khác với chuyện gậy súng, nguyên do của việc gậy bút có phần giản dị và dễ tìm hơn. Ông Tổng Thư Ký Văn Bút Quốc Tế, trong văn thư dẫn thượng, đã đề cập đến sự “tranh chấp nội bộ” (internal disputes) như là nguyên do chính dẫn đến việc Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại phải tạm ngưng hoạt động từ hai năm qua. Nếu một lời tử tế có thể làm ấm được lòng người suốt cả mùa Đông, theo như tin tưởng của dân tộc Nhật, thì sợ là đã nhiều mùa Đông qua nhưng những thành viên Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại - của cả hai phe - chưa bao giờ gửi đến nhau một lời tử tế. Có chăng (e) chỉ là lời qua tiếng lại, tiếng bắc tiếng chì mà – đôi lúc – khiến cho kẻ bàng quan cũng phải cau mày vì nội dung vô cùng khiếm nhã của chúng. Hậu quả, như đã thừa, có thể dẫn đến việc Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại sẽ ngủ giấc ngàn thu.

Cũng có dư luận cho rằng nếu bút viết chỉ được dùng vào việc bới móc hay vẩy mực (vào mặt lẫn nhau) thì nếu gậy cũng đâu có gì đáng tiếc. Nói như thế e phũ phàng và giản lược quá chăng? Sự cáo chung của Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, nếu xảy ra, e còn là dấu hiệu chẳng lành cho cả một cộng đồng - chứ không chỉ riêng chi cho những thành viên của nó.

Khi một cá nhân thất bại trong việc học hỏi từ kinh nghiệm, luôn tìm cách đổ thừa mọi lỗi lầm cho kẻ khác, thường xuyên sống trong tâm trạng oán hận, không có khả năng sử dụng ngôn ngữ một cách ôn hòa...là họ có đủ những triệu chứng bất ổn về phương diện sức khoẻ tâm thần.

Ở bình diện tập thể, khi một nhóm người, một cộng đồng, một dân tộc...cũng có những hội chứng tương tự (giữa lúc nhân loại đang có xu hướng tiến dần tới một nền văn hoá cách toàn cầu, vào Thời Đại Thông Tin) thì dù lạc quan cách mấy cũng nên cứu xét - khẩn cấp và nghiêm chỉnh- đến khả năng thích nghi để sinh tồn của họ, trước khi quá muộn !

Giữa những người đồng hương, đồng bào, đồng cảnh và cùng chiến tuyến (như vẫn thường tự nhận) – sao lại có thể tiếp tục sống bên nhau với tinh thần phân hoá, nghi ngại, đổ kỵ và thù hận mãi mãi như thế được ?

Và công tâm mà nói, cũng không ai có quyền làm như vậy đâu. Vì ngoài lũ cột đèn (không có chân nên không đi được) còn có vài chục triệu con người khác nữa, dù có chân vẫn phải ở lại quê nhà - như những con tin - để bảo đảm với nhân loại về tư cách tị nạn của những kẻ đã ra đi. Như thế, rất khó biện minh cho việc tự động đánh tráo căn cước tị nạn của mình để ngiêm

nhiên trở thành du khách về “tham quan” quê hương xứ sở – hàng năm.

Tương tự, không một người tị nạn chính trị nào (kể cả những nhân vật “lãnh đạo cộng đồng” hay những văn thi sĩ “huống dẫn dư luận”) có lý do gì để tự nhiên biến mình thành những kẻ côn đồ quanh năm suốt tháng chỉ chăm lo và say mê có mỗi một việc là đánh đấm cầu xé lẫn nhau - nơi quê người đất khách.

Trong “Thơ Ngổ Ngày 20 Tháng 2 năm 200 : Kính Gửi Toàn Văn Hữu Và Hội Viên VNVNHN Cửa Đặng Văn Nhâm”, một trong hai vị Chủ Tịch của Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, có câu kết luận thống thiết như sau : “Tôi mong ước quý văn hữu kể cả trong và ngoài hội, nếu thấy cần làm gì cõn con hay nói lên lời tối thiểu nào của lương tri, của lòng trắc ẩn, để giúp sức cứu nguy chính đáng và kịp thời cho văn bút xin quý vị hãy tự động và tùy nghi...”

Dù văn thư vừa dẫn không gửi đến những người dân thường, trong tinh thần trách nhiệm chung (và còn nước còn tát), hy vọng những ý kiến thô thiển vừa được giải bày vẫn sẽ được sự lưu tâm - với sự bao dung - của nhị vị Chủ Tịch, tất cả thành viên Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, những vị thức giả, và những nhân vật lãnh đạo cộng đồng.

Hy vọng quý vị sẽ có thể ngồi lại được với nhau, cùng nhau đối thoại với sự tương kính và chân thật để tìm được những giải pháp khả thi cho những bế tắc hiện tại. Nếu chỉ vì thiên kiến, vì tự ái, vì một chút hư danh hay chỉ vì 'hà tiện' gửi đến nhau đôi lời đàng hoàng tử tế ...mà nỡ tung hê mọi chuyện thì e rằng ngay lũ cột đèn ở Việt Nam - nếu chúng có ruột - chắc cũng phải đau.

## Sao Khuê

*Phong trần mài một lưỡi gươm  
Những phường giá áo, túi cơm xá gì.  
Kiều*

“Một ngày phiên chợ u tôi mua về đôi gà nhỏ. Hai con gà: một trống, một mái, dáng còn bé tí teo, như vừa mới lia đàn. Suốt ngày chúng cứ rúc vào một góc sân và kêu chim chíp bằng một giọng thảm thương, ai oán!”

Đó là một đoạn văn ngắn, trong tập truyện *O Chuột*, của Tô Hoài mà tôi đã được cô giáo đọc cho nghe - khi còn thơ ấu. Tôi tin rằng mình vừa ghi lại đúng nguyên văn, nếu không hoàn toàn đúng thì chắc cũng gần đúng (y) như thế. Sao tôi cứ thương mãi đôi gà nhỏ côi cút đó, và có cảm tình hoài với tác giả của đoạn văn dẫn thượng.

Tô Hoài (chắc chắn) sẽ rất sượng, khi biết có một người đọc đã nhớ nằm lòng - suốt đời - những điều mình viết. Và ông ấy sẽ bớt sượng, nếu biết thêm rằng tôi chưa bao giờ đọc thêm một dòng chữ nào khác nữa của Tô Hoài.

Tôi sinh trưởng ở miền Nam nơi mà trẻ con không đeo khăn quàng đỏ, không thi đua lập chiến công, cũng không có kế hoạch (lớn - nhỏ) nào phải hoàn thành. Chúng tôi chỉ có việc học với chơi, và chơi mới là chuyện chính. Tôi mãi chơi quá nên không rảnh để đọc Tô Hoài, hoặc bất cứ ai.

Sau khi cuộc chiến Bắc - Nam chấm dứt, tôi có ghé vào những tiệm sách quốc doanh nhiều lần nhưng quên bẵng Tô Hoài. Như bao nhiêu người dân miền Nam khác- sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 - cuộc đời của tôi (bỗng dưng) hoá ra rất rảnh, rất rảnh và rất ... đôi!

Tác phẩm duy nhất mà tôi tâm đắc, vào thời điểm đó, là *Hồ Chí Minh Toàn Tập*. Đây là một cuốn sách rất dày, giấy in rất tốt, giá rất rẻ và rất được những bà hay những cô bán hàng rong ưa thích. Họ cần giấy để gói , hoặc để chùi, còn tôi thì cần một phần ăn nhiều hơn số tiền túi

mình có thể mua. Do đó, dù có đói thảm thiết tôi cũng chả bao giờ xà ngay xuống mẹt xôi hay mẹt bánh. Tôi chịu khó đi (lòng vòng) mua sách, rồi mới mang đổi lấy thức ăn - cho đỡ khổ cái dạ dày!

Nói tình ngay, lỡ có thấy những tác phẩm của Tô Hoài - trong hoàn cảnh ấy - tôi chắc mình cũng ngó lơ. Mắt tôi lúc nào cũng chỉ đảo giắc, liếc nhìn ra biển, tìm một đường chui.

Sau khi đã đi hết biển, khác với nhiều người, tôi quyết định đi luôn - cho nó chắc ăn. Lưu lạc mãi, có hôm, tôi tình cờ gặp lại Tô Hoài - trong một tác phẩm phê bình văn học, tựa là *Cây Bút, Đời Người*, của Vương Trí Nhàn, xuất bản năm 2002.

Bây giờ thì tôi đủ tuổi đời, đủ rảnh (và cũng đủ no) để có thể tìm đọc thêm chút đỉnh về một tác giả mà mình đã yêu thích - từ ngày còn bé. Và Tô Hoài nay đã thất tuần.

*“Ngay từ năm 1940, khi bắt tay làm quen với giới sáng tác đương thời, thì đồng thời tác giả Dế mèn cũng bước vào hoạt động cách mạng. Lúc đầu ở thời kỳ Mặt trận bình dân, ông hoạt động trong cơ sở Hội ái hữu thợ dệt Hà Đông. Sau đó lại được tổ chức Đảng ở Hà Nội bắt liên lạc để hình thành nên lực lượng Văn hoá cứu quốc.”*

*“Tiếp đó, từ sau 1945, những hoạt động xã hội của nhà văn ngày một đa dạng. Triển khai theo chiều rộng, có lúc ông trở thành cán bộ địa phương, có thời gian đi cải cách ruộng đất, đi học trường Đảng, nhiều năm làm đối ngoại nhân dân, đồng thời vẫn giữ chân trưởng ban đại biểu dân phố (1956-1972) ở cơ quan văn nghệ trên Trung ương hay ở Hà Nội, hầu như từ năm 1946 tới nay, khoá nào ông cũng được bầu làm bí thư chi bộ, đảng bộ.”*

*“Mặt khác, ngay trong giới cầm bút, ông cũng luôn luôn có hoạt động xã hội của mình, khi là Phó Tổng thư ký Hội Nhà Văn, khi chủ tịch Hội Văn nghệ Hà Nội, từ đó để ra cơ man nào là đầu việc, là họp hành, mà người ta gọi chung là ông tác” (sđd 264).*

Tiểu sử Tô Hoài (như thế) có vẻ lung tung lang tang, ngổn ngang cả đồng chức vụ, nhưng không để lại một ấn tượng đậm nét nào về đời người và cây bút của ông. Tô Hoài như luôn bị nhấn chìm vào những đoàn đội hay đoàn thể (vớ vẩn) gì đó, “với cơ man nào là đầu việc”.

Toàn là những công việc chán ngán và nhạt nhẽo, tôi đoán thế.

Tôi lầm. Được thế thì đã phúc.

Cuộc đời của Tô Hoài chán ngán (hắn) có thừa nhưng nhạt nhẽo thì chưa chắc, và đáng chất với tụi nhục (xem ra) không thiếu - nếu vẫn theo như ghi nhận của nhà phê bình văn học Vương Trí Nhàn:

*“... bao nhiêu từng trải, như còn in dấu vào cách sống, cách chuyện trò của Tô Hoài hôm nay, bên cạnh cái nhũn nhặn lảng tránh, con người ấy thật cũng đã nhiều phen phải dàn mặt, phải chịu trận, nói chung là phải đối chọi với đời và nếu như có lúc phải đầu hàng thì đó cũng là bước đường cùng, rồi, nín nhịn chẳng qua để tồn tại, và sau hết, để được viết”.*

*“Ấy là cái điều không chỉ Tô Hoài biết mà nhiều người cũng biết...”*

Đại khái có thể hình dung như cái cảnh đứa bé bị quỳ, thì cũng quỳ đấy, song mắt vẫn liếc về phía mọi người đùa bỡn. Xá gì chuyện này, quỳ cho xong nợ, tí nữa lại tha hồ tung tẩy” (sđd 266).

Dù chỉ là một thường dân (chứ chả phải nhà văn hay nhà báo gì ráo) tôi cũng muốn ứa nước mắt xót xa cho “cây bút” và “đời người” của Tô Hoài, khi biết rằng - đôi lúc - ông vẫn phải quỳ như thế. Tôi còn e rằng Vương Trí Nhàn chỉ khéo miệng mà nói thế (để đỡ tụi cho nhau) chứ chuyện “đùa bỡn” và “tha hồ tung tẩy” dễ gì tìm được trong “đời người” và “cây bút” của Tô Hoài!

Đến như Nguyễn Tuân - dù vốn tính bất tuân - khi phải mặc đồng phục, trông cũng rúm ró và thảm hại chả kém gì cái hình ảnh Tô Hoài phải chịu quỳ:

*"Từ sau 1945, với thiên lương và tinh thần yêu nước sẵn có, Nguyễn Tuân lại nhanh chóng phục thiện, để đứng vào hàng ngũ Cách mạng. Con người chủ yếu ở ông, từ nay, là con người cán bộ, con người chiến sĩ, nghĩa là thành viên của một tập thể có kỷ luật, tập thể ấy phấn đấu cho một lý tưởng nhất định, nên mỗi thành viên trong đó phải làm tất cả để đóng góp cho sự nghiệp chung" (sđd 215).*

Cái được mệnh danh là "lý tưởng nhất định" và "sự nghiệp chung" đó là những thứ (thổ tả) gì vậy, hả Giời?

Dù là gì đi nữa, sự "phục thiện" của Nguyễn Tuân cũng đã được đánh giá cao: *"Người nặng căn như thế, mà đi theo cách mạng, chuyển cũng đã ghé đấy chứ"* (sđd 226).

Ghê khi gì? Không "chuyển" mà được à? Và chính Nguyễn Tuân biết rõ điều này hơn bất cứ ai: *"Tao mà còn sống được đến ngày nay để cầm bút là nhờ tao biết sợ chúng mày ạ"* (Xuân Vũ. Văn Nghệ Sĩ Miền Bắc Như Tôi Biết. Westminster : Người Việt, 1991).

Mà sợ là phải ... giá. Thời phải thế, thế thời phải thế. Tránh voi chả xấu mặt nào. Mà cỡ voi thì sức vóc có ra gì, nếu so với sức mạnh chuyên chính vô sản. Trêu vào chúng tôi có mà bỏ mẹ; không chừng, còn bỏ mạng luôn ấy chứ.

*"Sự dã man quỷ quyệt mãnh liệt và sự bất nhân của họ chưa hề thấy trong lịch sử của loài người"* (Nguyễn Mạnh Tường. Kẻ Bị Vạ Tuyệt Thông. Paris : Quê Mẹ, 1977). Sĩ khí đến như Nguyễn Mạnh Tường mà còn phải rấm rứt khóc thầm (bằng tiếng Pháp) thì xá gì cỡ Nguyễn Tuân.

Ở vào hoàn cảnh đó, mới hiểu và thông cảm cho sự cuồng cuồng của một người - vốn tính đồng bóng và yếu bóng vía - như Xuân Diệu:

*"Xuân Diệu sợ chúng tôi say sưa quá, bốc đồng quá tử vì đạo, rồi không giữ được ngòi bút của mình. Hơn ai hết, ông hiểu về những lưỡi gươm Damoclès thường xuyên treo trên đầu người làm văn nghệ. Khi nói chuyện này đột nhiên giọng ông đột nhiên nhỏ hẳn đi, khe khẽ thì thào. Rồi ông lắc đầu, ông le lưỡi, ý bảo rằng sợ lắm, mà cỡ các cậu thì càng phải nên biết sợ ngay thì vừa, nên nhớ là sau có hồi cũng không kịp nữa"* (Vương T.N. 295).

Xuân Diệu đã chết. Cái cung cách và thái độ "đột nhiên giọng nhỏ hẳn đi", "khe khẽ thì thào", "lắc đầu", "le lưỡi" cũng ... chết luôn. Thế hệ của những người cầm bút kế tiếp, không có vẻ gì là hào hứng và chịu tiếp nhận sự khiếp đảm mà Xuân Diệu muốn truyền đạt cho họ.

Họ không mấy khi "say sưa quá" hay "bốc đồng quá", như Xuân Diệu lo sợ. Không ai "tử vì đạo", như Nguyễn Chí Thiện hay Phùng Cung. Cũng không ai chịu chơi tới cỡ "không làm nhà" vì "mắc làm người", như kiểu Hữu Loan. Và hãi sợ thì cũng không luôn.

Những tác phẩm văn học đột ngột xuất hiện và được nhiệt liệt đón nhận, vào thời kỳ cởi trói, không phải là những sáng tác qua đêm. Đó đều là những "nổi đau" đã được ấp ủ và "chưng cất" - theo như cách nói của thi sĩ Dương Tường (<http://www.talawas.org/tranhluan/tl329.html>). Đến khi những kẻ nắm quyền đổi ý, muốn trói cả đám trở lại y như cũ, nhiều người đã không chịu đưa tay ra nữa. Trong cuộc *Hành Trình Cuối Đông* năm 1988, Bùi Minh Quốc và Tiêu Dao Bảo Cự đã thu thập được 118 chữ ký - của giới văn nghệ ở các địa phương - đòi được quyền tự do báo chí và xuất bản.

Không trói được tay thì họ xoay ra cột chân, biến một số tư thất thành lao thất, bằng nghị định 31/CP. Nó ngang nhiên cho phép quản chế hành chánh, không cần xét xử, những người có "hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm đến an ninh quốc gia, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự". Nạn nhân sẽ bị quản thúc, công an đến gác nhà, điện thoại bị cắt, ngăn cấm mọi sự tiếp xúc...

Cái xiềng 31/CP đã giam được Bùi Minh Quốc, Tiêu Dao Bảo Cự, Hà Sĩ Phu ... nhưng không lọt chân ông Trần Khuê. Ông ấy, rõ ràng, quá khổ. Đã (hơi) quá khổ mà còn quá quắt nữa. Trần Khuê đòi đổi tên Nước, tên Đảng, đòi hủy bỏ điều 4 hiến pháp, đòi Trường Chinh phải xin lỗi ông Kim Ngọc (bí thư tỉnh ủy Vĩnh Phú, tác giả của Khoán 10), đòi Tố Hữu phải xin lỗi



những văn nghệ sĩ trong nhóm Nhân Văn, đòi Lê Đức Thọ phải xin lỗi những người trong “vụ án xét lại”, đòi lập Hội Chống Tham Nhũng ... Nói tóm lại là Trần Khuê không để cho bắt - cứ - cái - gì và bắt - cứ - ai được nằm yên, kể cả những người đã khuất:

*“Chúng ta đề nghị Tổng cục thống kê và Bộ tài chính thử tính số xem 30 năm qua ta đã tiêu tốn vào lăng Người tổng số là bao nhiêu tiền của... Và thử xem riêng ngân sách dự chi cho năm 2000 xem có thể xây được bao nhiêu trường học cho một ngàn xã hãy còn tăng về giáo dục ở miền cao. Có thể xây bao nhiêu căn nhà để nuôi trẻ mồ côi ... Có thể xây bao căn nhà dưỡng lão cho người già lão cô đơn, không nơi nương tựa. Có thể xây bao nhiêu nhà thương làm phúc chữa bệnh cho người nghèo ...”* (Trần Khuê - Nguyễn Thị Thanh Xuân \*, *Đối Thoại Năm 2000*).

Đến cỡ như bác Hồ (dù đã mồ yên mả đẹp) mà Trần Khuê còn không tha thì có ai khác mà không bị ... làm phiền. Mọi kẻ có chức quyền, từ Tổng Bí Thư trở xuống (kể cả ông TBT Giang Trạch Dân của nước bạn Trung Hoa vĩ đại) đều bị Trần Khuê mang ra hỏi tội và chửi mắng xối xả vì sự ngu dốt, cũng như tội gian tham - của từng người một!  
Sự xuất hiện đột ngột và dững cãm của ông Trần Khuê khiến tôi vô cùng cảm khái.

Như đã thưa, tôi sinh trưởng ở miền Nam . Trong thời gian đất nước chia cắt, tôi đã hụi mắt phần văn học xã hội chủ nghĩa của miền Bắc. Khi đất nước thống nhất “Nam - Bắc hoà lời ca”, tôi “ca” không nổi nên đã bỏ chạy.

Ở nước ngoài, khi có dịp tìm hiểu văn học cách mạng, tôi khám phá ra rằng văn nghệ sĩ và trí thức miền Bắc (phần lớn) đều xếp hàng, mặc đồng phục và chịu quì gối trong thời chiến. Đến thời bình, họ vẫn tiếp tục sống với những cảnh đời hoàn toàn “*không như ý muốn*”, với niềm an ủi rằng “*trải qua hai cuộc chiến tranh mình còn được sống được làm thơ, còn may mắn hơn khối người khác, thế là được rồi*” (Vương T. N. 209).

Vậy mà nói “được” sao, mấy cha? Chớ bộ hai cuộc chiến tranh “dành độc lập” và “giải phóng đất nước” vừa rồi (với biết bao nhiêu là máu xương, tang thương, đổ vỡ) kể như là đồ bỏ hả? Sự thoả hiệp dễ dãi đến độ thâm như thế, của cả một giới người, trước cường quyền và bạo lực, rõ ràng, là điều (vô cùng) tủ nhục.

Ông Trần Khuê đã “tạm chữa” được cái nhục đó. Nếu đã có một thời mà “*những lưỡi gươm Damoclès thường xuyên treo trên đầu người làm văn nghệ*” thì cũng đã có lúc ngòi bút sắc như gươm của Trần Khuê đã thường xuyên treo trên đầu của giới cầm quyền ở Việt Nam.

Và sự “nhịn nhục” của nhà đương cuộc Hà Nội trước thái độ cương trực của Trần Khuê, cũng như của Phạm Quế Dương, khiến tôi nhớ lại một câu thơ - đã đọc được đâu đó - của Văn Cao: “Con ơi, gió đã chuyển”. Yes, it does.

## Phùng Cung giữa trăng sao và mộ chí

*Trăng qua song sắt  
Trăng thăm ngục  
Bồng ta chọt tỉnh – sững sờ  
Trên vai áo tù  
Trăng vá lùa  
Ngày xưa ơi!  
Xa mãi đến bao giờ...  
(Trăng Ngục – Phùng Cung)*

Những người không uống rượu thường (hơi) nhạt nhẽo. Tôi ít khi giao du với họ. Ông Nguyễn

Mộng Giác là một người như thế. Bởi thế, trong suốt thời gian ông ấy còn sống độc thân (tại chỗ) chúng tôi chỉ ngồi lâu được với nhau – đắm thắm và tương đắc – chỉ độ mươi lần. Có lần, ông Giác có tâm sự chi buồn, và (chắc) buồn ghê lắm. Thoáng thấy tôi, đương sự mừng ra mặt, lật đật lôi đâu ra một chai rượu bự, và hào sảng rót ngay ra hai ly đầy ắp. Sau vài lần cạn ly đầy (rồi đầy ly cạn) thì nhà văn Nguyễn Mộng Giác (bổng) biến thành một... nhà thơ. Ông cao giọng đọc thơ Phùng Quán:

*Thơ ai như thơ ông  
Mỗi chữ đều như róc  
Từ xương thịt cuộc đời  
Từ bi thương phần uất ...*

Rồi trầm giọng bình thơ Khoa Hữu:

“Thơ không còn là món trang điểm đua tranh sức chói lọi nơi cung đình. Thơ không còn là món đưa cay trong những cuộc say túy lúy. Thơ không còn là cái áo giáp cho người ta phùng xòe trước đám đông và che dấu những thân thể suy nhược. Thơ không còn là khẩu hiệu cho những cuộc biểu dương lực lượng... Thơ là chiếc nạng vững chắc cho người già, là chỗ dựa cho những người thất thế từ đó đứng lên làm lại cuộc đời...” (\*)

Coi: mới hết có nửa chai mà thằng chả đã “xỉn” hết biết luôn! Thay vì nói rằng “tiền là chiếc nạng vững chắc cho người già, là chỗ dựa cho những người thất thế từ đó đứng lên làm lại cuộc đời...” thì ông Nguyễn Mộng Giác nói lộn thành “thơ”. Ở đâu mà ra cái thứ thơ văn bảnh bao và ngon lành (quá cỡ) như vậy, cha nội?

Tôi cũng thường xuyên uống quá chén, và nói quá lời như thế, nên chả bao giờ bận tâm đến những câu phát ngôn (ẩu tả) theo kiểu đó. Tưởng đâu là nghe qua rồi bỏ, và sẽ quên luôn, như thường lệ. Tưởng vậy mà không phải vậy.

Hôm rồi, từ Canada, chị Lâm Thu Vân ghé qua California và có cho tôi tập Truyện Và Thơ của Phùng Cung (\*\*). Tôi đọc gần hết đêm, rồi thức luôn tới sáng chỉ vì (chợt) nhớ lại những câu thơ mà Nguyễn Mộng Giác đã lớn tiếng ngâm nga mấy năm về trước:

*Thơ ai như thơ ông  
Mỗi chữ đều như róc  
Từ xương thịt cuộc đời  
Từ bi thương phần uất ...*

Bữa rượu hôm ấy, không chừng (dám) tôi say chớ không phải là ông Giác. Nhận là mình uống say, hay viết dở, là điều (hơi) khó đối với rất nhiều người – trong số đó có tôi. Dù vậy, xem xong thơ Phùng Cung tôi không chối được rằng:

*Sứ mệnh thơ ơi  
Trong sáng tuyệt vời!*

Thơ quả đã giúp cho Phùng Cung sống sót, sau những năm dài tù ngục, và là chỗ dựa cho những người thất thế (như ông) đứng lên làm lại cuộc đời.

Và cuộc đời te tua, tả tơi, bầm dập của Phùng Cung cũng khiến tôi thốt nhớ đến những người cầm viết khác – cùng thời với ông – những kẻ đã dựa vào thơ văn chỉ để kiếm chút công danh, hay bổng lộc.

Theo giáo sư Nguyễn Huệ Chi, sở dĩ ông Trần Thanh Mại được mời về làm cột trụ ở Viện Văn Học là nhờ vào công lao chống... Nhóm Nhân Văn Giai Phẩm. Tuy nhiên, trong cuốn Trần Thanh Mại Toàn Tập (Văn Học xuất bản năm 2004) người ta đã không thấy có in lại những bài viết đấu tranh quyết liệt và nẩy lửa này.

Giáo sư Nguyễn Huệ Chi đã nhắc đến sự “thiếu sót” đó với (đôi chút) mỉa mai:

“... toàn tập chỉ là những gì còn ‘ăn khách’ được với hôm nay? Còn những ‘miếng xấu hổ’ ‘khạc chẳng ra nuốt chẳng vào’ thì thôi, đành theo ý ai đấy giấu nhem đi để người ta quên đi một thời người cầm bút phải thoá mạ nhau túi bụi ‘cho vừa lòng bề trên’ ... Có lẽ như thế cũng là cách xử sự hữu lý chăng?”

Giời ạ! Tưởng sao chứ như thế thì có gì đâu là lạ. Trước đó 20 năm, năm 1984, người ta cũng đã chứng kiến cách “xử sự cho vừa lòng bề trên” (gần như thế) trong Tuyển Tập Xuân Diệu: “Nếu khi khai sinh, nhiều bài thơ của ông có lời đề tặng ở bên cạnh như *Đi thuyền tặng Khái Hưng, Đây mùa thu tới tặng Nhất Linh, Vô biên tặng Hoàng Đạo* thì trong công trình mà ông đích thân tham gia chuẩn bị là Tuyển tập Xuân Diệu ở trên vừa nói, những giây mơ rã má đó được ông xoá sạch.”

“Sợ liên lụy vì những người bạn cũ, trong các tài liệu chính thức, chẳng hạn, tiểu sử bản thân, để ở đầu Tuyển tập Xuân Diệu (mà đọc kỹ thấy đúng giọng ông, tức do ông tự tay viết ra) nhà thơ giấu biệt chuyện mình đã từng là một thành viên của *Tự lực*”

“Và có lẽ chịu sự chi phối của ông – những lời năn nỉ thiết tha – nên các tài liệu nghiên cứu về ông, các giáo trình đại học viết về văn học trước 1945, hoặc trong *Từ điển văn học* in ra năm 1984, chuyện này cũng được lờ đi hoàn toàn.”

“Đúng là Xuân Diệu chưa kịp viết hồi ký. Nhưng giá có viết nữa, thì chắc ông không định viết tiểu sử như ông có thực, mà sẽ chỉ viết tiểu sử của ông như nó nên có, như ông bạn đọc biết”.

(Vương Trí Nhàn, *Cây Bút Đòi Người*, Phương Nam Corp., 2002, 319 -320).

Xuân Diệu đã không có dịp “đeo gọt đời mình cho vừa với lịch sử” nhưng Tố Hữu thì có. Cuối đời, ông ấy đã có “đeo” mình theo hình ảnh ... Bụt! Những lời tâm sự của Tố Hữu – trước khi nhắm mắt – nghe (rất) đôn hậu, thiết tha và (vô cùng) thương cảm:

- Tôi đặc biệt cảm ơn nghệ sĩ Hoàng Cầm về những lời phê bình sắc sảo, chính xác và chân thành của anh bốn mươi năm trước đây đối với thơ tôi.

- Tôi khâm phục tài năng và ý chí của nghệ sĩ Đặng Đình Hưng. Đối với tôi, cuộc đời anh Hưng là một bài giảng cao cấp về niềm tin ở sự thật.

- Trần Đức Thảo là một mẫu mực của lòng say mê nghiên cứu và sáng tạo vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên lĩnh vực triết học. Trần Đức Thảo, Nguyễn Mạnh Tường đã góp phần khẳng định được vị trí tiên phong của đội ngũ trí thức cách mạng kiệt xuất và hùng mạnh ...

- Văn Cao là một trong những nhạc sĩ lớn nhất...

- Quang Dũng là một trong những cánh chim đầu đàn của nền thơ cách mạng Việt Nam thế kỉ 20.

- Sau Quang Dũng và Hoàng Cầm, Trần Dần cũng là cây bút hạng nặng...

- Ngoài ra, phải kể đến Hữu Loan, Lê Đạt và Phùng Quán, ba nhà thơ ba vẻ khác nhau nhưng cùng sâu sắc, nóng bỏng tính chiến đấu không kém phần lãng mạn.

- Nhà văn Phùng Cung cũng cần phải được minh oan cùng với truyện ngắn *Con ngựa già của chúa Trịnh*. Cần lắm. *Con ngựa già của chúa Trịnh* chỉ là *con ngựa già của chúa Trịnh* mà thôi, không có ẩn ý gì xấu như bốn mươi năm trước đây một số người lầm tưởng...

(Nhật Hoa Khanh, *Gặp Tố Hữu Tại Biệt Thự 76 Phan Đình Phùng*, 2004, không ghi nhà xuất bản)

Mô Phậ! Cuối cùng Tố Hữu đã buông đao, sau khi đã làm cho vô số cuộc đời bị “rạn vỡ, bị ruồng bỏ và bị lưu đày” – nếu nói theo lời Phùng Quán. Và đó chỉ là những chuyện nhỏ, những hiện tượng lẻ tẻ và cá biệt của văn học thời “cách mạng.”

Ở bình diện tập thể, còn nhiều vụ đáng ngại hơn nhiều. Xin đơn cử một thí dụ:

“Trong cuốn *Lịch Sử Và Văn Hoá Việt Nam, Những Guong Mặt Trí Thức, tập Một*, do Dương Trung Quốc, Nguyễn Quang Ân và Tạ Ngọc Liễn sưu tầm và biên tập, nhà xuất bản Văn Hoá Thông Tin Hà Nội xuất bản năm 1998, các soạn giả đã chọn ra 71 nhân vật mà họ vinh danh là những trí thức Việt Nam tiêu biểu trải qua 770 năm lịch sử, với 9 thời đại và thời kỳ (Trần, Hồ,

Lê, Trịnh, Nguyễn, Tây Sơn, Nguyễn, Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, và Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa V.N.)”.

“Nhưng nhìn vào danh sách là chúng ta thấy ngay sự ăn gian của những người làm sách: trong suốt 720 năm (1225 – 1945) họ chỉ chấm có 38 nhân vật tức 53 %. Đó là Trần Thái Tông, Lê Văn Hưu, Trần Quốc Tuấn, Trần Nhân Tông, Chu Văn An, Tuệ Tĩnh, Hồ Nguyên Trừng, Nguyễn Trãi, Triệu Thái, Lê Thánh Tông, Lê Sĩ Liên, Nguyễn Bình Khiêm, Phùng Khắc Khoan, Lê Hữu Trác, Nguyễn Thiếp, Lê Quý Đôn, Lê Thị Sĩ, Ngô Thị Nhậm, P Huy Ích, Trần Văn Kỳ, Võ Trường Toản, Phan Huy Chú, Vũ Phạm Khải, Nguyễn Đình Chiểu, Phạm Thuật Duật, Nguyễn Hữu Huân, Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Quang Bích, Lương Văn Can, Nguyễn Phạm Tuấn, Phan Bội Châu, Nguyễn Thượng Hiền, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Phan Văn Trường, Nguyễn Văn Vĩnh, Nguyễn An Ninh, và Phạm Tuấn Tài.”

“Trong 50 năm sau cùng (1945 – 1995), họ đưa ra một số lượng khổng lồ là 33 người, tức 47 %. Trong số 33 tên, chỉ trừ giáo sư Hoàng Xuân Hãn sống ở Pháp, còn lại 32 tên không ai khác hơn là những đảng viên cao cấp của Đảng Cộng Sản Việt Nam và những người phục vụ chế độ cộng sản. Đó là Hồ Chí Minh, Lê Duẩn, Trường Chinh, Nguyễn Hữu Thọ, Huỳnh Tấn Phát ....” (Trần Anh Tuấn, “Khi Chính Trị Chi Phối Văn Hoá,” Khởi Hành Aug. 1999).

Theo truyền thống, những người độc quyền lãnh đạo cũng sẽ là những kẻ độc quyền đi vào lịch sử. Truyền thống này được giữ vững suốt từ thời phong kiến đến... nay, ở Việt Nam. Nó chỉ chấm dứt khi bắt đầu có hiện tượng viết... chui. Phùng Cung là một trong những người làm thơ chui như thế.

Khi có “đeo gọt” đòi mình cho thành một “thi sĩ bỏ tát” (chắc chắn) Tố Hữu đã không biết rằng chân dung, cũng như chân tướng, của ông đã được “tạc” xong – vào năm 1972, tại trại biệt giam Bảo Thắng, Lào Cai – bởi Phùng Cung:

*Tội nghiệp nhà thơ!*

*Bơ vơ một nẻo*

*Hết móc ruột moi gan*

*Lại réo tên chỉ mặt*

*Bởi không biết sống*

*Nên không biết chết*

*Nửa thế kỷ*

*Bị lưu đầy*

*Trong cũi tung hô.*

Tương tự, khi quý vị lãnh đạo đảng CSVN chen lấn để đi quá giang (cho bằng được) vào lịch sử – có lẽ – không ai ngờ rằng nhân cách và trình độ trí thức của họ cũng đã được Phùng Cung ghi nhận từ lâu, trước đó:

*Đất nước tôi*

*Triền miên bất hạnh*

*Tội mặt dày – tay bẩn*

*Tim rắn – lời cừu*

*Văn hoá lớp hai*

*Điều hành cuộc sống*

Đám “văn hoá lớp hai” này (chắc) “chưa bao giờ nhìn kỹ vào những nấm mồ hay để cả một buổi tối nhìn lên bầu trời thăm thẳm, lấp lánh những ngôi sao im lặng... Bởi vì bất kỳ ai trò chuyện với các nấm mồ, đối thoại với các vì sao đều sẽ tốt hơn, nâng cao được nhân bản, giảm đi sự tàn ác, bất công với đồng loại. Họ đều sẽ hiểu cái phù du, cái vô nghĩa lý của kiếp người” [Bùi Ngọc Tấn, Chuyện Kể Năm 2000 (Toronto: Thời Mới, 2000), 279].

Phùng Cung cũng đã nhiều lần ngược nhìn như thế, với nỗi băn khoăn tương tự:

Tôi đứng trong đêm  
Ngừng đầu nhìn cao xa  
Vọng hỏi  
Có phải nước mắt con người  
Đằm đằm dội xuống  
Mà trên thiên cầu  
Bao vì sao xao xuyên đổi ngôi.

Tôi (trộm) nghĩ thêm rằng nếu chợt có lúc “nhìn kỹ vào những nắm mờ hay để cả một buổi tối nhìn lên bầu trời thăm thẳm, lấp lánh những ngôi sao im lặng” thì “tụi mặt dày tay bẩn” (rất có thể) cũng sẽ thôi làm những chuyện lố lăng, kịch cỡm – như đéo gọt đời mình, hay cố chen chân (cho lọt) vào lịch sử.

© Đàn Chim Việt

## Trần Đăng Khoa & thơ văn thời bỏ mả

Tôi sinh ra ở Sài Gòn, nơi vẫn được mệnh danh là Hòn Ngọc Viễn Đông. Chỉ có điều đáng tiếc là ngay tại chỗ tôi chôn nhau cắt rốn (Xóm Chiếu, Khánh Hội) thì lại không được danh giá hay ngọc ngà gì cho lắm. Đây là chỗ nương thân của những tay anh chị, những đứa trẻ bụi đời, những cô gái ăn sương, và đám phu phen bốc vác ở kho Năm.

Khánh Hội, rõ ràng, không phải là mảnh đất lý tưởng dành cho văn chương hay học thuật.

Chưa có nhà văn, nhà thơ hay một vị trí thực khoa bảng nào chào đời tại chốn này. Lều văn, chòi thơ, hoặc trí thức (xuông) cũng khỏi có luôn.

Sinh hoạt văn hoá của chúng tôi, bởi thế, chỉ xoay quanh... bàn nhậu. Nơi lúc nào cũng rộn rã tiếng cười, mùi mẫn tiếng ca vọng cổ, và rôm rả tiếng chửi thề. Đ... mẹ, thằng nào nói láo là xe cán chết liền!

Nước Việt, tất nhiên, có nhiều địa phương an lành và nền nã hơn như vậy. Và đây mới chính là chỗ xuất thân của những nghệ sĩ, danh nhân, tài tử... Theo như tường thuật của nhà thơ Lê Thiếu Nhơn – đọc được trên [evan.vietexpress.net](http://evan.vietexpress.net), vào ngày 7 tháng 1 năm 2008 – quê hương của thần đồng Trần Đăng Khoa (xem ra) rất có vẻ là một nơi như thế:

*“May mắn có vài dịp đi qua xã Quốc Tuấn, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, tôi luôn tìm có dừng lại rất lâu để ngắm nhìn những bờ ruộng nhấp nhô, những mái nhà thấp thoáng, những hàng tre lập lòa trong bóng chiều nhập nhoạng của một miền quê nghèo, mà tự hỏi: Tại sao nơi này có thể sinh ra được một thần đồng thơ nhỉ?”*

.....  
*“Biết đâu năm 1958, Thượng Đế nhàn rỗi đã tản bộ qua đây và rải chút ít bụi thơ xuống bờ bãi sông Kinh Thầy đúng cái ngày bà mẹ hữu duyên trở dạ sinh ra Trần Đăng Khoa.”*



Nhà thơ Trần Đăng Khoa

Tôi vinh hạnh được sinh cùng thời với vị thi sĩ thần đồng này nhưng chưa bao giờ may mắn được sống cùng nơi với ông. Khi còn chiến tranh chia cách, chúng tôi kẻ Bắc/người Nam. Lúc đất nước thống nhất, Nam-Bắc hòa lời ca, tôi ca (nhắm) không nổi nên bỏ chạy... khiến cho “đôi đũa” phải chia xa!

Dù cách xa quê nhà vạn dặm, thỉnh thoảng tôi vẫn nghe thiên hạ nhắc đến nhà thơ Trần Đăng Khoa. Tuy thế, thơ ca của ông thì mãi đến hôm gần đây tôi mới có cơ duyên được xem qua – chút đỉnh.

Hôm đó, tôi tình cờ gặp Phạm Hoàng ở California – khi nhà báo này đến đây để tham dự cuộc Họp mặt Dân chủ - tổ chức vào ngày 6 tháng 6 năm 2009. Sẵn dịp ông ấy tặng cho mấy số tạp chí *Cánh én*, phát hành từ... thế kỷ trước – như là kỷ niệm của một “thời thương khó,” khi báo chí còn phải in ấn (rất) lồi thối chứ chưa được đưa lên *net*.

*Cánh én* số phát hành vào tháng 12 năm 1999, qua “Câu chuyện bên bàn trà,” có lời lời tâm sự rất ngộ của nhà thơ Trần Đăng Khoa:

*“Vừa rồi tôi có đi Tây Nguyên dự lễ bỏ mả của gia đình ông Y Ngông Niết Đam. Người Êđê có một tục lệ rất đặc biệt. Khi nhà có người chết, gia đình con cháu hàng ngày vẫn nấu nướng, vẫn mang cơm nước ra mộ, khi có điều kiện họ làm lễ bỏ mả. Đó là bữa tiệc linh đình chia tay vĩnh viễn với người chết. Sau đó họ không quan tâm đến ngôi mộ ấy nữa, để linh hồn người chết được siêu thoát, không còn vương víu cõi trần. Tôi cũng đã làm xong cái lễ bỏ mả cho thơ ca thời niên thiếu của tôi.”*

Bỗng dưng nghe một vị thần đồng tuyên bố “làm lễ bỏ mả cho thơ ca thời niên thiếu” của ông (khiến) tôi đâm hoảng, rồi bùi ngùi... hoá tiếc. Thế là tôi vội vàng tìm đọc những thi phẩm mà Trần Đăng Khoa sáng tác vào lúc ấu thời:

*A, Bác Hồ!*

*Bác Hồ ta đó!*

*Bác mặc tấm áo ka ki*

*Bàng bạc sương rừng Pắc Bó*

*Trán Bác có ngôi sao*

*Thảo nào Bác đi đêm không lạc Bác ơi, Bác!*

(Em gặp Bác Hồ – 1969)

*Chú ngồi dặn cháu trong phòng*

*Ôi lòng Chú cũng như lòng mẹ cha*

*Tiếng thơ Chú bỗng ngân nga*

*Hoà cùng tiếng võng quê nhà mẹ đưa*

*Đất trời sang đẹp hơn xưa*

(Thơ kính tặng Chú Tố Hữu – 1969)

Trần Đăng Khoa quả là một cậu bé có thời, và là một người đàn ông thức thời. Ông ấy “làm lễ bỏ mả cho thơ ca thời niên thiếu” là hợp thời, và phải (giá).

Nhân khi tìm đọc Trần Đăng Khoa, tôi còn được biết thêm rằng sự nghiệp văn học của ông ta không chỉ giới hạn trong lãnh vực thi ca. Qua một cuộc phỏng vấn, do Lê Thị Thái Hoà thực hiện, đọc được ở Thanh Niên Online vào ngày 30 tháng 4 năm 2008, ông cho biết:

*” Tôi nói thật, chưa bao giờ tôi viết có xúc cảm hết. Thời trẻ con cũng thế và sau này cũng vậy. Thấy cần viết là tôi viết. Họ đặt ký tôi viết về người này người kia thì tôi viết. Thế là có tập Chân dung và Đối thoại đấy. »*

Thiệt, nghe mà thấy ham hết sức. Sao thằng chả viết lách khoẻ re và dễ (ợt) vậy cà?

Sau khi thường lãm mấy bài thơ “viết không cần cảm xúc” – về các Bác và các Chú đầy quyền lực, trong thế giới tuổi thơ của Trần Đăng Khoa – tưởng cũng nên đọc (qua) loại ký mà ông được “đặt... viết về người này người kia” chút xíu.



Báo Văn Nghệ (số 44, số ra ngày 3 tháng 11 năm 2007) có bài viết của Trần Đăng Khoa về Nguyễn Ngọc, với đoạn kết (nguyên văn) như sau:

*“Rồi má chỉ ra ngoài cửa nhà, nơi có bao nhiêu là tài sản của má. Sau vách đất, ngay bên cạnh mảnh sân to chừng hơn cái nong phơi thóc là một vạt ngô đã trở cò, mấy luống mía sắp bóc lá và cả một ruộng khoai lang. Gia tài ấy của má cũng đã đủ nuôi Nguyễn Ngọc rồi...”*

*“Má Vinh rót nước râu ngô mời tôi với Nguyễn Ngọc. Trên chiếc bàn nước bằng gỗ tạp, sau tấm kính vỡ được ghép lại là la liệt giấy khen, bằng khen đủ các kích cỡ thời kháng chiến. Cái thì đánh máy, cái thì viết tay, nét chữ đã ó mờ, chỉ có chữ ký của người chỉ huy chứ không có dấu. Những giấy tờ đã chiến như thế, liệu bây giờ người ta có tin không? Nguyễn Ngọc cũng đã viết chứng thực cho gia đình má có công nuôi giấu cán bộ Cách mạng. Mọi văn bản cũng đầy đủ rồi, nhưng cơ quan chính sách vẫn chỉ im lặng. Má Vinh cười móm mém:”*

*- Thôi, chả cần nữa đâu, Thành à. Mình sống được đến bây giờ là may mắn lắm. Còn mong gì thêm nữa. Mà má cũng già rồi. Chẳng biết chết lúc nào. Má chỉ còn lo, là lo cho con thôi...”*

*“Không phải chỉ có má Vinh, bao nhiêu người dân ở khu căn cứ cách mạng này đều thương yêu và lo lắng cho Nguyễn Ngọc. Bởi thế, chắc họ sẽ rất vui khi biết Nhà nước trao tặng Nguyễn Ngọc Huân chương Độc lập hạng nhì. Biết đâu, điều ấy sẽ làm cho họ thêm tin yêu cách mạng, như những ngày gian khổ xa xưa...”*

Cứ theo như lời của Trần Đăng Khoa thì cuộc sống ở nông thôn (xem chừng) cũng khoẻ, nông dân thì (có vẻ) dễ vui, và (xem ra) cũng hơi ... dễ dụ. Dù nhà cửa đã trưng bày tá lả “bằng khen đủ các kích cỡ,” và dù tất cả đều giá trị không hơn một tờ giấy lộn, họ vẫn “sẽ rất vui khi biết Nhà nước trao tặng Nguyễn Ngọc Huân chương Độc lập hạng Nhì.”

Nói thế (chắc) chưa đã miệng nên Trần Đăng Khoa còn thòng thêm câu nữa: “Biết đâu, điều ấy sẽ làm cho họ thêm tin yêu cách mạng, như những ngày gian khổ xa xưa...” Thiệt là quá đã! Đọc Trần Đăng Khoa sao thấy thanh thản, an vui, và an tâm hết sức.

Thực trạng ở nông thôn, và đời sống của nông dân, theo như tường thuật của nhà thơ Nguyễn Quang Thiều – đọc được trên Vietimes, vào ngày 23 tháng 3 năm 2008 – có phần (hơi) khác: *“Chúng ta đang nói về những cuộc tha hương kiếm ăn của hàng triệu con em những người nông dân. Chúng ta chứng kiến hết chuyện bi thương này đến chuyện bi thương khác của các cô gái lấy chồng ngoại quốc. Chúng ta chứng kiến những cô gái trẻ là con em những người nông dân tìm về thành phố để làm tất cả những gì họ có thể làm. Liệu chúng ta có còn có khả năng cúi mặt khi biết rằng ở nhiều khu du lịch hay vui chơi giải trí có rất nhiều thôn nữ 17 tuổi đã bán dâm từ 10 đến 20 lần một ngày?”*

Trong một cuộc phỏng vấn do Nguyễn Thị Ngọc Hải thực hiện (trên báo *Người Đô Thị*, số ra tháng 10 năm 2008) nhà báo Võ Đắc Danh cũng đề cập đến tình cảnh phũ phàng tương tự: *“Nông thôn nghèo hơn. Xơ xác. Chị thử đi một lần. Ra khỏi đường nhựa là nhà không ra nhà, người không ra người, bần cùng tăm tối.”*

Còn chính nhà văn Nguyễn Ngọc – người đưa Trần Đăng Khoa đến thăm má Vinh ở ấp Phái Nhất, thôn Quang Hiện, xã Điện Hoà - chắc phải ứa nước mắt khi viết về “Đất và nông dân”: *“... đến hôm nay nhiều người đã phải nói lên một sự thật đã tới hồi không còn có thể quay mặt làm ngơ nữa: nông dân chán ruộng, nông dân chán nông thôn. Nghĩa là về cả hai mặt quan trọng, sống còn nhất trong đời sống con người đã khủng hoảng thật quá sâu: về kinh tế, người lao động trên ruộng đồng đã chán cả mảnh đất ngàn đời máu thịt của mình; về văn hóa thì cái nơi vốn là gốc rễ của văn hóa dân tộc ấy đã chán chường đến mức người ta không còn muốn sống ở đấy nữa, mặc dầu bỏ ra đi thì sẽ là lao vào một cuộc phiêu lưu cũng thật mịt mù!”* (Tia Sáng, số ra ngày 2 tháng 7 năm 2008).

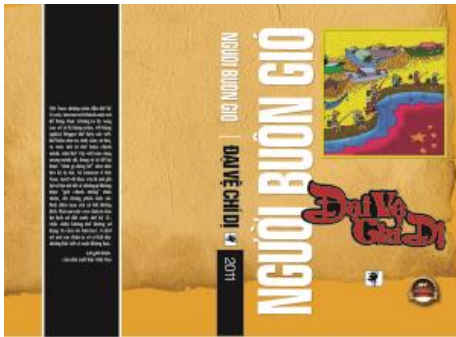
Sự tương phản rõ rệt giữa những cái nhìn (thượng dẫn) khiến tôi buộc phải nghĩ rằng Trần Đăng Khoa không phải là người trung thực. Ông ấy chỉ... viết đại, theo như đơn đặt, thế thôi.

Điều may mắn là chỉ hơn một năm sau, qua một cuộc phỏng vấn khác – đọc được vào hôm 13 tháng 7 năm 2009, do Hồng Thanh Quang thực hiện – Trần Đăng Khoa đã nói khác. Ông không đề cập đến chuyện “viết không cần cảm xúc” hay “viết theo đơn đặt” nữa. Thay vào đó, ông nêu lên “*thiên chức của nhà văn*” bằng những lời lẽ hết sức trang trọng và cảm động: “*Bởi vì ở Phương Đông cũng như ở Việt Nam, văn chương đích thực, phải tải Đạo, như cụ Đồ Chiểu nói: Chở bao nhiêu Đạo, thuyền không khẳm. Vì thế, trong con mắt của xã hội, nhà văn là cao quý, là đại diện cho giá trị đạo đức và văn hoá xã hội.*”

Tôi chỉ là một thường dân, và là kẻ xuất thân từ một nơi ô tạp nên không dám lạm bàn đến “*thiên chức của một nhà văn.*” Tôi cũng không dám kỳ vọng Trần Đăng Khoa, hoặc bất cứ ai, phải trở thành một người “*đại diện cho giá trị đạo đức và văn hoá xã hội.*” Sống ở thời buổi nhiều nhưng đâu phải dễ. Lôi thôi chúng bắt lên TV nhận tội thì bỏ mẹ. Chỉ mong sao, trong tương lai gần, sẽ có lúc nhận được một tin vui (nhỏ): nhà văn Trần Đăng Khoa cũng đã làm lễ bỏ mả cho những tác phẩm (viết theo đơn đặt) của ông rồi. Được thế thật quý hoá lắm thay.

© Đan Chim Việt

## Đọc Đại Vệ Chí Dị của Người Buôn Gió



Tác giả còn có những tên gọi khác: Ông Lái Gió, hay (thân mật hơn, chút xíu) là Thăng Phải Gió. Ông tên thật là Bùi Thanh Hiếu, hiện đang sinh sống tại Hà Nội.

Tôi chưa có dịp đặt chân đến Hà Nội. Và cũng chưa bao giờ có ý định phiêu lưu đến một nơi xa xôi (và lôi thôi) như thế. Đường thì xa, vé tàu thì mắc, thủ tục nhập cảnh thì lôi thôi rườm rà, và lỡ mà kẹt luôn (ở đó) thì chết mẹ!

Giữa tôi và N.B.G – rõ ràng – có một khoảng cách khá xa về không gian, cũng như thời gian, sinh sống. Khi ông chào đời, tôi đã đi vào lính. Sau khi đi lính, tôi đi tù. Ở tù ra, tôi đi vượt biển. Vì hay “đi” như vậy nên tôi không có cơ dịp nào để được gặp gỡ hay quen biết với N.B.G. Tôi chỉ phải lòng ông – qua những bài viết (hết sức) duyên dáng, sắc xảo và thắm đậm tình người – thôi. N.B.G là người của một thế hệ mới, với quan niệm và thái độ (hoàn toàn) mới khi phải đối đầu với chuyện giam cầm hay bắt bớ – đang xảy ra thường xuyên – ở Việt Nam.

Đọc Nhật ký Trong Tù của N.B.G, bảo đảm, thích thú và thoải mái hơn tác phẩm Ngục Trung Nhật Ký (“hình như”) của Hồ Chủ Tịch rất nhiều. Rảnh, xin xem qua một đoạn:

*“Xong buổi cung chiều, anh cán bộ giao tôi cho cán bộ quản giáo. Cán bộ quản giáo ca này là nữ, cô ta chắc sinh khoảng năm 78, 79 dáng mảnh khảnh, tóc buộc chun cái đuôi gà cứ ve vẩy. Đưa tôi vào buồng cô khoá cửa lại, mặt lạnh tanh. Tôi hỏi.*

- *Này mình ơi, nếu không muốn đi cung nữa thì từ chối có được không?*

*Cô cán bộ nhìn tôi nghiêm khắc.*



- *Không muốn thì chỉ có ốm, mà ốm thì phải có bác sĩ xác nhận. Ở đây phải gọi là cán bộ, xưng tôi. Không được mình mình. Tôi cười xoà.*
- *Gọi khác sợ kém xinh đi, tưởng gì chứ gọi bằng cán bộ tù nào chả gọi được. Cô cán bộ lườm:*
- *Ăn nói linh tinh, kỷ luật bây giờ...*



Bùi Thanh Hiếu

Tại sao N.B.G bị ... tố? Ông in những chữ “Hoàng Sa, Trường Sa Là Của Việt Nam” lên áo, rồi “đem bán kiếm tiền nuôi con” – theo như nguyên văn lời khai của đương sự khi bị hỏi cung. Ở một nơi mà nhiều kẻ còn đành đoạn bán luôn cả nước để ... mưu sinh thì chuyện “bán áo nuôi con,” tất nhiên, chỉ là chuyện nhỏ. Có lẽ vì thế nên N.B.G được phóng thích, không lâu, sau đó.

Hiện nay, ông đã thôi không in lên áo dòng chữ “Hoàng Sa, Trường Sa Là Của Việt Nam” nhưng vẫn tiếp tục viết trên blog của mình những dòng chữ với nội dung tương tự về thân phận của phần quê hương và đất nước của mình:

*“Không Phu Tử từ khi thăm nước Vệ về nhà, trong bụng đôi lúc vẫn còn nhớ đến cái nước ấy lắm. Một hôm nghe tin có người lái buôn nước Vệ vừa đến. Bèn sai người mời lái buôn hỏi tình hình nước Vệ. Không Phu Tử hỏi.*

- Ta trước kia có lần đến nước Vệ, trong lòng vẫn ước có ngày qua lại đó, ngặt vì tuổi đã cao. Nay nhân anh có ở đây, xin cho ta biết chút ít về chính sự nước Vệ nay thế nào chăng ?  
Lái buôn đáp.

- Nước Vệ là một nước chính sự ổn định, nhờ triều đình nhà Sản anh minh, dân tình ai cũng có cái ăn, cái mặc. Cuộc sống ấm no , khắp nơi dân chúng vui vẻ hưởng thái bình. Người người ca hát, của cải dồi dào, đời sống nhân dân ngày càng được nâng cao. Văn hoá phát triển mạnh, ở nước Vệ *triển miên có các cuộc thi người đẹp, người hát hay..*

Không Phu Tử hỏi.

- Thế việc học thì sao ?

Lái buôn đáp.

- Việc học thì không nước nào bằng nước Vệ về tính hiếu học, trẻ em nước Vệ ngày học bốn lần. Từ sáng đến trưa thì nghỉ , rồi học tiếp đến chiều. Uống tạm hộp sữa lại đi học thêm ở nhà thầy, cô giáo đến tối. Về nhà ăn cơm xong thì làm bài tập về nhà đến lúc đi ngủ.

Không Phu Tử hỏi tiếp .

- Thế còn vấn đề tín ngưỡng ?

Lái buôn nhanh nhẩu.

- Nước Vệ tự do tín ngưỡng, nơi tôn thờ rất tôn nghiêm vì triều đình bảo hộ. Nếu nhân dân tụ tập đông người hành lễ, cầu nguyện có lính canh gươm giáo tuốt trần coi việc giữ gìn an ninh. Không để tình trạng chen lấn, xô đẩy, phòng ngừa trộm cắp. Nhà thờ, nhà chùa mà rộng rãi quá, triều đình sẽ trưng thu để phân cho các quan. Vì thế các quan biết ơn nhà thờ, nhà chùa

mà càng chăm sóc đến tôn giáo kỹ hơn. Người theo tôn giáo thấy thế lại biết ơn các quan hơn. Nhờ có sự tương tác này mà quan và dân tín ngưỡng lại gắn bó với nhau, xã hội càng ổn định hơn.

Khổng Phu Tử hỏi tiếp.

- Thế tình hình biên giới hải đảo thì sao ?

Lái buôn nói.

- Nước Vệ chủ trương hoà bình, hữu nghị với các nước lân bang. Nên không phải lo phòng bị. Chỉ có đôi khi có tàu 'lạ' ở đâu đến hại ngư dân trên biển. Mới đây ở vùng biên ải Lao Cao. Cũng có quân lạ tràn sang giết 4 lính giữ ải. Việc này mới xảy ra cách đây mấy hôm.

Khổng Phu Tử hỏi.

- Thế nhiều người Vệ biết chuyện này không ?

Lái buôn đáp.

- Không, người Vệ biết không nhiều lắm.

Khổng Phu Tử hỏi.

- Sao lại thế, chuyện giết lính biên ải, phải báo thiên hạ biết mà lo phòng bị chứ.

Lái buôn bực mình gât.

- Ngài là bậc hiểu rộng, tưởng ngồi một chỗ đã hiểu chuyện phương xa. Huống chi đã từng qua nước Vệ. Sao hỏi nhiều câu lạ thế. Chuyện như thế mà nói ra, có phải làm thiên hạ lo lắng, ảnh hưởng đời sống thường ngày. Có 4 lính chứ 40 lính cũng phải giữ kín. Đợi sau khi tìm hiểu giặc 'lạ' tràn sang biên ải giết lính là quân nước nào thì tính sau, biết đâu chỉ là phường giặc cướp lân bang giả mạo làm càn thì sao.

Khổng Phu Tử không hỏi nữa, lái buôn ra về. Khổng Phu Tử quay lại nói với các trò.

- Có ai hiểu những gì kể lái buôn người Vệ kể không ?

Tăng Tử thưa.

- Thưa thầy, cứ như lời người Vệ kia nói. Thì nước Vệ thật thái bình, yên ổn.

Khổng Phu Tử cười nói

- Anh thật hiểu người Vệ khi nói câu 'cứ như người Vệ kia nói.'

Không cần phải là thầy bói, ai cũng có thể đoán rằng N.B.G có rất nhiều hy vọng sẽ bị vào tù ngồi lần nữa – trong tương lai gần – và lần này (e) sẽ phải hơi lâu, chứ không phải bốn. Chính vì sự e ngại này nên nhà xuất bản Trẻ đã thu thập một số bài viết tiêu biểu của N.B.G, để hình thành tuyển tập Đại Vệ Chí Dị, dù chưa có điều kiện để liên lạc được với tác giả (\*).

Trong phần lời tựa cho cuốn Vũ Trụ Không Cùng – của Bùi Ngọc Tấn, Tiếng Quê Hương xuất bản năm 2008 – Vũ Thư Hiên viết rằng: "Không phải người hoạt động chính trị, chúng tôi chỉ có thể trông vào cái mình có là ngòi bút để đứng trong cuộc đấu tranh chống lại thể chế phi nhân... Tôi chỉ xin giới thiệu anh, với tư cách một con người, một cuộc đời, một số phận. Con người ấy chẳng có gì cho chúng ta, ngoài một tấm lòng."

Tôi cũng có ý nghĩ tương tự, sau khi đọc xong Tuyển Tập Đại Vệ Chí Dị của N.B.G: "Con người ấy chẳng có gì cho chúng ta, ngoài một tấm lòng." Tôi còn tin rằng bao giờ mà con dân Việt vẫn còn có những "tấm lòng" như thế thì chúng ta vẫn còn có thể yên tâm khi nghĩ đến tương lai đất nước.

10/2011

\*\*\*

**Phụ đính II :**

## Mùa xuân (chợt) nhớ chuyện mai sau

Có lẽ do ảnh hưởng khí hậu cũng như thời tiết của mùa Xuân, và vì - dường như - bữa đó, trong không khí, có thoang thoang chút hương vị Tết nên tôi uống (chắc) nhiều. Cao hứng tôi cất tiếng ngợi khen một nhà văn thứ dữ, ông ... Võ Phiến:

- Cái bài anh viết về những bản thảo cũ của Nhất Linh, đăng trên *Thế Kỷ 21* (số tháng 7 năm 2002) đọc hay quá xá. Sao anh minh mẫn, hóm hỉnh và trí nhớ vẫn còn tốt quá trời quá đất như vậy - há?

Thỉnh thoảng thăm hỏi và nói với nhau đôi lời chân thành và tử tế - kể cả vào lúc (có hơi) quá chén như thế - vốn không phải là chuyện vẫn thường xảy ra giữa hai người Việt! Bởi vậy, tôi cứ ngỡ là ông Võ Phiến sẽ cảm động chết luôn và sẽ mỉm cười (vô cùng) sung sướng.

Tôi làm. Ông không cười (cười gượng cũng không luôn); đã thế, còn hoá đăm chiêu rồi bỗng dưng trông nghiêm và buồn - thấy rõ:

- Tui đọc cuốn *Xóm Cầu Mới* của Nhất Linh vài chục năm trước, nhiều đoạn bây giờ vẫn còn nhớ như in... Nhưng cái đầu của mình bây giờ lạ lắm, nó chỉ linh hoạt khi nghĩ tới những chuyện xa xưa, và hay loay hoay tìm về dĩ vãng, chớ không thiết tha gì đến tương lai nữa. Nghe rồi, tôi cũng thấy buồn luôn, và cũng "hoá đăm chiêu", đầu chùng... nửa tháng. Ông Võ Phiến, dù lập gia đình muộn chẵng nữa, vẫn dư sức có một thằng con trai út - lóc nhóc cỡ tuổi tôi. Tôi trẻ hơn ông rất nhiều mà sao cái đầu cũng quyết liệt từ chối không nghĩ tới tương lai nữa. Coi có ghê chớ không chớ? Mà đây không phải chỉ là "chuyện riêng" của tôi và ông Võ Phiến đâu nha. In tuồng như là cả dân tộc Việt Nam - bất kể tuổi nào, bất kể đang sống nơi đâu - cũng đều như vậy tuốt!

Cầm thử bất cứ một cuốn đặc san nào đó xuất bản ở hải ngoại mà xem. Khởi cần coi kỹ, chỉ cần đọc tựa của mấy bài viết không thôi là cũng đủ thấy ngậm ngùi, xót dạ và buồn rầu quá cỡ: quê xưa - chốn cũ, thầy xưa - trường cũ, chiến trường xưa - đồng đội cũ, người xưa - tình cũ, giòng sông xưa - con đò cũ, xóm làng xưa - bè bạn cũ...

Và đó mới chỉ là những nỗi buồn hạng nhẹ, của những người không nặng ký - chỉ tầm tầm cỡ thường dân - những kẻ mà tâm sự có thể giải bày trong những bài thơ nhỏ, hoặc vài ba trang tùy bút. Những nhân vật quan trọng thì họ viết nguyên cả một cuốn hồi ký đàng hoàng.

Cuốn nào cũng đều mang nặng cả "trời tâm sự". Đôi khi, tâm sự của người này lại đụng chạm đến tâm sự của người kia - hoặc của nhóm người kia - nên sinh ra tùm lum xung đột, hiềm khích, oán thù, tranh chấp... rất ồn ào và (thường khi) rất không cần thiết!

Đó là chưa kể đến những bài khảo cứu công phu về "chuyện xưa tích cũ" (liên quan đến nhân vật này, áng văn kia hay những lỗi lầm - trong quá khứ - của tôn giáo này hoặc tôn giáo nọ), cùng với những giòng thơ văn hoài cổ... đầy nhóc trong sách báo xuất bản ở hải ngoại.

Một đám người thua cuộc, nhà tan cửa nát, hớt ha hớt hải bỏ của chạy lấy người - thoát thân, rồi nằm buồn rầu thoi thóp ở một góc trời xa lạ - và cứ ngoái trông về cố lý mà thương nhớ mãi bến nước xưa, cây cầu cũ, hay cử tiếc nuối hoài những ngày tháng an bình (hoặc vàng son) đã mất thì (tưởng) cũng là chuyện bình thường thôi chớ? Có gì lạ đâu mà kiếm chuyện (cà khịa) nấy giờ vậy, cha nội?

Ý Trời, đừng nói vậy chớ! Như vậy là gieo tiếng ác và mang tội chết (mẹ) à nha. Tui thiệt tình không (bao giờ) dám kiếm chuyện đâm hơi hay châm chọc gì ai. Nói tình ngay, chả qua vì sợ dĩ vãng của chúng ta quá nặng nề khiến mọi người hoá lè mè (khi xoay trở với hiện tại) và ái ngại khi nghĩ đến tương lai (nếu không phải là chuyện tương lai của *riêng* mình) nên tôi thấy có hơi kỳ (và "bàn ra") chút đỉnh - vậy thôi.

Hơn nữa - như đã thưa - cái tâm cảm "*nước còn cau mặt với tang thương*", không phải chỉ tìm thấy nơi những kẻ sống ở nước ngoài hay những người bại trận. Nhà thơ Nguyễn Duy (một chiến sĩ và thi sĩ nổi tiếng của phe thắng trận) ghé về thăm quê - sau hơn một thập niên, kể từ ngày "đất nước được hoàn toàn giải phóng" - cũng đã không nén được bùi ngùi:

*Cha ta cầm cuốc trên tay  
nhà ta xơ xác hơn ngày xa xưa  
lưng còng bạc nắng thấm mưa  
bụng nhăn lép kẹp như chưa có gì*  
(Thanh Hóa - cuối năm Thìn 1988)

Bây giờ là đầu năm Mùi, thêm mười lăm năm nữa đã trôi qua. Dân quê Việt Nam vẫn cứ sống trong những căn "nhà xơ xác hơn ngày xưa", và vẫn tiếp tục "cầm cuốc trên tay"- như nông dân của Thời Trung Cổ. Những kẻ sinh sau đẻ muộn, không còn đất để cuốc, đất dúi nhau rời bỏ làng quê, lặn vào thành phố kiếm ăn.

Họ đi xin (nếu không có máu hay có thân hình bán được), hoặc bán sức lao động - dưới mọi hình thức - để sống qua ngày. Giản dị nhất là trở thành cứu vạt. Khỏi phải làm đôn, khỏi tốn tiền "cò", không cần hộ khẩu, và cũng chả lo đến lý lịch - kể cả loại lý lịch trích ngang - vì dân cứu vạt chỉ là một thứ một thứ phụ phen (xuống cấp) của thời đại mới. Họ là những kẻ sống bên lề, lề đường, của xã hội cộng sản Việt Nam.

Họ đứng ngời chờ trực suốt ngày (và suốt đêm) để đợi người "ói" đi làm. Họ sẵn sàng làm tất cả việc nặng nhọc và bẩn thỉu: khuôn vác, dọn nhà, dọn vườn, móc cống, vét rãnh, thông cầu... Và tiền công thì hoàn toàn tùy thuộc vào lòng hảo tâm của người đối diện!

*"Giảng Võ, 12 giờ đêm. Đám người lao động ngoại tỉnh, kẻ đứng người nằm la liệt trên suốt hơn 1 km đoạn đường từ đầu ngã tư Cát Linh - Giảng Võ - Đê La Thành. Thôi thì đủ quê từ Hà Tây, Thái Bình, Nam Định nhưng đông hơn cả vẫn là Thanh Hoá ..."*

*"Trung bình một ngày họ kiếm được từ 15-20 ngàn đồng, rất vất vả. Thông thường mỗi buổi sáng họ thức dậy từ 6h, quán vỉa mưa, chắn chiếu dúi vào một góc nào đó để tản ra 'đứng đường' chờ việc. Trưa và tối thì tạt vào những hàng cơm bụi với mỗi suất ăn giá khoảng 2.000 đồng, thậm chí những hôm không có ai thuê, đành nhịn."*

(Quang Hiệu và Vương Linh, "Cứu Vạt Đêm," Lao Động 11/8/2002).

Để có đến chừng nửa dân số Việt Nam đang sống (dở) và chết (dở) - như thế - trong những căn "nhà xơ xác" ở thôn quê, hay trên những vỉa hè ở phố thị. Với họ, khi "bàn" đến tương lai, có lẽ tất cả sẽ đều nghĩ ngay đến một ... nắm xôi - cho buổi sáng sớm mai!

Phần dân chúng còn lại ở Việt Nam thì hẳn là phải có một mức sống khá kham (hoặc khá giả) hơn như vậy. Dù ở thôn quê hay thành thị họ cũng có đủ cơm ăn áo mặc, có nhà cửa (hay "cơ ngơi") tử tế. Dự phóng về tương lai của họ, đối với không ít kẻ, đã vượt qua những nhu cầu vật chất "cơ bản" (như đồng hồ hay xe đạp ...) từ lâu. Với những người này - cũng như phần lớn những đồng bào "ăn nên làm ra" của họ ở nước ngoài - khi nói đến chuyện mai sau, họ có thể nghĩ đến tuốt ... cái sân sau (đang trồng cây ăn trái) hoặc mảnh bìa trước mặt của đứa con vừa (hay sắp) vào đại học. Không ít kẻ còn lo xa cả đến một chỗ để nằm, sau khi tắt thở! Chung cuộc -xem ra - dường như chỉ có những người đang nắm quyền ở Việt Nam là có khả năng thích ứng với thực tại, và có viễn kiến về tương lai. Sau khi mở cửa với thế giới bên ngoài, chấp nhận luật chơi của kinh tế thị trường, đến khoá họp trung ương đảng kỳ V - từ 18 tháng 2 đến ngày 2 tháng 3 năm 2002 - CSVN đã chính thức cho phép đảng viên được phép làm kinh doanh tư nhân.

Quyết định "lột xác" biến (cái rết) từ cộng sản sang tư sản của họ, tiếc thay, đã không được dân Việt hoan nghênh hay khích lệ. Không những thế, một công dân hiện đang sống trong nước đã đưa ra một nhận định (vô cùng) khinh thị - như sau:

*"Như thế là mọi chuyện bất chính, bất lương, bất hợp pháp nay trở thành danh chính ngôn thuận hết. Cứ việc nhân danh Đảng mà phủ phép biến hoá của công thành của riêng, xí nghiệp quốc doanh thành xí nghiệp tư nhân, của tham nhũng hối lộ thành bổng lộc hợp pháp. Một tuyệt chiêu lưu manh vô địch" (TTN, "Tư Bản Đỏ", Đàn Chim Việt, Sept. 2002:31).*

"Tuyệt chiêu" này cũng không được tán thưởng bởi những người Việt khác, dù họ đang sống ở (tận) nước ngoài:

*"Đừng để bị huyền hoặc vì danh xưng "tư sản đỏ". Tư sản không có màu sắc, không có tư sản đỏ và tư sản xanh, chỉ có tư sản kinh doanh trong một nước dân chủ pháp trị lành mạnh và tư sản lưu manh trong một chế độ độc tài tùy tiện. Tư sản đỏ tại Trung Quốc và Việt Nam hiện nay là bọn tư sản lưu manh. Chúng không kinh doanh, chúng bóp nghẹt kinh doanh và làm*

giàu bằng hối mại quyền thế. Chúng không làm kinh tế thị trường, chúng bóp nghẹt thị trường và làm giàu bằng đặc quyền đặc lợi. Chúng không mưu lợi cho đất nước, chúng cướp đoạt tài nguyên và tiềm năng đất nước để mưu lợi cho riêng chúng. Chúng không cần tài năng dù chúng đứng đầu những công ty lớn, vì chúng không phải cạnh tranh với ai cả. Chúng không cởi mở và tiến bộ dù chúng đi xe hơi sang trọng và du lịch khắp thế giới. Chúng càng không phải là một chặng đường trong cuộc chuyển hóa về dân chủ, trái lại chúng chống lại cuộc đấu tranh cho dân chủ để giữ nguyên đặc quyền đặc lợi". (Nguyễn Gia Kiểng, "Ai Cầm Quyền", Thông Luận, Dec. 2002:06).

Khi mà gần nửa dân tộc chỉ nghĩ được tới năm xôi, nửa còn lại cũng không mấy kẻ nghĩ xa hơn ... tô phở - hay bún bò hoặc hủ tíu ... gì đó - và những người lãnh đạo đất nước lại là những kẻ "lưu manh vô địch", chỉ chăm chăm "cướp đoạt tài nguyên và tiềm năng đất nước để chỉ mưu lợi riêng cho chúng" thì chuyện non sông ("gấm vóc") kể như là ... rồi - chớ còn (khỉ) gì nữa?

Vậy mà vẫn còn có một ... nhóm người - có tên là Nhóm Bạn Cửu Long, <http://mekongriver.org> - cứ bản khoăn mãi về sinh mệnh của một dòng sông. Theo họ : " *Cửu Long Cạn Dòng* (là *Biển Đông Dậy Sóng*". Đây cũng là tên tác phẩm mới nhất của nhà văn Ngô Thế Vinh, đã được nhà Văn Nghệ (Hoa Kỳ) tái bản hồi đầu năm 2002.

Khi trả lời phỏng vấn của *Tạp San Hợp Lưu* (số 56, tháng 12/2000 & 1 năm 2001 - do Nguyễn Mạnh Trinh thực hiện) Ngô Thế Vinh đã bày tỏ sự quan ngại về tình trạng toàn vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long có nguy cơ bị tràn ngập bởi nước mặn, với hậu quả là "... *vĩnh viễn chẳng còn đâu một nền Văn Minh Miệt Vườn và cũng không còn đâu vựa lúa để nuôi sống ngót 100 triệu dân của cả nước.*"

Nếu 'cả nước' - từ trong ra ngoài - chỉ quay đầu nhìn về dĩ vãng (để nuối tiếc hay hậm hực) hoặc chỉ cúi đầu (vì bận kiếm ăn hay vì sợ bị ở tù), và "trợn gó" non sông mang giao cho những kẻ "lưu manh" - những kẻ đủ nhân tâm để tháo cạn nước của một giòng sông và đốt cháy nguyên một khu rừng, khi cần vài con cá nướng trui cho bữa ăn chiều trong gia đình họ - thì hiểm họa đang đe dọa dòng sinh mệnh của cả dân tộc Việt, chứ đâu có riêng chi một dòng sông.

Nói chuyện tương lai, giữa những mùa xuân ly loạn, đã không có gì vui mà (dám) còn làm cho không ít người buồn. Nếu lỡ như vậy thì tôi mong được sự bao dung và độ lượng của "toàn thể đồng bào" trong ba ngày Tết. Nếu không có Tết, và không có rượu, bà nội mẹ tui cũng không dám làm mích lòng - cùng lúc - cả đồng người như thế!

## Cá hồi đỏ

Trang Câu Lạc Bộ Kỹ Thuật Việt Kiều đăng tải một bài viết ("Cuộc Di Cư Lớn Nhất Của Cá Hồi Đỏ Trong 100 Năm") khá thú vị. Xin ghi lại toàn văn:

Khoảng 15.000 người đã đổ về tỉnh British Columbia của Canada để chứng kiến một trong những hiện tượng bí ẩn của tự nhiên: cuộc di cư khổng lồ của cá hồi đỏ, được cho là lớn nhất trong 1 thế kỷ trở lại đây.

Dự kiến, khoảng từ 6-8 triệu con cá hồi đỏ sẽ di cư tới sông Adams thuộc khu vực Shuswap của tỉnh British Columbia trong năm nay và đây được xem là cuộc di cư lớn nhất của cá hồi đỏ kể từ năm 1913.

Cá hồi đỏ là một trong các loại cá sống ở nước mặn và sinh sản ở nước ngọt. Cá hồi đỏ thường đẻ trứng trong vùng nước nông trên sông Adams vào tháng 10 hàng năm. Sau khi

phát triển trong vùng nước ngọt khoảng 1 năm, những con cá nhỏ nở ra từ trứng sẽ di cư ra biển và sống ở đó khoảng 3 năm rồi quay trở lại chính nơi chúng được sinh ra.

Loài cá hồi khi di chuyển định hướng bằng mùi. Mỗi con cá nhớ đều nhớ mùi của dòng sông nơi nó sinh ra. Khi di chuyển qua đại dương trở về con sông sinh sản, con cá sẽ tìm thấy đường của nó một cách hoàn toàn bản năng vì mùi vị thân quen càng gần càng trở nên rõ rệt. Khi vào lại vùng nước ngọt, cá hồi sẽ không ăn và chuyển sang màu đỏ sáng.

Cá hồi có khả năng bơi ngược sông, vượt qua các dòng nước chảy xiết trong hành trình dài gần 500km từ biển tới sông Adams. Sau khi đã trở về nhà, chúng đẻ trứng rồi cuối cùng kiệt sức và chết. Trứng sau đó nở ra con non và con non lại hành trình ra biển.

Hiện tượng di cư bí ẩn của cá hồi luôn thu hút sự quan tâm của du khách đến với sông Adams. Tại công viên Roderick Haig-Brown cạnh sông Adams - địa điểm quan sát cá hồi đẻ trứng tốt nhất, bầu không khí tại khu vực vốn yên tĩnh này đã trở nên nhộn nhịp giống lễ hội đường phố.

Brian Riddell, chủ tịch kiêm giám đốc điều hành Quỹ cá hồi Thái Bình Dương, gọi cuộc di cư không lồ lần này là “điều bất ngờ thú vị” khi số cá hồi đờ di cư nhiều gấp đôi so với dự đoán trước đó.

Cá hồi Đại Tây Dương (Atlantic salmon) thì khác. Chúng có thể đi đi về về từ sông ra biển và ngược lại nhiều lần mà không hề do dự hay nao núng, dù khoảng cách phải vượt qua có thể dài đến hàng ngàn dặm, với vô số khó khăn và chướng ngại.

Bản năng về nguồn của cá hồi, tất nhiên, đã được loài người ghi nhận và khai thác từ lâu. Riêng người Nhật, dân tộc đứng thứ nhì về kỹ nghệ cá hồi, vẫn đều đặn sản xuất ra thị trường mỗi năm cỡ một trăm ba mươi ngàn tấn.

Xét về số lượng, mức sản xuất của người Nhật không hơn người Nga bao nhiêu và thua xa người Mỹ. Tuy nhiên, cách thức mà dân Nhật bắt cá hồi mới là điều cần cần phải được lưu tâm và học hỏi.

Họ thiết lập nhà máy đóng hộp cá hồi ngay ở ven sông. Cũng chính nơi đây cá được nuôi nắng, đẻ trứng, thụ tinh để mỗi cặp sẽ cho từ hai đến mười ngàn chú cá hồi con ra đời. Sau đó, chúng sẽ được cho phiêu lưu vào đại dương, để bắt đầu cuộc đời “tha phương cầu thực.”

Tùy theo từng loại, cá hồi sẽ sống ở biển từ sáu tháng đến năm năm. Nhờ vào khả năng “cảm” được từ trường của lòng đất và sự chuyển động của hải lưu, nó sẽ tìm được về chốn cũ. Khi vào gần đến bờ, giác quan đặc biệt của loài cá này giúp chúng nhớ được đúng hương vị quê nhà – tức sông xưa bến cũ – và cứ theo đó mà lần về nguồn cội, đến tận nơi sinh nở.

Người ta đặt sẵn nhiều dụng cụ từ cửa sông để giúp cho cá hồi dễ dàng và mau chóng vào đến nhà máy. Tại đây, họ sẽ tạo ra một loại chướng ngại vật giả khiến chúng phải phóng lên cao và khi rơi xuống thì rớt ngay vào một mạng lưới di động. Mạng lưới này chuyển động không ngừng, qua nhiều khâu chế biến, để đưa cá từ sông vào...hộp!

Nói tóm lại là người Nhật thả cá hồi con ra biển, theo kiểu “đem con bỏ chợ,” để biển cả nuôi nắng. Rồi khi chúng theo bản năng trở về, họ dụ cho cá vào nhà máy để đóng hộp, và mang bán.

Cách họ kiếm tiền ngó bộ dễ và (chắc) là nhiều. Bởi vậy, có kẻ bắt chước. Chính phủ Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam (tên kêu gọi thường dùng là Việt Cộng) cũng học theo cách làm

ăn không vốn gần như vậy. Chỉ khác có chút xíu xiu là họ dùng người để kinh doanh, thay cá.

Từ năm 1978 cho đến năm 1990, bằng hình thức này hay hình thức khác, Việt Cộng đã “thả” ít nhất là vài triệu người dân ra biển. Người ta ước tính rằng trên bước đường lưu lạc cứ ba con cá hồi rời bến sông ra đi thì ít nhất cũng có một con bỏ mạng. Nó trở thành mồi săn cho loài người, cho loài chim, hoặc những loài cá khác. Tương tự, trong số mấy triệu người Việt phiêu lưu vào biển cả – tối thiểu – cũng phải một phần ba đã vong mạng.

Họ chết vì bão tố, vì hải tặc, hay vì bị xô đẩy một cách lạnh lùng tàn nhẫn tại bến bờ của những quốc gia lân cận. Nơi đây thuyền bè của họ thường bị lôi kéo trở ngược ra khơi. Họ sẽ lênh đênh giữa trời nước bao la cho đến chết vì không còn tìm được nơi để đến, và cũng không còn đủ lương thực (cũng như nhiên liệu) để tiếp tục đi. Những kẻ may mắn thoát nạn đều sẽ biến thành cá hồi (theo tinh thần của Nghị Quyết 36) của nhà đương cuộc Hà Nội. Đám dân “trôi sông lạc chợ” này sẽ bị tận tình khai thác, và khai thác dài dài, cho đến khi tắt thở, bằng nhiều cách.

Nếu cá hồi Thái Bình Dương chỉ hồi hương một lần rồi chết thì những thuyền nhân rời khỏi Việt Nam sau ngày 19 tháng 6 năm 1988 – đã có thời gian dài sống tạm trú ở những quốc gia Đông Nam Á – cũng mang số phận y như vậy. Họ bị cưỡng bách hồi hương và không bao giờ còn có dịp ra đi nữa. Riêng với những thuyền nhân ở Hồng Kông – khi phần đất này còn thuộc Anh – Anh Quốc đã thoả thuận trả sáu trăm hai chục Mỹ Kim mỗi đầu người để Hà Nội chịu nhận họ trở về, cùng với lời hứa hẹn là họ sẽ không bị hành hạ hay ngược đãi !

Số người Việt may mắn hơn, hiện đang phiêu bạt tứ tán khắp bốn phương trời, có thể được coi như là cá hồi Đại Tây Dương – giống cá có khả năng đi đi về về nhiều lần từ sông ra biển và ngược lại. Những kẻ này vẫn tiếp tục kiếp sống tha phương cầu thực, chăm chỉ cặm cụi kiếm và để dành tiền, rồi hàng năm làm đơn “xin phép” được hồi hương. Mỗi Việt Kiều về thăm quê nhà chắc chắn đều chi trả một số tiền không phải chỉ là sáu trăm Mỹ Kim mà có thể là đến sáu ngàn Đô La, hay nhiều hơn nữa.

“Lượng kiều hối nhiều khả năng đạt 12 tỷ USD năm 2014,” theo như tin loan của Đài Tiếng Nói Việt Nam – nghe được vào hôm 30 tháng 11 năm 2014. Cùng thời điểm này, Nguyễn Hoàng Minh, (Phó Giám đốc NHNN – chi nhánh TP HCM) cho biết: “Năm 2014 Việt Nam sẽ tiếp tục là một trong 10 nước nhận được kiều hối nhiều nhất trên thế giới.”

Hà Nội có lý do để hãnh diện về thành quả này – thành quả kinh tế duy nhất (thực sự) vượt chỉ tiêu – về kỹ nghệ xuất và nhập cảng người, sau hơn nửa thế kỷ mà họ đã nắm được quyền bính ở Việt Nam. Họ đẩy ra khỏi nước những con người cùng quẫn và sôi sục bất mãn, rồi “thu về” những Việt kiều yêu nước và giàu sang.

Thiệt khoẻ!

## Cuối năm về Galang

Tôi đến Thái Lan tả tơi, ủ dột, eo xèo và bèo nhèo như một cái mền sakymen thấm nước. Vì không có thân nhân ở Hoa Kỳ, từ đây, tôi được đưa sang một trại tị nạn chuyển tiếp để chờ một hội thiện nguyện bảo trợ cho vào Mỹ.

Thế là tôi bắt đầu cuộc đời ly hương của mình bằng những ngày mưa đầu mùa ở Galang, một hòn đảo nhỏ bé, thuộc Nam Dương.



Những chiều mưa đầu mùa bao giờ cũng buồn. Những chiều mưa đầu tiên nơi đất lạ thì buồn muốn chết! Tôi cứ ngồi bó gối, nhìn những giọt nước trong veo (nương nương) chạy theo mái lán mà nhớ nhà muốn khóc.

Có hôm tạnh ráo, đi lang thang quanh đảo mãi cho đến lúc gần xẩm tối, tôi lạc vào một khu đất trống. Thoáng nghe tiếng muỗi vo ve, tôi nhìn xuống chân và hốt hoảng nhận ra là mình đang dẫm chân trên những nấm mồ của những người đã qua đời tại trại.

Giữa buổi chiều tà vắng lặng, trên một hải đảo hoang vu, cách quê nhà cả một đại dương xanh thẳm, đứng trên những nấm đất “xè xè” – mọc đầy cỏ dại, vương vãi mấy chân nhang đã bạc phách màu – tôi bỗng cảm được hết sự lạnh lẽo, thê lương, và âm ảm của cái cảnh “vùi thây nơi đất khách quê người.” Cùng lúc, tôi cũng hiểu ngay tại sao trên những ban thờ nho nhỏ – ở quê nhà – thường luôn có khói hương ấm áp, và ngọn đèn dầu hột vịt (tù mù) cho đỡ phần quạnh quẽ.

Tôi rời Galang vào một buổi sáng cuối năm 1980 và trở lại ba mươi bốn năm sau, vào một chiều cuối năm 2014. Nghĩa trang của trại là nơi tôi cùng người bạn đồng hành (anh N.C.B) đến viếng đầu tiên. Nhìn những mộ phần khang trang, ngăn nắp, vôi quét trắng tươi, cỏ dọn sạch sẽ, nằm gọn gàng ngay ngắn – giữa biển trời bao la – tôi mới chợt nhận ra rằng mình là một kẻ (sống) rất vô tình.

Tôi đã hăm hở và hối hả rời bỏ Galang, để lại không biết bao nhiêu là nấm mồ hoang lạnh của những đồng bào và đồng cảnh mà chưa bao giờ nhìn lại (dù chỉ một lần) cho mãi đến khi tóc đã đổi màu.

May mắn là không phải mọi kẻ tị nạn nào đều bạc bẽo như nhau, và không ít người sống rất có tình; nhờ vậy, hôm nay tôi mới có “lối” để về thăm chốn cũ.



Nghĩa Trang Galang. Bên phải là trụ xi măng trạm hình cờ vàng ba sọc đỏ của VNCH, buộc phải sơn lại trắng đen bởi áp lực của nhà đương cuộc Hà Nội.

Ảnh: N.C.B

Tôi rất thích bản nhạc *Nha Trang Ngày Về* (... ngồi đây tôi lắng nghe... Tôi như là con ốc, bơ vơ nằm trên cát. Chui sâu vào thân xác lưu đầy...) dù không được quen biết bất cứ ai ở miền “thùy dương cát trắng.” Tôi cũng không có mối tình nào ở Galang, dù có viết mấy câu thơ, viết “dùm” cho những cô gái bị người tình phụ (mà dân ở đảo gọi là Galang tình xù) nhưng không còn nhớ được toàn bài:

*Xa anh trời vào hạ  
Thái Lan mưa đầu mùa  
Bây giờ là cuối hạ  
Nam Dương trời đang mưa  
Galang đời cũng đẹp  
Người ta thường có đôi  
Riêng mình em thì trót*



*Yêu anh rồi nên thôi  
Thư anh ngày một chậm  
Nét chữ càng thêm to  
Giấy trắng thừa ra mãi  
Làm sao em không lo  
Hay là thôi anh nhé  
Làm bận lòng nhau chi  
Biết đâu đời lại đẹp  
Khi đường ai nấy đi*

Lần lượt, trước sau, những chàng trai cùng những cô gái ở tuổi đôi mươi (thườ ấu) đều đã “đi” định cư ở một quốc gia thứ ba nào đó. Và (chắc) cũng chả có mấy ai, mấy khi, ngoái về chốn cũ?

Galang, chiều nay, quanh tôi không một bóng người – ngoài vài bầy khỉ nhỏ, và năm bảy chú hưu sao (đứng ngơ ngác nhìn khách lạ) trong một khu đất rộng, gần nơi trung bầy mấy con tàu đã đưa đám thuyền nhân đến hải đảo này.



Ảnh: N.C.B

Galang hoang vu, và hoang tàn quá. Tôi bước vào một ngôi chùa, không có ai ráo trội. Nhà thờ cũng vậy. Trống trơn. Tượng Đức Mẹ Vô Nhiễm được che bởi một tấm bạt lớn phía trên (ý hẳn để cho ngài đỡ giải dầu mưa nắng) nhưng e cũng chả có tác dụng chi nhiều vì sự khắc nghiệt và khốc liệt của nắng mưa, nơi vùng nhiệt đới.



Ảnh: N.C.B

Cạnh đó là bức tượng thánh Giuse đã rút mắt một bàn tay, ngó mà ái ngại.



Ảnh: N.C.B

Cho đến khi bước chân vào gian nhà dùng làm Bảo Tàng Viện Thuyền Nhân thì tôi mới thấy Galang vẫn còn chút ... hơi thở nhẹ, nhờ tiếng nhạc nhỏ nhỏ phát ra từ bên trong. Cái gì chớ nhạc Việt thì tôi rành sáu câu, nhất là nhạc sến, vậy mà tôi hoàn toàn không biết bài hát (lạ hoắc) này. Tôi chỉ “cảm” được là nó rất sến (sến hết biết luôn) nhưng vẫn thấy vui thích với cái ý nghĩ là mình – một thằng vô cùng bạc bẽo – vẫn được Galang mở rộng vòng tay (đón nhận) khi trở lại.

Thái độ rất thân thiện tử tế của nhân viên an ninh, cũng như sự chỉ dẫn vui vẻ và tận tình của người trông coi những di vật còn lại của thuyền nhân cũng khiến tôi vô cùng cảm động, dù chúng tôi có bị trở ngại (ít nhiều) vì bất đồng ngôn ngữ. Tôi và anh bạn hăng hái ký tên vào sổ lưu niệm, và sốt sắn hiến tặng hết cả số tiền mà chúng tôi có sẵn trong người.

Lúc trở ra, tôi thật hân hoan khi thấy hai chiếc xe du lịch (cùng với du khách) nối đuôi nhau vào trại – dù trời đã ngã chiều. Phải vậy chớ. Không lẽ cả một trung tâm du lịch mà có mình (ên) tụi tôi thì coi sao được.

Tình trạng thừa vắng du khách ở Galang chắc đã bắt đầu từ nhiều năm trước. Nhật báo *Jakarta Post*, số ra ngày 01 tháng 8 năm 2009, có bài viết (“Vietnamese Refugee Camp Still Open”) đề cập đến yêu sách đóng cửa trại tỵ nạn (Galang) của nhà đương cuộc Hà Nội. Bài báo này dẫn lời bà Nada Faza Soraya – Chánh Sự Vụ Phòng Thương Mại Cửa Nam Dương – nói rằng khu trại rất quan trọng đối với hướng dẫn viên du lịch, và họ không hề có ý muốn khai thác quá khứ đen tối của chính phủ Việt Nam. (“*There was no intention of exploiting the gloomy past of Vietnamese government*”).

Cùng thời điểm này, từ Galang, phóng viên Hồng Nga của BBC cũng có bài tường thuật (nghe được vào ngày 5 tháng 8 năm 2009) về sự việc này:

*“Hai thập niên hiện diện của người Việt tại đây khiến thông tin trại có thể sẽ đóng cửa vĩnh viễn, ngừng đón người tới thăm khiến người dân địa phương ngỡ ngàng.”*

*“Lý do chính là từ khi ngừng hoạt động, trại tỵ nạn Galang cũ đã trở thành một địa chỉ du lịch khá phổ biến, mang lại thu nhập cho người bản địa.”*

*“Dư luận địa phương bày tỏ bất bình, trong khi có cáo buộc chính phủ Việt Nam đã gây áp lực với Jakarta để làm công việc này.”*

Đồng thời, đại diện tổ chức Văn Khố Thuyền Nhân Việt Nam, ông Trần Đông cũng đã lên tiếng chỉ trích việc “âm thầm xóa bỏ dấu vết tội ác, hủy hoại di tích lịch sử và nhân đạo thế giới tập đoàn đảng trị và tay sai Bắc Kinh tại Hà Nội.”

Nhân đây, cũng xin được nói thêm đôi điều về cơ quan thiện nguyện Văn Khố Thuyền Nhân Việt Nam (Archives of Vietnamese Boat People – AVBP) qua lời của nhà văn Trùng Dương, sau chuyến đi thăm Galang của chị, vào năm 2012:

“Hội AVBP, Web site tại <http://www.vnbp.org/>, được thành lập từ năm 2004, nhằm tìm kiếm và trùng tu các mộ phần thuyền nhân, không phân biệt có tên hay vô danh, ở rải rác các nơi trong

vùng Đông Nam Á, đồng thời ghi dấu lại các di tích thuyền nhân để các thế hệ sau biết mà tìm đến vì chính quyền Cộng Sản Việt Nam cố tình muốn xoá bỏ những di tích lịch sử này, để đồng thời bạch hoá tội lỗi của chế độ ngu muội hà khắc đã là nguyên do đẩy cả triệu người Việt ra biển đi tìm một đời sống có tự do và nhân phẩm, với từ 200,000 tới nửa triệu con người bị chết trên đường đi tìm một đời sống có nhân phẩm. Sự hy sinh này và phần mộ của những người còn may mắn có được nắm mồ chính là những chứng tích của một giai đoạn lịch sử cần được duy trì và bảo vệ.”

Trong một cuộc phỏng vấn dành cho phóng viên Thanh Quang (RFA) nghe được vào hôm 17 tháng 10 năm 2013, ông Trần Đông – Giám Đốc AVBP – cho biết thêm chi tiết:

*Chúng tôi tin tưởng mạnh mẽ rằng tới cuối năm 2015 sẽ hoàn tất công trình mộ phần thuyền nhân Việt Nam tại tất cả những nơi vừa nói. Hiện giờ chúng tôi đang xúc tiến ráo riết tổ chức gây quỹ trong năm 2014 song song với việc trùng tu mộ thuyền nhân trong 2014 và 2015. Chúng tôi rất hy vọng được sự đóng góp giúp đỡ của tất cả đồng hương khắp nơi trong đợt gây quỹ lần cuối cùng vào năm 2014 và có thể có những cuộc gây quỹ nhỏ nữa trong năm 2015 để hoàn tất công tác trùng tu tất mộ thuyền nhân trong vùng Đông Nam Á vào cuối năm 2015.”*

Tôi không hy vọng là Galang, trong tương lai gần, có thể trở thành một công viên du lịch hấp dẫn hay một khu di tích lịch sử – như nhiều người mong đợi vì điều này tùy thuộc hoàn toàn vào thái độ của chính quyền địa phương, và ngoài tầm tay của cộng đồng người Việt ở hải ngoại. Tuy nhiên, tôi tin chắc là VKTNVN “sẽ hoàn tất công tác trùng tu 2500 mộ thuyền nhân rải rác khắp vùng Đông Nam Á vào cuối năm 2015” – dù biết rằng đây chẳng phải là chuyện dễ dàng chi, và rất cần sự góp sức của mọi người.

Đó là việc tối thiểu mà chúng ta có thể làm được, và bắt buộc phải làm. Những người cầm quyền hiện nay ở VN không mong gì hơn là chúng ta thất bại trong việc duy trì và bảo tồn “lịch sử thuyền nhân.”

Nếu không có cái “lịch sử” bi tráng này và “những chứng tích của một giai đoạn lịch sử cần được duy trì và bảo vệ” thì cộng đồng thuyền nhân (hôm nay) và con cháu của họ (sau này) nào có khác gì một đám người trôi sông lạc chợ.

## Số bao cuối cùng

Trong một thời gian không lâu nữa, chúng tôi sẽ phổ biến rộng rãi nguyên bộ Bách Khoa trong dạng điện tử để mọi người khắp nơi có thể đọc dễ dàng.

Diễn Đàn Thế Kỷ (ngày 2 tháng 4 năm 2017)

Với thời gian, trí nhớ của tôi mỗi lúc một thêm bạc bẽo. Tháng 11 năm 1989, Bức Tường Ô Nhục Bá Linh (“Wall of Shame”) sụp đổ. Qua năm sau, tạp chí Reader’s Digest (dường như là số tháng 5) có đăng một mẫu chuyện ngắn ngắn – liên quan đến biến cố này – mà tôi chỉ còn nhớ được loáng thoáng như sau:

*Giữa đám đông đang hăm hở và hớn hở lũ lượt vượt rào đi từ Đông qua Tây là một ông già, dáng lấm lũi và đơn độc. Ông không dừng chân ở bất cứ quán bar nào, dù tất cả đều mở rộng cửa – và cung cấp rượu bia miễn phí – để chào đón những kẻ vừa đặt chân đến phần đất tự do.*

*Và trong khi mọi người đều náo nức xếp hàng chờ được lãnh tiền (gọi là “tiền chào mừng”, khá hậu hĩnh) do chính phủ Cộng Hoà Liên Bang Đức cấp phát thì ông già lặng lẽ tìm đến thư viện để gửi trả một cuốn sách mượn từ tháng Tám năm 1961, cùng với lời trần tình: Tôi chỉ định giữ tác phẩm này vài ngày thôi nhưng không ngờ bị kẹt ở bên kia bức tường tới hai mươi tám năm trời! Để trễ hạn lâu quá, tôi rất lấy làm tiếc và xin được thứ lỗi.*

Câu xin lỗi vừa ghi khiến tôi lại nhớ (và cũng chỉ nhớ mang máng thôi) đến lời than thở của học giả Nguyễn Hiến Lê, trong một tác phẩm nào đó của ông: *Thử nhiều nhưng và loạn lạc thì ngay đến sách báo cũng phải chịu cảnh phong trần, lưu lạc!*

Thời gian “lưu lạc” kéo dài gần ba mươi năm của một cuốn sách kể cũng khá dài nhưng so với số phận long đong của một tờ báo (tạp chí Bách Khoa, số cuối cùng – 426 – phát hành vào ngày 20 tháng 4 năm 1975) thì xem ra vẫn còn hơi ngắn, theo như “tin mừng” vừa được nhà văn Phạm Xuân Đài (chủ bút trang Diễn Đàn Thế Kỷ) hân hoan loan báo:

“Trong công cuộc sưu tầm những tài liệu cũ của miền Nam trước 1975, lâu nay chúng tôi đã hết sức cố gắng tìm kiếm bộ tạp chí Bách Khoa, một tờ báo đã đi gần suốt chiều dài 20 năm của Việt Nam Cộng Hòa. Và xin báo tin mừng với quý độc giả và bè bạn gần xa: cách đây mới hai ngày thôi, chúng tôi đã có được số Bách Khoa cuối cùng còn thiếu, đó là số phát hành 20 tháng 4 năm 1975. Trong một thời gian không lâu nữa, chúng tôi sẽ phổ biến rộng rãi nguyên bộ Bách Khoa trong dạng điện tử để mọi người khắp nơi có thể đọc dễ dàng. Việc số báo Bách Khoa cuối cùng đến với chúng tôi vào những ngày cuối tháng Ba năm 2017 vừa rồi đã gây cho chúng tôi một xúc động mãnh liệt, vì đó chính là một trong những hình ảnh còn sót lại một cách cụ thể của một miền Nam đang hấp hối, cách đây 42 năm.”

### **Bìa Giai Phẩm Bách Khoa Số Cuối Cùng**

Chúng ta đang sống trong một thế thẳng băng, cùng với những phương tiện giao thông và truyền thông tân kỳ chưa từng thấy trong lịch sử. Cớ sao một số báo Bách Khoa (BK) lại phải “phong trần lưu lạc” đến gần nửa thế kỷ vậy cà?

Đây không phải là một câu hỏi khó nhưng cũng không dễ trả lời ngắn gọn nên tôi xin phép được thưa thêm năm điều/ba chuyện cho nó ngọn ngành:

Từ BK số 1 đến số 425, chắc chắn, đều được gửi đi và lưu giữ trong những thư viện ở Âu Mỹ nên việc sưu tập chả khó khăn gì. Nhưng với số báo cuối cùng, 426, phát hành 10 ngày trước khi miền Nam thất thủ thì số phận của nó lại hoàn toàn khác. Tòa soạn BK – vào thời điểm này – chắc chẳng có ai còn lòng dạ nào để lo lắng đến chuyện phát hành, hay gửi báo đến cho độc giả (dài hạn) qua bưu điện nữa.

Giữa lúc “xây đàn tan nghệ” thì tai họa chả bỏ sót ai, và cũng chả chừa một thứ gì ráo trọi: “Bởi vì sách vở thời ấy, số phận nó như số phận người. Nó cũng phải trốn chạy, chui rúc, ẩn náu. Chúng cũng rơi vào cảnh mồ côi cha mẹ, cảnh lạc đàn, cảnh tan nát, cảnh tan hoang mất còn. Vận người dân miền Nam thế nào, vận chúng như thế...”

Đài phát thanh thành phố ra lệnh phải thu nộp tất cả các sách vở, báo chí, phim ảnh, tài liệu in ấn trước ngày 30 tháng tư được coi là đối trụy. Nhiều người tiếc rẻ đem bán kilô. Các gói xôi bán buổi sáng, nay có tên Nguyễn Thụy Long, Nhã Ca, Thanh Tâm Tuyền. Vừa ăn, vừa đọc kể cũng vui. Nhiều chỗ mang sách vở cũ ra đốt... Đưa may trốn thoát... Đưa yểu tử thì làm mồi cho cuộc phần thư. Đưa không may làm giấy gói xôi buổi sáng. Đưa bất hạnh làm giấy chùi đít. Đó là cuộc trốn chạy vô tiền khoáng hậu mà những kẻ đi truy lùng chỉ là các trẻ con lên 12, 13 tuổi. Các cháu ngoan bác Hồ. Họ xô những đứa trẻ con vô tội đó ra đường. Chúng quàng khăn đỏ hô hoán, reo hò như trong một vụ đi bắt trộm, hay đi bắt kẻ gian. Chúng lục soát tận tình, chúng đánh trống, chúng hát hò như một cuộc ra quân của một đoàn quân chiến thắng. Gia đình nào cũng sợ hãi cái quang cảnh đó nên kẻ mà phải hy sinh đầu tiên chính là sách vở.” (Nguyễn Văn Lược, “Sách cũ Miền Nam 1954 – 1975”).

Trong khi đám trẻ con quàng khăn đỏ hét hò đốt sách thì quý vị trí thức, nhân sĩ, nhà văn, nhà báo cũng cần mẫn ghi chép và hoàn thành những “công trình biên khảo” để đưa bọn cầm bút (thuộc bên bại cuộc) ra ... trước tòa án dư luận:

- *Nọc độc văn hóa nô dịch*, Trần Trọng Đăng Đàn, gồm 2 cuốn:
  - a. *Nọc độc văn hóa thực dân mới Mỹ*, NXB TP HCM 1983
  - b. *Lại bàn về nọc độc văn hóa thực dân mới Mỹ*, NXB TP HCM 1987

- Văn hóa văn nghệ miền Nam dưới chế độ Mỹ ngụy (2 tập) nhiều tác giả, NXB Văn Hóa 1977
- Những tên biệt kích của chủ nghĩa thực dân mới trên mặt trận văn hóa/ tư tưởng (2 tập) Nhiều tác giả, NXB Thông tin lý luận 1980
- Tiếp tục đấu tranh xóa bỏ tàn dư văn hóa thực dân mới, Hà Xuân Trường, NXB Sự Thật 1979
- Nhìn lại tư tưởng văn nghệ thời Mỹ ngụy, Lê Đình Ky, NXB TPHCM 1987
- Cuộc xâm lăng văn hóa và tư tưởng của đế quốc Mỹ tại miền Nam VN, Lữ Phương, NXB Văn Hoá 1985

Đó là một “thời nông nổi” đã qua chẳng ? Không đâu, làm gì có chuyện đó! Cuộc “Cách Mạng Văn Hoá” chưa bao giờ ngưng nghỉ cả. Chủ trương “bài trừ văn hóa nô dịch, lai căng” là chính sách triệt để, xuyên suốt và nhất quán của Đảng Cộng Sản và Nhà Nước Việt Nam từ hơn nửa thế kỷ qua mà.

Ngày 20 tháng 3 năm 2017 vừa qua, T.T (đương nhiệm) Nguyễn Xuân Phúc lại vừa ký Nghị Định 28/2017/NĐ-CP: “Phạt tiền từ 20-25 triệu đồng đối với hành vi tàng trữ, phổ biến trái phép bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu có nội dung đã quyết định cấm phổ biến hoặc quyết định thu hồi, tịch thu, tiêu hủy.”

Vậy bằng cách nào mà cuốn tạp chí BK, số cuối cùng (phát hành vào ngày 20 tháng 4 năm 1975) đã không bị ném vào mối lửa, không trở thành giấy gói xôi, không bị thu hồi, tịch thu, tiêu hủy” và vẫn có thể xuất hiện “nguyên con” trên trang web của Tạp Chí Thế Kỷ 21 vào ngày 2 tháng 4 năm 2017 vừa qua? Đây là câu hỏi mà quý vị lãnh đạo của chính phủ hiện hành ... cần “suy ngẫm” để có thể ban hành những nghị quyết, hay nghị định đỡ ngớ ngẩn (và lạc hậu) hơn chút xíu.

## Đám Bắc kỳ

Trong bài viết “Tổng Quan Về Hồi Ký Tô Hoài,” Đặng Tiến có nhận xét sau:

“Ở các tác phẩm trước, Tô Hoài thường bao che, bào chữa, như là một hồi ký bao cấp. Đến Chiều Chiều, giọng kể nghiêm nghị hơn về đời sống chính trị và văn nghệ ngột ngạt những năm 1955-1970, về những sai lầm trong chính sách Cải cách ruộng đất, về những đợt học tập chiếu lệ ở trường Đảng cao cấp là trường Nguyễn Ái Quốc ...”

Thực là quý hóa! Nhờ Tô Hoài đã chán viết “hồi ký bao cấp” nên qua Chiều Chiều độc giả mới biết được cuộc sống (đích thực) của một gia đình nông dân ở miền Bắc, Việt Nam.

*Từ cái năm xây cống Trà, đồng bót mặn khỏi mặn, ông Ngải ra vỡ hoang được chín miếng thành ruộng rồi ở luôn đấy, chẳng bao lâu những nhà khác cũng kéo ra, cái xóm to dần. Bà Ngải lại kể ngày trước ông ấy đi kéo cày mượn thay trâu. Một con trâu thường đi suốt ba sào. Ông kéo một buổi năm sào ruộng dầm gàn gấp đôi trâu, chỉ đổi vai thừng một lần. Ngày công cao gấp rưỡi người khác mà các chủ ruộng đều ưa gọi ông, nhiều người đặt hẳn cọc đầu năm. Rồi lại việc sông nước, đi cát vó. Cái năm ra phá hoang, chưa nên đất phải bện cỏ đánh luống để vùi dây khoai. Được ba tháng lá tốt um, mọc lên ngót mắt những củ khoai mập mạp. Rồi ông ấy lợp lều ở luôn, vừa trông vừa làm. Đến khi thành ruộng đã cấy được rồi mà cứ gặt xong lại cuốc, đất ngấu như bãi bồi. Thế là lại cấy luống dưa hồng, dưa gang, được quả to như lợn thẩu lẫn lóc cả đồng.*

Nghe cứ như nếp sinh hoạt của đám nông dân vào Thời Trung Cổ: tối tăm và ngập bùn lầy đất. Được cái là an bình và no đủ, dù đạm bạc.

Giá vợ chồng và con cái của ông bà Ngải cứ được tiếp tục cuộc sống tối tăm như thế mãi thì chắc ... họ cũng không có (và không biết) gì để phàn nàn. Nhưng cách mạng bùng lên, với nhiều đường lối và chủ trương vô cùng quyết liệt: Cải Cách Ruộng Đất, Hợp Tác Xã, Giải Phóng Miền Nam ...

*Trong nhà ông Ngải cũng nhiều đổi thay. Ốc đã đi bộ đội. Cả Toàn con rể, ông bà cho ở gửi rể, cũng đi bộ đội. Chỉ ông bà Ngải vẫn ngày ngày nghe keng ra đồng làm. Nhưng ông Ngải ghét nhất cái cảnh ra đầu xóm đứng ló nhỏ, chuyện râm ran, điếm danh mấy lần vẫn chưa đủ người, đến khi cả tổ ra tới giữa đồng thì mặt trời đã lên ngang lưng tre. Ông Ngải bực mình chửi làm ăn thế này thì đói rã họng ra đến nơi. Ông Ngải không đi với mọi người. Ông hỏi hôm nay làm gì rồi ông xuống đồng trước. Ông Ngải đi sớm về muộn.*

*Ông làm theo ý ông, không biết cái keng. Ông đã quá tuổi lao động, ông làm hay không cũng thế, nhưng hôm nào không đi làm thì chân tay như uối ra. Cái gì ông cũng tự nghĩ rồi làm. Ông chỉ cho con cái học cho biết mặt chữ. Ông gả chồng cho cái Hén cũng không biết thế là tảo hôn, mà làng nước cũng chẳng ai bắt bẻ ông. Thành ốc nhà độc đinh ông vẫn cho đi bộ đội. Ông bảo "đi cho biết đó biết đây".*

Suy nghĩ của ông Ngải xem chừng hơi giản dị nhưng cuộc đời thì không, dù là đời sống của một ông nông dân chân chất, vẫn theo ngòi bút của Tô Hoài:

*Tôi lại về xóm Đồng... Bao nhiêu năm rồi, ông Ngải ngồi bên búi tre lép, ngày ngày mọi việc trôi qua như dòng sông quanh ngoài chân tre. Cũng đồng đất ấy, nhưng chẳng ai nhắc đến thời hợp tác xã. Người đời hay tránh cái đau, cái hèn kém cả đến trong ăn nói cũng kiêng những tiếng thô, tiếng bỗ bã...*

*Một con trâu vào xóm. Đường ngõ vương tường và nhà cao, chân trâu bước âm âm ròi rạc như tiếng chày giã bèo. Rồi ló ra con trâu đi, một bé cưỡi trâu, một người đàn bà vai vác như cái sào, như cây mía, một bé quây gánh cỏ rảo bước như chạy. Ông Ngải không nhìn ra, nhưng nói:*

- Mẹ con nhà nó.

Nói rồi ông ngược mặt:

- Anh Tư về chơi, mẹ Hén à!

Cô Hén ngả nón. Cô Hén chỉ bé sắt người lại còn thì vẫn như trước, cứ hao hao mà không khác mấy.

- Anh mới về. Mấy chục năm rồi...

- Năm nay cô bao nhiêu tuổi, cứ trừ đi khoảng mười lăm năm thì là bấy nhiêu lâu.

- Tính làm gì cho già người. Trông anh vẫn thế, bố em mà không gọi tên. em vẫn nhận ra.

- Cô với cháu đi làm đồng về. Thành bé cưỡi trâu này ngày trước nằm võng phải không?

- Em vào trong xóm mua chuối...

- Thế thì cô là lái chuối...

Tôi hỏi:



- Anh Toàn nhà cô đâu?

- Báo cáo với anh, nhà em lên Hà Nội làm xé lô. Có khi anh gặp mà không nhận ra thôi. Đến mùa thì về đỡ đàn việc nhà. Cày cuốc ra hạt gạo, thì đồng tiền lại hiếm. Chẳng đạp cái xé lô thì đào đâu ra tiền làm nhà, trát sần, lại tiêu pha cho các cháu đi học. Thằng nhớn cũng thôi học rồi, chưa đến tuổi tuyển quân, đương đòi xuống Diêm làm cứu vạt ...

Cô Hén lại kể:

- Nhà em bảo em lên ở Hà Nội. Giàu có nhà quê không bằng ngôi lê Kẻ Chợ, vẫn đồn thế mà. Người hèn đón cũng kiếm được, không mất bữa. Gánh đồng nát mà lãi quan viên. Nhà em bảo thế, em cũng đã lên xem sao.

Rồi cô Hén cười rúm mặt lại:

- Chưa nổi phiên chợ em phải nhào về. Kịch đến ngày xuống lỗ

- Thủ đô đấy, mà cô chê a?

- Mỗi tối thuê cái chiếu nằm gằm cầu, có tiền bạc của nả thì gói đầu, giắt lên ngực. Bốn bên lưng cũng người nằm, nói anh bỏ lỗi, nó đéo nhau huỳnh huých rồi lại chửi nhau, quát nhau to tiếng hơn ô tô chạy ngoài đường. Cả đêm không tải nào chợ mất, ăn cơm lại oẹ ra, ốm đến nơi. Thế là cú ngay. Thuê kẹo em cũng không bao giờ dám lên Hà Nội nữa.

Chiều Chiều xuất bản vào năm 1997. Tô Hoài từ trần năm 2014. Ông bà Ngải cũng không còn trên dương thế. Cậu con rể (hắn) đã trở thành một công dân lão hạng, và e không còn sức vóc để tiếp tục đạp xé lô như xưa nữa. Loại xe này, nghe đâu, cũng đã bị cấm tiệt cả rồi.

Cháu ngoại ông Ngải (chắc) đang làm cứu vạt ở Diêm, như dự tính. Cái Hén (không chừng) đã thành bà nội và (có lẽ) vẫn ở lại xóm Đồng vì không quen cảnh sống ("bốn bên lưng cũng người nằm đéo nhau huỳnh huých") ngay giữa Thủ Đô Cửa Lương Tâm Nhân Loại!

Cả gia đình ông Ngải chỉ có một thằng Ốc là đi bộ đội vào giải phóng miền Nam nhưng chưa đến nơi đã trở thành liệt sĩ nên lỡ mất cái cơ hội mang cái khung xe đạp, hay con búp bê, về lại xóm làng. Ấy thế chứ cứ theo dư luận thì cả nhà vẫn bị điều tiếng (và đay nghiến) là ... đám Bắc kỳ:

- Nguyễn Hữu Huân: Từ sau năm 75 thì Bắc kỳ lại càng ăn trên ngồi trốc, các cụ không tin cứ mở cái máy "dzô tuyến chuyên hình" hay cái "ra dzô" ra thì thấy liền, các "xướng ngôn dziêng" hầu như "chăm phần chăm" đều là Bắc kỳ, không cậu thì mợ. Còn các mợ tiếp dziêng "E Việt Nam", mợ nào mợ nấy đều khoe "em người Hà Lợi" hết ráo! Chẳng biết tại "dziêng dzáng" hay "phe đảng"?
- Trần Yên Hoà: Nói đến dân bắc kỳ bấy lâu thứ thiệt đang làm mưa làm gió ở Sài Gòn đó là những ông lớn đang cai trị dân miền Nam, từ công an, thuế vụ, ngoại thương, chủ tịch quận huyện, giám đốc các công ty quốc doanh, đám này đang làm mưa làm gió ở miền Nam và toàn quốc. Ở Sài Gòn, suốt đường Trần Quốc Toản (nay là đường 3 tháng 2) những ngôi nhà cao tầng khang trang sang trọng được mọc lên, đó là đất của quân đội cũ bọn việt công chiếm và chia chát cho nhau, cất nhà lầu cho thuê, buôn bán.

Rồi suốt dãy đường Cộng Hoà từ Lăng cha Cả trở lên đến Bến Xe Tây Ninh, cũng là những nhà lầu to, đẹp, khang trang được cất lên của bọn cán bộ cối, rồi suốt trong vùng Phi Trường Tân Sơn Nhất cũng hàng trăm hàng ngàn ngôi nhà lớn được xây cất và chủ nhân toàn là những tay tướng tá trong quân đội bắc kỳ bấy lâu chính cống, họ có xe hơi đời mới, từ Lexus đến Mercedes, họ ăn uống sang hơn những bậc hào phú quan quyền hồi xưa nhiều, kéo theo một đám bắc kỳ con ngông nghênh chạy xe phân khối lớn, xé nổ chạy xé gió ngoài đường, sau những cuộc đua xe với tốc độ kinh hoàng, đã gây ra biết bao nhiêu tai nạn cho người dân lành vô tội, các quí tử này đều là con các ông lớn bắc kỳ làm việc tại thành Hồ.

Nhà văn Trần Yên Hoà viết không có gì sai nhưng e không đúng lắm với hoàn cảnh của gia đình ông Ngải, ở cái Xóm Đồng (nào đó) thuộc tỉnh Thái Bình. Ông bà Ngải chắc chắn chưa bao giờ được tận mắt được nhìn một cái Lexus hay Mercedes nào cả. Con cháu họ có lẽ cũng chưa đưa nào được “may mắn” bước chân lên một chiếc phi cơ nên cái cơ hội được trở thành một tiếp viên hàng không (e) xa vời lắm.

Như đã thưa (đôi lần) tôi chưa bao giờ được đặt chân đến miền Bắc nên không thể biết là có bao nhiêu triệu nông dân (đang sống trong cảnh bần cùng) ở vùng đất này, như gia đình ông Ngải. Chỉ đoán già đoán non rằng họ chiếm khoảng chừng 60 đến 70 phần trăm dân số của nửa phần đất nước. Họ mới chính là những nạn nhân lâu năm nhất, khổ khổ và khổ nạn nhất của chế độ hiện hành.

Ở Việt Nam hiện nay chỉ còn có hai loại người thôi: thống trị và bị trị. Cả nước đã rơi vào tay cộng sản mà còn chia phe (Bắc/Nam/Trung) nữa bao giờ mới thoát nạn được, hả Trời?

## Ký túc xá

*“Sau khi đỗ tiểu học, tôi thi vào Trung -học. Những bạn của tôi ở từ các tỉnh tới, nói nhiều giọng khác nhau: Quảng – nam, Quảng -ngãi, Thừa -thiên, Bình – thuận, Ban- mê- thuật...Sau mỗi kỳ nghỉ Tết mỗi kỳ nghỉ Hè, lũ bạn đi học mang theo quà địa phương của mình. Bạn Quảng-nam mang theo khoai lang khô và bánh tổ, bạn Quảng-ngãi mang theo đường phổi, bạn Phan-thiết mang theo nước mắm nhĩ, còn rim mực, kẹo mè, bánh in, bánh cốm thì gần như không ai không có...”*

*Ngoài những bạn học người kinh, ký túc xá còn nhận những học sinh người Rhadé, những Y Bliêng, Y Phom, Y Bih, R’om Rock, Nay Phin... Họ đồng phục kaki vàng và trao đổi trò chuyện với chúng tôi bằng tiếng Pháp... Những buổi chiều trong sân trường, Y Phom hay biểu diễn môn bắn ná cho chúng tôi xem và mách rằng: “Thằng Y Bliêng đó, nó giàu lắm. Nhà nó có năm con voi và nhiều con trâu...Ở ký túc xá ăn, học, ngủ đều đúng giờ giấc nhưng khi thích chúng tôi vẫn lén nhẩy rào hay chun rào ra phố xem xi-nê...”*

(Võ Hồng. *Người Về Đầu Non*. Sài Gòn: Văn, 1968).

Nhà văn Võ Hồng sinh năm 1922. Hình ảnh những bạn học sắc tộc Rhadé của ông, hồi đầu thập niên 30 (“đồng phục kaki vàng và trò chuyện bằng tiếng Pháp”) ngó bộ bảnh bao thấy rõ và nghe cũng hơi có vẻ hoang đường!

Hơn một phần tư thế kỷ sau, tôi mới chào đời. Đây cũng là thời điểm mà người Pháp đang buộc phải rời khỏi VN. Khi tôi bắt đầu chương trình trung học, vào đầu thập niên 1960, ở Đà Lạt, bạn cùng lớp cũng có nhiều người thiểu số nhưng không ai biết một chữ tiếng Tây nào ráo trội. Chúng tôi trò chuyện, tất nhiên, đều bằng tiếng Việt.

Các bạn người Thượng nhà ở rất xa, tận quận Đơn Dương hoặc Lạc Dương, cách trường đến vài chục cây số. Họ đều sống trong ký túc xá, ở cuối đường Hoàng Diệu, gần thác Cam Ly.

Từ đây, nếu không có xe đạp, và muốn xem chiếu phim – ở rạp Ngọc Lan, Ngọc Hiệp, Hoà Bình – phải đi bộ hơn cả giờ đồng hồ. Vé vào cửa cho trẻ em tuy không mắc lắm nhưng vẫn là một số tiền lớn đối với lũ trẻ con. Chúng tôi thường chỉ chơi đá banh, hay bóng rổ, tại sân trường. Hai môn thể thao này không tốn đồng nào, và rất hợp với tính hiếu động của đám học trò. Tôi thân với K’Bien, H’ Bri, và Ya Ram. Ba anh đều lớn hơn tôi vài tuổi, đều rất khoẻ mạnh, và đều luôn luôn hơi có vẻ ngơ ngác như ba chú nai tơ giữa sân trường. Chúng tôi bao giờ cũng ở cùng phe, trong bất cứ cuộc chơi nào, và luôn luôn là phe ... thắng cuộc.

Trong việc học tập chúng tôi vẫn ở cùng phe nhưng là phe thất bại. K’Bien, Ya Ram và H’ Bri không phải là những học sinh xuất sắc. Tôi cũng vậy. Cả ba anh đều siêng năng, chịu khó làm



bài. Tôi thì chăm chỉ ... “cóp” lại của cả ba. Họ chả bao giờ được điểm cao. Tôi, tất nhiên, cũng thế! Thịnh thoảng tôi có ghé ký túc xá của K’Bien, Ya Ram và H’ Bri chơi. Đây là một toà nhà lớn, kiến trúc mô phỏng theo kiểu Nhà Rong ở Tây Nguyên nhưng cột chống xây bằng những trụ ciment hình vuông và lợp mái đỏ au.

Ba anh đều không có phòng riêng nên chúng tôi hay tha thân vào rừng, đốt một đống lửa nhỏ (theo thói quen của người miền núi) rồi ngồi quanh tán dóc. Nói cho chính xác thì chỉ có mình tôi tán (dóc) K’ Bien, H’ Bri, và Ya Ram chỉ chăm chú nghe, thịnh thoảng mới điểm chuyện bằng những nụ cười hiền lành hay thích thú.

Món quà tôi mang đến cho bạn thường là kẹo Nougat và bốn miếng thuốc lá hiệu Ruby Queen. Giá bán lẻ của loại thuốc này, vào thời điểm đó, là 3 đồng 4 miếng. Thiết là vừa vặn.

Rồi tôi bỏ học ngang để đi ... Tây nhưng đi không tới. Có người hàng xóm, quê ở Tân Châu (Châu Đốc) nói với tôi rằng nhà ông ấy *sát cạnh* biên giới. Từ đó, có thể “bò” qua Cao Miên dễ dàng như chui rào qua nhà hàng xóm. Tôi sẽ bị bắt và bỏ tù vì tội nhập cảnh bất hợp pháp. Thời gian giam giữ ngắn thôi, và khi được phóng thích, tôi có thể xin họ trục xuất mình ... qua Pháp! “Vi Cao Miên là một quốc gia trung lập nên em xin đi đâu cũng được.”

Tôi không đủ khôn ngoan để hỏi xem: tại sao thể chế của một quốc gia trung lập lại cho phép nhà cầm quyền trục xuất người nhập cảnh bất hợp pháp, qua một nước thứ ba (dễ dàng) như ném đồ vào thùng rác như vậy? Tôi cũng không rõ tại sao mình lại có “nhu cầu” phải ... đi đến tận bên Tây lặn?

Tôi chỉ nghe ông Cung Trầm Tưởng nói lại là “*Trời mùa Đông Paris, suốt đời làm chia ly,*” nên háo hức muốn ghé (qua) coi chơi cho biết – thể thôi. Vậy là tôi chôm hai lượng vàng của mẹ để thực hiện chuyến đi (giang hồ vật) đầu đời.

Chúng tôi đến Châu Đốc khi ngày vừa tắt nắng. Từ đây, về tới nhà ông hàng xóm – ở Tân Châu – phải đi bằng đường thủy. Ngay khi vừa ngồi trên trên chiếc tắc rắng, lênh đênh trên sông Cửu, tôi đã hình dung ra ngay cảnh ... Thuyền Viễn Xứ của Phạm Duy:

*Chiều nay sương khói lên khơi*

*Thuyền dương rữ bến tôi bời*

*Làn mây hồng pha ráng trời*

*Sóng Đà Giang thuyền qua xứ người*

*Nhìn về đường cố lý*

*Cố lý xa xôi*

*Đời nhịp sần lữ bước*

*Bước hoang mang rồi ...*

*Quay lại hướng làng*

*Đà Giang lệ ướt nồng*

*Mẹ già ngồi im bóng*

*Mái tóc tuyết sương*

*Mong con bạc lòng ...*

Mẹ tôi, may mắn, không đến nỗi phải mong con đến “bạc lòng.” Chuyến thăm nhà của ông hàng xóm thành công tốt đẹp nhưng giấc mộng hải hồ của tôi thì không. Sau vài ngày sum họp gia đình – mời bà con láng giềng, anh chị em, chú bác nhậu không ngừng (và tưng bưng) để mừng đoàn tụ – vào một đêm tối trời ửng dất tôi ra hè sau, chỉ tay vào khoảng không, nói bằng quơ: “Đó, cứ theo hướng này đi chừng tới sáng là qua tới bên bên. Có điều tui nghe nói lúc này tình hình hơi căng thẳng nên chú em phải thận trọng chút xíu.”

Để minh họa cho “tình hình hơi căng thẳng” giữa hai quốc gia Miên/Việt – thịnh thoảng – một quả hỏa châu lại loé sáng trong đêm, cùng với những tràng đạn nổ vu vơ ở xa xa. Tôi lạnh căng nên đổi ý.

Sau khi tiêu sài đến đồng bạc cuối cùng của hai lượng vàng vừa bán vài tuần trước, tôi thất thểu trở về ... mái nhà xưa. Bố mẹ tôi mừng còn hơn tìm lại được một ... viên kim cương thất

lạc! Tôi cũng trở lại trường cũ nhưng thầy hiệu trưởng, rõ ràng, không mừng vui gì cho lắm. Ông quyết định cho tôi thôi học vì vắng mặt nhiều ngày không xin phép:

“Trường chớ bộ chợ sao mà trò muốn tới giờ nào thì tới.”

Từ đó, tôi không bao giờ có dịp gặp lại những người bạn cũ. Tính tôi lại chóng quên nên hình ảnh của K’Bien, Ya Ram và H’ Bri cứ nhạt nhoà dần rồi biến mất luôn không biết tự lúc nào.

Gần nửa thế kỷ sau, khi tóc đã điểm sương – có bữa – tôi tình cờ chợt nhìn thấy lại những gương mặt quen thuộc, trông y như những người bạn cũ của mình, vào thưở ấu thời, qua một thiên phóng sự bằng hình (Sự Học Ở Vùng Sâu Vùng Xa) của nhóm phóng viên báo Tuổi Trẻ Cuối Tuần – số ra ngày 1/6/2011.



Ký túc xá của học sinh ở vùng cao huyện Nam Trà My, Quảng Nam – Ảnh: Tấn Vũ.

Tôi biết hoàn cảnh sống không sáng sủa của những đồng bào thiểu số ở đất nước mình dưới chế độ mới nhưng không thể hình dung ra được là con cháu của K’Bien, Ya Ram và H’ Bri ... phải chịu cực khổ đến thế chỉ vì mong muốn được cấp sách đến trường – theo như nguyên văn lời tường thuật của bài báo thượng dẫn:

“Chúng tôi đến xã Mường Lý khi địa phương này đang mùa giáp hạt. Xã hiện có gần 300 học sinh tiểu học, THCS phải trọ học tại trường – đông nhất huyện. Bữa ăn trưa của các em Vàng A Sự, Vàng A Tu, Vàng A My ở căn lều trống hoác cạnh Trường THCS Mường Lý chỉ có cơm với muối trắng, chan nước lạnh.

Mỗi tháng em phải về nhà hai lần lấy gạo – Sự kể – Tụi em tự kiếm thức ăn, đũa nào nhà khá thì có thêm một, hai chục ngàn mỗi tháng để mua vài con cá khô, đậu phụ cải thiện. Ở nhà bố mẹ và các em vẫn phải ăn độn ngô, sắn, bạn em nhiều đũa không đủ gạo ăn. Nhưng chúng em chỉ có con đường học thôi.”



Giờ ăn ở ký túc xá Lò Sủ Thành (Lào Cai)  
Ảnh: Hoàng Điệp

Thầy Nguyễn Văn Hà, Trường THCS Mường Lý, kể: ‘Cuối tuần, thầy trò chúng tôi lên rừng đào măng, hái rau dại, trứng kiến để các em cải thiện bữa ăn’. Sống ở lều tạm, thầy trò ở đây còn lo mùa mưa thì lũ quét, lũ ống hát lều xuống sông Mã, mùa khô thì nguy cơ cháy rừng rập, bởi các túp lều làm bằng tre, nứa lợp lá, nằm sát nhau rất dễ bắt lửa.”



Ký túc xá ở Mường Lý (Thanh Hóa) – Ảnh: Hà Đồng

Nhìn hình ảnh những ký túc xá ở Việt Nam, bây giờ, khiến tôi liên tưởng đến quãng đời học trò của nhà văn Võ Hồng (hồi đầu thế kỷ trước) mà muốn ứa nước mắt:

*“Sau khi đỗ tiểu học, tôi thi vào Trung -học. Những bạn của tôi ở từ các tỉnh tới, nói nhiều giọng khác nhau: Quảng – nam, Quảng -ngãi, Thừa -thiên, Bình – thuận, Ban- mê- thuộ t...Sau mỗi kỳ nghỉ Tết mỗi kỳ nghỉ Hè, lũ bạn đi học mang theo quà địa phương của mình. Bạn Quảng-nam mang theo khoai lang khô và bánh tổ, bạn Quảng-ngãi mang theo đường phôi, bạn Phan-thiết mang theo nước mắm nhĩ, còn rim mực, kẹo mè, bánh in, bánh cốm thì gần như không ai không có...”*

*Ngoài những bạn học người kinh, ký túc xá còn nhận những học sinh người Rhadé, những Y Bliêng, Y Phom, Y Bih, R’om Rock, Nay Phin... Họ đồng phục kaki vàng và trao đổi trò chuyện với chúng tôi bằng tiếng Pháp... Những buổi chiều trong sân trường, Y Phom hay biểu diễn môn bắn ná cho chúng tôi xem và mách rằng: “Thằng Y Bliêng đó, nó giàu lắm. Nhà nó có năm con voi và nhiều con trâu...”*

*Ở ký túc xá ăn, học, ngủ đều đúng giờ giấc nhưng khi thích chúng tôi vẫn lén nhẩy rào hay chun rào ra phố xem xi-nê...”*

Người lính Pháp cuối cùng rời khỏi Việt Nam vào ngày 28 tháng 4 năm 1956. Hơn nửa thế kỷ đã qua nhưng chính sách cai trị hà khắc, và chủ trương ngu dân của chủ nghĩa thực dân, vẫn còn để lại ít nhiều cảm phần trong tâm khảm của dân tộc Việt. Mai hậu, chúng ta cần phải “bao lâu” mới có thể quên được hết những tội ác (tày trời) mà chủ nghĩa cộng sản đã gây ra trên đất nước này?

10/2011